|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 6**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A2** (45 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A3** (45 hs) |
| **19** | 73 | 08/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 74 | 08/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 75 | 09/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 76 | 10/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **20** | 77 | 10/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 78 | 11/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 79 | 11/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 80 | 12/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **21** | 81 | 12/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 82 | 13/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 83 | 14/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 84 | 14/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

**BÀI 6**

**CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

**Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 73 đến tiết 84)**

*Và con phải kể cho con của con nghe về những truyền thuyết mà mẹ đã kể cho con - giống như bà đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà* *…*

Bét-ti Xmít (Betty Smith)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề văn bản). [1]

- Nhận biết được các đặc điểm riêng của thể loại truyện truyền thuyết: nhận biết được các sự kiện lịch sử liên quan đến câu chuyện được kể; chỉ ra được tác dụng của những chi tiết hoang đường, kì ảo. [2]

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp). [3]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện. [4]

- Kể được một truyền thuyết. [5]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [6].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [7].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [8]

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.[9]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [10].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu, biết viết bài văn thuật lại sự kiện ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số tranh ảnh, video liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.

+ Một số truyền thuyết làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn.

+ Một số bài viết tham khảo về văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (sinh hoạt văn hóa)

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 73, 74: Văn bản 1. THÁNH GIÓNG (Truyền thuyết)**

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề “*Chuyện kể về những người anh hùng*” và thể loại của văn bản chính là truyền thuyết.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ tên các truyền thuyết

**c. Sản phẩm**: Nội dung chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Trò chơi *Ai nhanh hơn?*

+ Chia lớp thành 2 đội

+ Học sinh mỗi đội sẽ lần lượt viết tên những truyện truyền thuyết mà mình đã được nghe, được đọc.

Trong thời gian 3 phút, đội nào viết được nhiều tên truyện nhất sẽ thắng cuộc.

*Vấn đáp*: Trong những truyện truyền thuyết trên em ấn tượng với câu chuyện nào? Nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện truyền thuyết mà em yêu thích.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**GV dẫn dắt vào bài học mới:** Mở đầu chương V Đất Nước (trích trường ca Mặt đường khát vọng), nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có viết:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi  
Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể  
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn  
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc  
Tóc mẹ thì bới sau đầu  
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn  
Cái kèo, cái cột thành tên  
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng  
Đất Nước có từ ngày đó...*

Cội nguồn đất nước bắt đầu từ những gì gần gũi, bình dị với mỗi người, bắt nguồn từ những câu chuyện truyền thuyết, truyện dân gian từ xa xưa mà ta vẫn được nghe mẹ, nghe bà kể mỗi tối. Để qua những câu chuyện đó, ta thấy yêu đất nước và thấy có niềm tin vào cuộc sống hơn.

Đến với bài học hôm nay, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu về những truyền thuyết, đó là những chuyện kể về những người anh hùng, để thêm yêu mến, trân trọng những sáng tác dân gian vô giá!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1.** GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi tìm hiểu về truyền thuyết: khái niệm, chi tiết thần kì, đề tài, chủ đề…).

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại.  - GV chiếu hình ảnh và tên 1 số truyền thuyết, HS quan sát, chia sẻ:  ? Em thích nhất truyền thuyết nào, em hãy kể tóm tắt truyền thuyết.  ? Về thể loại truyện truyền thuyết: xác định các yếu tố cơ bản của truyền thuyết đó như cốt truyện, nhân vật, lời kể?  ? Chỉ ra các yếu tố hoang đường, kì ảo trong truyền thuyết mà em đề cập đến?  ? Em hiểu truyền thuyết là gì? Nêu một số yếu tố của truyền thuyết?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc **Tri thức ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức để trả lời câu hỏi  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức dẫn vào hoạt động đọc văn bản | TRI THỨC NGỮ VĂN: THỂ LOẠI TRUYỀN THUYẾT  **1. Khái niệm**  - *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **2. Một số yếu tố của truyện truyền thuyết:** - Cốt truyện: Kể về cuộc đời và những chiến công của các nhân vật lịch sử, hoặc giải thích các phong tục, tập quán, sản vật của địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. Kể theo trình tự thời gian. Không gian cụ thể, xác định.  - Nhân vật chính: là những người anh hùng đại diện cho nhân dân (anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa…)  - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca.  - Yếu tố kì ảo (lạ và không có thật): xuất hiện đậm nét, nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ. |

Hoạt động 1.2. VĂN BẢN 1: THÁNH GIÓNG

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[1], [2]

- Năng lực ngôn ngữ: Kể được truyền thuyết Thánh Gióng, viết được đoạn văn kết nối với đọc về hình ảnh để lại ấn tượng sâu sắc.

**\* Năng lực chung:** [6], [7], [8].

**\* Phẩm chất:** [9], [10].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu truyền thuyết Thánh Gióng.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1. Giới thiệu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về truyện truyền thuyết *Thánh Gióng*.

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem video, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV: Chiếu video về Hội Gióng (Sóc Sơn)

? Hãy cho biết lễ hội trên là tưởng nhớ vị anh hùng nào của dân tộc?

? Em biết gì về người anh hùng ấy, hãy giới thiệu ngắn gọn cho các bạn biết?

- GV quan sát HS hoạt động, mời HS trả lời, chia sẻ

- HS: Hoạt động cá nhân, trả lời, chia sẻ

****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: HS báo cáo kết quả hoạt động:** HS trả lời câu hỏi của GV

**Dự kiến câu trả lời:**

-Lễ hội trên là tưởng nhớ vị anh hùng nào của dân tộc: Thánh Gióng.

- Thánh Gióng là vị anh hùng có công giết giặc Ân, bảo vệ bờ cõi đất nước. Thánh Gióng có nhiều phẩm chất cao quý... (HS bày tỏ)

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

GV giới thiệu: Yêu nước, quyết tâm bảo vệ non sông, đất nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Truyền thống ấy không chỉ minh chứng bằng những trang lịch sử vẻ vang của dân tộc, mà còn trở thành đề tài của nhiều tác phẩm văn học. Trong kho tàng truyện dân gian, ***Thánh Gióng*** là một truyền thuyết nổi tiếng nhất, tiêu biểu nhất cho vẻ đẹp của lòng yêu nước và khí phách dân tộc. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyền thuyết ***Thánh Gióng*** để hiểu hơn về người anh hùng Thánh Gióng và một thời kì lịch sử của dân tộc...

**Hoạt động 1.2.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Đọc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ. Chú ý lời nói của các nhân vật.  - GV đọc mẫu một vài đoạn.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  - Tìm hiểu chú thích SGK: *Sứ giả, chết như ngả dạ, làng Cháy, núi Ninh Sóc...*  **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV- nhận xét cách đọc của HS.  **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Hãy nêu đặc điểm nổi bật của truyền thuyết *Thánh Gióng* (nhân vật, sự việc, ngôi kể,...)  ? Nêu những sự việc chính của truyện?  ? Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu?  ? Nêu bố cục của văn bản. Có thể chia theo cách khác?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK,  - Lắng nghe và chắt lọc kiến thức tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích trong SGK  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Thể loại: Truyền thuyết**  **-** Thể loại: truyền thuyết  Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương.   * Ngôi kể: ngôi thứ ba * PTBĐ: tự sự   **b. Cốt truyện**  - Nhận vật chính: *Thánh Gióng*  - Sự việc:  (1) *Sự ra đời kì lạ*  *(2) Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc*  *(3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt*  *(4) Gióng vươn vải trở thành tráng sĩ*  *(5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc*  *(6) Gióng bay về trời*  **c. Bố cục**: 4 phần  - Từ đầu -> đặt đâu thì nằm đấy: sự ra đời của Thánh Gióng  - Tiếp -> giết giặc cứu nước: Gióng lớn lên  - Tiếp -> bay lên trời: Gióng đánh tan giắc, bay ề trời  - Còn lại: những dấu tích còn lại của Thánh Gióng. |

**Hoạt động 1.2.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, hoạt động nhóm chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng phiếu học tập số giao nhiệm vụ:   1. Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.  |  |  | | --- | --- | |  | **Chi tiết** | | **Thời gian** |  | | **Không gian** |  | | **Sự việc** |  | | Nhận xét:………. | |   **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS 3 phút làm việc cá nhân  GV: Quan sát, hướng dẫn HS: Phần nhận xét về bổi cảnh đặc trưng của thể loại truyền thuyết mở rộng bối cảnh các truyền thuyết khác để HS phát hiện ra đặc điểm chung.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. Nhấn mạnh bối cảnh đặc trưng của truyền thuyết.  - GV mở rộng về một số cách kể khác về bối cảnh của câu chuyện Thánh Gióng trong các dị bản khác.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết** | **Bình thường** | **Khác thường** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | | Suy nghĩ về nguồn gốc của Gióng?  ……………………………………………………….. | | |   1. Tìm những chi tiết cho biết sự ra đời của Gióng.  2. Sự ra đời của Gióng gì đặc biệt? Sự ra đời như vậy có ý nghĩa gì?  3. Có phải chỉ Thánh Gióng mới ra đời kì lạ như vậy không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS 3 phút làm việc cá nhân  - GV hướng dẫn câu hỏi số 2,3 (nếu cần): Hướng dẫn HS xác định các chi tiết kì lạ theo từng bước, dựa vào dự đoán và suy luận của HS:  + Vết chân to lớn, khổng lồ - người có hình dáng cũng phải to lớn, khổng lồ.  + Người to lớn, khổng lồ thường có sức mạnh phi thường.  + Người to lớn, khổng lồ thường không xuất hiện trong đời thường, suy ra đó có thể là một vị thần (trong trí tưởng tượng dân gian).  - Hướng dẫn HS xác định ý nghĩa sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng bằng việc mở rộng về một trong những phương cách mà tác giả dân gian thường dùng khi thần thánh hoá người anh hùng đó là gắn kết họ với các sức mạnh của tự nhiên.  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. GV sử dụng phiếu học tập số 3 giao nhiệm vụ: Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết** | **Ý nghĩa** | | Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc |  | | Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt |  | | Bà con góp gạo nuôi Gióng |  | | Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ |  | | Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc |  | | Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời |  |   2. Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì? Em hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Gióng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS lLàm việc cá nhân 7 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân và trả lời câu hỏi  - GV hướng dẫn HS (nếu cần).  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - Yêu cầu học sinh trình bày.  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  GV mở rộng: Ngày nay ở làng Gióng, ND vẫn tổ chức cuộc thi nấu cơm, hái cà nuôi Gióng. Đây là hình thức tái hiện qúa khứ rất giàu ý nghĩa.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  **Nhiệm vụ 4**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh theo dõi SGK, chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi:  (1) Những dấu tích của truyền thuyết Thánh Gióng để lại đến ngày này là gì?  (2) Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm chi tiết  - GV: Dự kiến tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (1) bằng cách gợi ý (Tại sao chúng ta có niềm tin chuyện Thánh Gióng là có thật?)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày, chia sẻ.  - HS khác theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung....  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **Nhiệm vụ 5**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  1. Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của truyền thuyết Thánh Gióng? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  2. Từ đó em rút ra đặc trưng cơ bản nào của truyện truyền thuyết?  3. Để đọc hiểu một truyền thuyết, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ cá nhân 5’ và ghi ra giấy.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động.**  - Tổ chức cho HStrao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  - Nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, đánh giá, chốt kiết thức   - Nhấn mạnh cách đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết:  + Nhận biết được nhân vật anh hùng trong truyện, yếu tố lịch sử cốt lõi được đề cập.  **+** Kể lại được truyện theo trình tự diễn biến các sự kiện.  + Nhận biết được chủ đề của truyện  + Chỉ ra được ý nghĩa của các yếu tố hoang đường, kì ảo | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Sự ra đời của Thánh Gióng**  **a) Bối cảnh của câu chuyện**  + Thời gian: đời Hùng Vương thứ sáu.  + Không gian: không gian hẹp là một làng quê, không gian rộng là bờ cõi chung của đất nước.  + Sự việc: Giặc Ân xâm lược, thế giặc mạnh.   * Đây là tình huống khá điển hình ở các tác phẩm truyền thuyết: đất nước đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn: đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài đánh giặc giúp dân cứu nước.   ***b) Sự ra đời của Thánh Gióng***  *- Sự bình thường*: Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức*.*  *- Sự khác thường:*  + Bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.  + Mang thai 12 tháng  + Ba tuổi vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.  => Ý nghĩa: Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường hé mở rằng đứa trẻ này không phải là một người bình thường, sẽ lập nên những chiến công phi thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi - người anh hùng của nhân dân.  **2. Gióng lớn lên và đi đánh giặc**  - Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc: Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn, thể hiện ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước và niềm tin chiến thắng. Lòng yêu nước tạo khả năng kì lạ  - Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt: Đánh giặc cần vũ khí. Vũ khí bằng sắt là thành tựu văn minh kim loại của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương.  - Bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng: Thể hiện tinh thần đoàn kết chống giặc. Gióng được nhân dân nuôi dưỡng, sức mạnh của Gióng là sức mạnh toàn dân.  - Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ: Sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước. Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng với sức mạnh phi thường. Đó cũng là sự trỗi dậy thần kì của dân tộc khi có ngoại xâm.  - Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre đánh giặc: Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cây cỏ của đất nước.  - Gióng đánh giặc xong bay về trời:  Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. Gióng về trời là sự tôn vinh cao đẹp nhất của nhân dân đối với người anh hùng. Hình ảnh Thánh Gióng trở thành bất tử.  \* Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng: Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. Thánh Gióng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đổng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước; sức mạnh và ý chí của nhân dân - những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân anh hùng, những binh lính anh hùng,...  **3. Dấu tích còn lại**  **\* Dấu tích**  - Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương  - Bụi tre đằng ngà  - Ao hồ liên tiếp  - Làng Cháy  **\* Ý nghĩa:**  - Nhân dân ta tin rằng Thánh Gióng là người anh hùng có thật, thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.  **-** Tăng tính xác thực cho câu chuyện,  tạo niềm tin cho người đọc.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Chi tiết tượng tượng kì ảo.  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường).  - Lời kể cô đọng, trang trọng.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  *\* Nội dung*: Truyện ca ngợi công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  *\* Ý nghĩa*: Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, quyết tâm, tinh thần đoàn kết của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.  **3. Một số đặc điểm thi pháp của thể loại truyền thuyết**  - Tình huống điển hình của cốt truyện: ra đời một cách khác thường, kì lạ - lập nên những chiến công phi thường - và sau đó từ giã cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường.  - Các chi tiết tiêu biểu: kì lạ, phi thường.  - Nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể.  - Lời kể có nhiếu chi tiết hoang đường, kì ảo,... |

**Hoạt động 1.2.4. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn về một hình ảnh hay hành động của nhân vật trong truyền thuyết để lại nhiều ấn tượng.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh hay hành động của Gióng đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

GV: quan sát, hỗ trợ HS nếu cần:

- Dự kiến KK: học sinh chưa biết hình thành dàn ý cơ bản, viết đoạn thiếu liên kết giữa các ý.

Tháo gỡ KK: yêu cầu HS nhắc lại các bước cơ bản của đoạn văn nêu ý nghĩa của chi tiết, sự việc.

**Tham khảo dàn ý:**

- Mở đoạn: Giới thiệu chi tiết (Trong truyền thuyết Thánh Gióng, em thích nhất là chi tiết...)

- Thân đoạn:

+ Nêu vị trí của chi tiết:

+ Nêu ý nghĩa của chi tiết:

- Kết đoạn: Nêu suy nghĩ của bản thân.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**Đánh giá bằng rubric**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em | Chưa đúng hình thức đoạn văn, nội dung chưa thể hiện rõ một hình ảnh/ hành động của Gióng gây ấn tượng sâu sắc; chưa biết lí giải giá trị của hình ảnh đó; còn sai 3-5 lỗi chính tả trở lên, lỗi diễn đạt  (5 điểm trở xuống) | Đúng hình thức đoạn văn, nhưng số câu chưa đúng quy định; nội dung thể hiện rõ một hình ảnh/ hành động của Gióng gây ấn tượng sâu sắc; biết lí giải giá trị của hình ảnh đó nhưng chưa sâu sắc (6-7 điểm) | Đúng hình thức đoạn văn, số câu đúng quy định; nội dung thể hiện rõ một hình ảnh/ hành động của Gióng gây ấn tượng sâu sắc; biết lí giải giá trị của hình ảnh đó sâu sắc, có cảm xúc; diễn đạt sáng tạo, hấp dẫn  (8-10 điểm) |

**(Giáo viên hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động thực hành Tiếng Việt**

**vào giờ học sau)**

**Hoạt động 1.3.**

**Tiết 75. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Nghĩa của từ, Từ ghép và từ láy, Cụm từ, Biện pháp tu từ)**

**Hoạt động 1.3.1: Ôn tập kiến thức về Nghĩa của từ, Từ ghép và từ láy, Cụm từ, Biện pháp tu từ**

**a. Mục tiêu:** HS nhớ lại các kiến thức về Nghĩa của từ, Từ ghép và từ láy, Cụm từ, Biện pháp tu từ

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập: C**âu trả lời đúng của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  1. Hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:  **A B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cụm từ |  | Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. | | Tính từ | Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. | | Động từ | Nhóm, tập hợp nhiều từ | | Từ Hán Việt | Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |   2. Phân biệt từ ghép và từ láy?  3. Kể tên các biệm pháp tu từ đã học? So sánh là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Ôn tập lý thuyết**  - Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ  - Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.  - Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.  - Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt.  - Từ ghép: Giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩ  - Lừ láy: Giữa các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. |

**Hoạt động 1.3.2: Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết Nghĩa của từ, Từ ghép và từ láy, Cụm từ, Biện pháp tu từ

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập: C**âu trả lời đúng của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc BT1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **\* Nhiệm vụ 2. Bài tập 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:làm bài tập 2, xác định từ ghép và từ láy trong các cậu  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện yêu cầu bài tập  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, GV lưu ý HS về cách nhận diện từ ghép, từ láy.  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và phân tích các từ láy trong các câu văn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn/nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **\* Nhiệm vụ 4**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS vận dụng biện pháp này để nói về một sự vật hoặc hiện tượng được kể trong truyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV (A) | Từ HV (A + giả) | Nghĩa của từ | | 1 | tác | tác giả | Người tạo ra tác phẩm, bài thơ | | 2 | độc | độc giả | Người đọc | | 3 | khán | khán giả | Người xem | | 4 | thính | thính giả | Người nghe | | 5 | diễn | diễn giả | Người trình bày diễn thuyết | | 6 | học | học giả | Người chuyên nghiên cứu, có tri thức khoa học sâu rộng | |  | ... | ... | … |   **Bài 2/ trang 9**  - Từ ghép: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp, hoảng hốt.  - Từ láy: vội vàng.  **Bài 3/ trang 9**  - Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.  - Cụm tính từ: chăm/làm ăn  - Đặt câu: VD  + Giặc Ân đã xâm phạm bờ cõi nước ta.  + Anh ấy chăm làm ăn nên nhà khá giả nhất vùng.  **Bài 4/ trang 9**  - Biện pháp nghệ thuật so sánh (Cấu trúc: A như B)  - Vận dụng trong truyện Thánh Gióng:  + Giặc Ân chết như ngả rạ.  + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi. |

**(GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản *Sơn Tinh Thủy Tinh* để chuẩn bị cho**

**giờ học sau)**

**Hoạt động 1.4.**

**Tiết 76, 77. Văn bản 2: SƠN TINH, THỦY TINH**

**Hoạt động 1.4.1. Giới thiệu bài**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung hoạt động:** HS nhắc lại thể loại chính và nội dung chủ đề đã học trong Bài 6

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại thể loại chính và nội dung chủ đề đã học trong Bài 6

? Nêu đặc điểm của Truyền thuyết?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu bài.

**Hoạt động 1.4.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, [1], [6], [7], [8].

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, tìm hiểu nhân vật, cốt truyện, bố cục truyện.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ. Chú ý lời nói của các nhân vật.  - GV yêu cầu học sinh tự đọc, tìm hiểu các chú thích, ngôi kể, nhân vật, sự việc chính và bố cục truyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ*..*  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc VB, tìm hiểu chú thích.  - Thảo luận nhóm xác định nhân vật, sự việc chính, bố cục truyện  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét kết luận | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Thể loại: Truyền thuyết**  **-** Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* kể về các nhân vật ở thời đại Vua Hùng.   * Ngôi kể: ngôi thứ ba   **b. Cốt truyện**  - **Nhận vật** **chính**: Sơn Tinh, Thủy Tinh  - **Sự việc:**  (1) Vua Hùng tổ chức kén rể.  (2) Sơn Tinh, Thuỷ Tinh đến cầu hôn  (3) Vua Hùng ra điều kiện chọn rể: mang sính lễ đến trước thì gả con gái cho..  (4) Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương.  (5)Thuỷ Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh.  (6) Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thuỷ Tinh thua.  (7) Hàng năm, Thuỷ Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.  **c. Bố cục văn bản**: *3 phần*  + Phần 1: Từ đầu đến “*mỗi thứ một đôi*”. Hùng Vương thứ mười tám kén rể cho con gái.  + Phần 2:Tiếp theo đến “*Thần nước đành rút quân*”. Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần.  + Phần 3:Còn lại. Sự trả thù hàng năm của Thủy Tinh và sự chiến thắng của Sơn Tinh. |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS theo dõi văn bản chắt lọc nội dung hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc thầm phần 1: Từ đầu đến “*mỗi thứ một đôi*”  ? Sự việc nào là sự việc khởi đầu, là nguyên nhân của các sự việc trong truyện? Tóm tắt sự việc đó?  **B2:** **Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS đọc văn bản, tìm câu trả lời.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày nội dung đã thảo luận.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi  1. Tìm chi tiết nói về lai lịch, tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh? Nhận xét về tài năng của nhân vật?  2. Để kén rể, Vua Hùng đưa ra yêu cầu gì? Qua đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy? Kết quả của cuộc thi tài dâng lễ vật giữa hai vị thần ra sao?  3. Hoàn thành phiếu học tập sau về cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh:   |  |  | | --- | --- | | ? Sơn Tinh giao tranh với Thủy Tinh là vì lí do gì? |  | | ? Tìm và liệt kê những chi tiết tái hiện cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh? Ai là người chiến thắng, vì sao người chiến thắng được xem là anh hùng. |  | | Chủ đề của câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì? Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh; Truyện phản ánh ước mơ gì của nhân dân ta |  |   **B2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành Phiếu học tập.  - GV quan sát, gợi ý hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trình bày nội dung đã thảo luận.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4:** **Đánh giá kết quả hực hiện nhiệm vụ**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3**  **B1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Liệt kê những chi tiết hoang đường kì ảo trong truyện? Nêu ý nghĩa của những chi tiết đó?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm chi tiết, thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến  - GV theo dõi, gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến  - HS khác nhận xét, bổ sung hoặc chia sẻ ý kiến cá nhân  **B4:** **Đánh giá kết quả hực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS. Chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  1. Bối cảnh nào cho thấy câu chuyện có liên quan đến sự thật (thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện) Hoàn cảnh ấy cho ta biết được điều gì?  2. Theo em, truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Tác giả dân gian cho rằng do đâu mà có hiện tượng tự nhiên đó?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến  - GV theo dõi, gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày ý kiến  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4:** **Đánh giá kết quả hực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét, kết luận.  **Nhiệm vụ 5**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân:  1. Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  2. Từ đó em rút ra đặc trưng cơ bản nào của truyện truyền thuyết? Để đọc hiểu một truyền thuyết, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   - GV hướng theo dõi, quan sát hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3. HS báo cáo kết quả hoạt động**  + Tổ chức trao đổi, trình bày  **B4:** **Đánh giá kết quả hực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận  - GV chốt:Rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết:  + Nhận biết được nhân vật anh hùng trong truyện, yếu tố lịch sử cốt lõi được đề cập (Vùng núi Tản Viên, địa bàn sinh tụ đầu tên của người Việt cổ, thường xuyên diễn ra lũ lụt trên sông Đà, công cuộc trị thủy, dân cư trồng lúa nước.  + Kể lại được truyện theo trình tự diễn biến các sự kiện.  + Nhận biết được chủ đề của truyện  + Chỉ ra được tác dụng của các yếu tố hoang đường, kì ảo | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Vua Hùng kén rể**  Hùng Vương thứ 18 muốn kén cho con gái Mị Nương một người chồng thật xứng đáng.  🡪 Đây là mô típ quen thuộc thường thấy trong truyện dân gian, tạo sức hấp dẫn.  **2. Nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh.**  **a. Lai lịch, tài năng:**  - Sơn Tinh: ở vùng núi Tản Viên có tài lạ *“vẫy tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi”.*  - Thủy Tinh: ở miền biển, tài “*gọi gió gió đến, hô mưa mưa về”.*  🡪 Cả hai đều đều tài năng phi thường, thần kì. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, bồi đắp; tài năng của Thuỷ Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lụt).  **b. Cuộc thi tài dâng lễ vật**  - Lễ vật : “*100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.*  - Kết quả: Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, lấy được Mị Nương.  **c. Cuộc giao tranh giữa 2 vị thần**  - Thủy Tinh tạo ra thảm họa thiên tai, sức mạnh hủy diệt mọi sự sống:  -Sơn Tinh: Bình tĩnh chống trả *không hề nao núng; bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy, ngăn nước* bảo vệ sinh mệnh của cộng đồng trước thiên tai.  - Kết quả: Sơn Tinh chiến thắng, Thủy Tinh chịu thua, phải rút quân  **\* Ý nghĩa của hình tượng nhân vật:**  Sơn Tinh, Thủy Tinh đều là nhân vật tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng:  - Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh khủng khiếp của thiên tai, lũ lụt.  - Sơn Tinh biểu trưng cho sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân trong công cuộc phòng chống thiên tai. Chiến thắng của Sơn Tinh là chiến thắng của cộng đồng , của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân  🡪 Sơn Tinh là người anh hùng của nhân dân.  **3. Chi tiết hoang đường kì ảo**  - Chi tiết về tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.  -Chi tiết về lễ vật thách cưới của vua Hùng.  - Chi tiết chống trả của Sơn Tinh: *“Bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi”; “Nước cao lên bao nhiêu thì đồi núi cao lên bấy nhiêu”*  **\* Ý nghĩa:**  - Nhấn mạnh tài năng của hai vị thần. Đặc biệt, ca ngợi tài năng, sức mạnh, ý chí của người anh hùng Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt.  - Thể hiện ước mơ của nhân dân trong việc chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống.  **4. Các chi tiết liên quan đến sự thật**  **a. Bối cảnh câu chuyện**  - Thời gian: thời Hùng Vương thứ mười tám.  - Địa danh: Thành Phong Châu xưa nơi vua Hùng đóng đô; núi Tản Viên (Ba Vì) địa bàn sinh sống của người Việt cổ.  - Nhân dân ta từ xưa có nghề trồng lúa nước, thường xuyên phải chống lũ lụt vào tháng 7,8  => Làm cho câu chuyện được kể tăng thêm tính xác thực, tạo niềm tin thiêng liêng cho mọi người  **b. Giải thích hiện tượng thiên nhiên**  - Do oán nặng thù sâu mà hàng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh, khiến cho nước ngập khắp mọi nơi, gây ra lũ lụt.  => Tô đậm tính xác thực, đưa người đọc từ thể giới hư cấu mơ hồ trở về đời sống thực, nhắc nhở về những hiện tượng thường diễn ra.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả.  - Có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo,xây dựng bằng trí tưởng tượng.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Giải thích hiện tượng mưa gió, lũ lụt hàng năm.  - Ý nghĩa: Thể hiện sức mạnh và ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ, chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức trong bài học để viết đoạn văn, [7], [8], [10].

**b. Nội dung**: HS viết đoạn văn kết nối với đọc

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Viết đoạn văn ngắn (từ 5 - 7 câu) miêu tả ngoại hình của một nhân vật mà em yêu thích trong văn bản.  - Yêu cầu đặt ra: Miêu tả cần dựa trên các chi tiết về tài năng, hành động,... của nhân vật trong truyện. Khuôn mặt, vóc dáng, của chỉ, trang phục, ...của mỗi nhân vật theo trí tưởng tượng của HS.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS viết đoạn văn  - GV giới thiệu bài thơ: “Sơn Tinh, Thủy Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp để các em HS có thêm tư liệu viết bài.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  -HS đọc đoạn văn,  - HS khác nhận xét  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  - GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).  - Cho HS tham khảo đoạn văn:  Trong cơn mưa giông lớn, những trận mưa như trút, sấm sét đùng đoàng, Thủy Tinh cao lớn đang gào thét. Khuôn mặt thần đỏ ngầu, đôi mắt quắc lên, râu xanh quăn rì. Thủy Tinh người ngồi trên lưng một con sóng khổng lồ. Còn Sơn Tinh mắt sáng rực, vóc dáng thanh cao, khuôn mặt chữ điền, thần vừa cưỡi hổ phi đến. Từ đằng xa, Sơn Tinh dáng đứng uy nghi, vững vàng, thần trỏ tay bốc từng quả đồi để dân có chỗ đứng. Tay ngài cầm ngọn giáo lớn, rẽ nước cứu dân. Ngài đưa từng đoàn người lên đỉnh núi cao tránh lũ. | **IV. Viết kết nối với đọc** |

**(Hướng dẫn học sinh đọc trước nội dung Thực hành tiếng Việt**

**chuẩn bị cho giờ học sau)**

**Hoạt động 1.5.**

**Tiết 78. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Dấu câu, Nghĩa của từ, Biện pháp tu từ)**

**Hoạt động 1.5.1. Tìm hiểu về công dụng của dấu chấm phẩy.**

**a. Mục tiêu:** [3], [6]. [7], [8], [10]

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *Em hãy nêu hiểu biết của mình về dấu chấm phẩy?*  - GV đưa ra bài tập mẫu: Tìm dấu chấm phẩy trong câu sau và nêu tác dụng  *a) Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.* (Thạch Lam)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa 2 vế của câu ghép.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** Có thể thay dấu chấm phẩy bằng dấu phẩy và nội dung của câu không bị thay đổi. | **I. Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy**  - Công dụng: dùng để ngắt các thành phần lớn trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê. Cụ thể:  **+** Dấu chấm phẩy ngăn cách giữa các vế trong một câu ghép có cấu tạo phức tạp (trong vế câu đã có dấu phẩy);  **+** Dấu chấm phẩy ngăn cách các bộ phận trong chuỗi liệt kê. |

**Hoạt động 1.5.2. Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức đã học về nghã của từ, biện pháp tu từ điệp ngữ

- [3], [6]. [7], [8], [10];

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. HS đọc đoạn văn, thảo luận nhóm, trình bày nhận xét về vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn, tương quan của hai bộ phận trước và sau dấu chấm phẩy.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  *-* HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - GV hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2  GV hướng dẫn HS: để viết đoạn văn cần trả lời hai câu hỏi  *+ Em dự định viết đoạn văn chủ đề gì?*  *+ Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào, câu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 3**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm từ HV theo yêu cầu bài 3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 4**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  Gv yêu cầu HS dựa vào VB đọc có chứa các từ ngữ liên quan đến các thành ngữ để hiểu ý nghĩa của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Nhiệm vụ 5**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV nhắc lại kiến thức: BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 13**  **+** Dấu chấm phẩy ngăn cách các bộ phận trong chuỗi liệt kê.  **Bài tập 2/ trang 13**  Viết đoạn văn  **Bài tập 3/ trang 13**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố HV (A) | Từ HV (thuỷ+A) | Nghĩa của từ | | 1 | Cư | thuỷ cư | Sống ở trong nước | | 2 | quái | thuỷ quái | Quái vật sống dưới nước | | 3 | cung | thủy cung | Cung điện dưới nước | | 4 | sản | thủy sản | Sản vật dưới nước | |  | ... | ... | ... |   **Bài tập 4/ trang 13**  + Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn  + Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.  -> Thành ngữ được tạo nên bằng cách đan xen các từ ngữ theo cách tương tự (sử dụng các cặp từ hô ứng tương đồng về từ loại, gần trường nghĩa, tạo ra cấu trúc đối) đó là: đội trời đạp đất, dãi nắng dầm mưa, chân cứng đá mềm, chém to kho mặn, đầu voi đuôi chuột…  **Bài tập 5/trang 13**  *- Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng,* nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  *- Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay* ***về*** *phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.* [...] *Một người ở miền biển, tài năngcũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa* ***về:*** liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.  *- Nước ngập ruộng đồng nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước:* liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thuỷ Tinh. |

**(Hướng dẫn HS đọc VB *“Ai ơi mồng chin tháng tư”* chuẩn bị cho giờ học sau)**

**Hoạt động 1.6.**

**Tiết 79. Văn bản 3. AI ƠI MỒNG CHÍN THÁNG TƯ**

**Hoạt động 1.6.1. Giới thiệu bài**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**b. Nội dung**: HS xem vi deo Lễ hội làng Gióng chia sẻ cảm nhận của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV trình chiếu video “ Lễ hội làng Gióng”. Em cảm nhận được gì từ đoạn phim trên?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát và phát biểu ý kiến

- Gọi Hs trao đổi và bổ sung ý kiến.

- **GV tổng hợp, giới thiệu bài:**

Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang với giặc Ân. Yêu nước chống ngoại xâm là một chủ đề lớn xuyên suốt tiến trình phát triển của Văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã tạc vào thời gian những người anh hùng bất tử với non sông. Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn nét đặc sắc của một lễ hội nổi tiếng qua văn bản *“Ai ơi mồng 9 tháng 4”.*

**Hoạt động 1.6.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được nét khái quát về văn bản thông tin về sự kiện.

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, chắt lọc thông tin và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở chi tiết miêu tả hoạt động trong lễ hội. Yêu cầu HS:  1. Đọc văn bản. Tìm hiểu chú thích SGK *phỗng, phù giá, xà cạp, mục đồng, lĩnh xướng, ông Tiểu Cổ...*  2. Hãy xác định văn bản thuộc thể loại nào? Văn bản thuật lại sự kiện gì? Sử dụng ngôi tường thuật thứ mấy? Căn cứ vào đâu mà em xác định như vậy?  3. Tìm hiểu bố cục văn bản?  **B2:** **Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. Thảo luận nhóm để xác định loại văn bản, ngôi kể, bố cục  - GV quan sát, gợi ý nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi trả lời câu hỏi  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét đánh giá.  - Chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ:**  Tác giả: Anh Thư  Theo Báo điện tử Hà Nội mới, ngày 07/4/2004  **b. Loại văn bản:** VB thông tin  -Phương thức biểu đạt: Thuyết minh  - Sự kiện được thuật lại: Lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng.  - Các yếu tố nhận biết:  + Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, diễn biến của hội, ý nghĩa của hội Gióng.  + Trình bày sự việc theo trình tự thời gian.  - Ngôi tường thuật: thứ ba  **c. Bố cục văn bản**: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “*đồng bằng Bắc Bộ”*: giới thiệu về hội Gióng  + Phần 2:Tiếp theo đến “*viên hầu cận*”: Tiến trình hội Gióng  + Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng |

**Hoạt động 1.6.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS theo dõi văn bản chắt lọc nội dung hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc phần mở đầu và trả lời câu hỏi:  ?  Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì? Em có nhận xét gì về cách tác giả giới thiệu về hội Gióng?   - Học sinh tiếp nhậnnhiệm vụ.  **B2:  Học sinh thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và tìm chi tiết để trả lời câu hỏi  - GV theo dõi, gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  - Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn bạn.  **B4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức:    Đoạn mở đầu của văn bản cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa giông) tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ)  🡪 Cách dẫn dắt: đi từ câu ngạn ngữ có tính chất đúc rút kinh nghiệm, bài học dân gian quí giá để vừa giới thiệu về lễ hội, vừa tạo sắc thái trang nghiêm, ấn tượng về hội Gióng.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS đọc phần 2, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi  ? Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?  ? Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết Thánh Gióng?  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Tổ chức cho HS suy nghĩ  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  GV dùng hình ảnh về những địa danh trên. Mỗi địa danh kể dấu tích liên quan  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao giao nhiệm vụ:**  **-** Chia lớp thành 4 nhóm  **Nhóm 1,2:** Hãy tóm tắt tiến trình diễn ra hội Gióng theo bảng sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Thời gian** | **Không gian** | **Sự kiện** | **Người tham gia** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |   **Nhóm 3,4**  + Hãy tìm và liệt kê các hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.  + Em có nhận xét gì về các thông tin được trần thuật? Qua đó, em hình dung như thế nào về hội Gióng, về thái độ tình cảm của tác giả khi thuyết minh?  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày nội dung đã thảo luận.  - HS nhận xét, bổ sung.  **B4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức: tác giả thuật lại sự kiện với nhiều hình ảnh, hoạt động có ý nghĩa tượng trưng:  + Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mồng 8, tượng rưng cho việc tôi luyện khí giới trước khi đánh giặc  + Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc  + Có 28 cô tướng trang phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù.  + 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta.  + Dăm ba bé trai cầm roi rồng là đạo quân mục đồng  + Có ông Hổ, ông Trống, ông Chiêng, ba viên Tiểu Hổ  + Dân làng xin lộc tượng trưng cầu may  + Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho báo tin thắng trận với đất trời.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao giao nhiệm vụ:**  - Giáo viên đặt câu hỏi:  ? Theo em việc tổ chức hội Gióng mang lại ý nghĩa và giá trị gì?  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.  **Nhiệm vụ 5**  **B1: Chuyển giao giao nhiệm vụ:**  Giáo viên đặt câu hỏi:  ? Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ? Nhận xét về trật tự thời gian, cách triển khai nội dung và ngôn ngữ của văn bản?  Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức.  - Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.  - Cách triền khai nội dung trong từng phẩn, mục của VB thông tin tường thuật một sự kiện: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị.  - Ngôn ngữ của VB thông tin: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao. | **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Giới thiệu hội Gióng.**  - Tên: lễ hội Gióng  - Thời gian: 9/4 âm lịch  - Địa điểm: xã Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội  - Bối cảnh: có mưa, mưa dông.  - Vai trò: là lễ hội lớn nhất của vùng đồng bằng Bắc Bộ.  **2. Tiến trình hội Gióng**  **a. Các địa điểm diễn ra hội Gióng:**  + Cố Viên : vườn cà của mẹ Thánh Gióng  + Miếu Ban: nơi Thánh Gióng được sinh ra.  + Đền Mẫu (đền Hạ): nơi thờ mẹ Thánh Gióng.  + Đền Thượng: nơi phụng thờ Thánh  🡪 Cách giới thiệu không gian lễ hội theo trình tự lần lượt từ ngoài vào trong trên một khu vực rộng với những dấu vết còn lại của Gióng. Mỗi địa điểm gợi đến dấu tích trong truyền thuyết Thánh Gióng.  **b. Tiến trình hội Gióng**  - Thời gian  + Chuẩn bị:1/3 đến 5/4.  + Hội bắt đầu: 6/4 đến 12/4. Chính hội là 9/4  - Sự kiện:  **+** Mồng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng  + Mồng 8: rước nước  + Mồng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân  + Mồng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh  + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.  - Người tham gia: dân làng  - Nhiều hình ảnh, hoạt động có ý nghĩa tượng trưng  \* Nhận xét: Các thông tin được chọn lựa chính xác, tiêu biểu, sắp xếp theo trình tự thời gian, không gian. Tác giả tái hiện sinh động, chân thực lễ hộ Gióng.  **3. Ý nghĩa của hội Gióng.**  - Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trấn thế...  - Lễ hội cẩn được bảo tồn và phát huy đê’ giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời.  **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung, ý nghĩa.**  - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng, qua đó thể hiện được nét đẹp văn hóa tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.  **2. Nghệ thuật.**  - Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.  - Cách triển khai nội dung trong từng phẩn, mục: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị.  - Ngôn ngữ: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao. |

**(Hướng dẫn HS tìm hiểu các sự kiện, các sinh hoạt văn hóa ở địa phương**

**chuẩn bị cho hoạt động viết ở giờ sau)**

**Hoạt động 2. VIẾT:**

**VIẾT BÀI VÀN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN  
(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**Hoạt động 2.1.**

**Tiết 80, 81. HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VIẾT BÀI VÀN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [9]. [10].

**b. Nội dung:** Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, bài viết tham khảo và quy trình viết để biết cách viết bài văn theo các bước.

**c. Sản phẩm:** HS biết thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh một sự kiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Văn bản “Ai ơi mồng 9 tháng 4” đã thuyết minh/thuật lại sự kiện gì?  2. Để thuyết minh về 1 sự kiện văn hóa chúng ta cần chú ý tới những nội dung chính nào ?  3. Người kể sử dụng ngôi kể thứ mấy?  4. Hình thức bài viết được trình bày ntn ?  5. Khái quát yêu cầu của bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản “*Ai ơi mồng 9 tháng 4* ”.  - Suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi  **B3: HS báo cáokết quả hoạt động**  - GV chỉ định 1 - 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời.  Dự kiến sản phẩm:  1. VB tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại VB thông tin.  2. Thuyết minh về một sự kiện văn hóa cần chú ý đến thời gian, không gian, diễn biến, ý nghĩa của sự kiện và cảm nhận của bản thân…  3. Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi”/ chúng tôi).  4. Hình thức: bài văn đầy đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - nhấn mạnhcác yêu cầu đối với bài văn thuyết minh một sự kiện”.  **\* Nhiệm vụ 2: Phân tích bài viết tham khảo**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GVtổ chức cho HS hoạt động cá nhân/nhóm với các câu hỏi:  1. Nội dung bài viết thuật lại sự kiền gì?  2. Xác định ngôi kể trong bài văn? Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất?  3. Phẩn nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu vể sự kiện?  4. Phần nào tập trung vào thuật lại diễn biến sự kiện? Hãy thống kê các hoạt động chính?   |  |  | | --- | --- | | TT | Hoạt động chính | | 1 | … | | 2 | … | | 3 | … | | … | … |   5. Bài viết tường thuật theo trình tự nào? Những từ ngữ nào cho thấy sự kiện được thuật lại theo trật tự thời gian và trình tự nguyên nhân - kết quả một cách hợp lí?  6. Phần nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật? Vì sao em biết điều đó  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  - GV quan sát, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày  - Những HS còn lại nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS và thái độ làm việc của HS  - Nhấn mạnh yêu cầu và cách viết bài văn.  **Chuyển tiết 81**  **\* Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu quy trình viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Trình bày các bước khi viết một bài văn?  2. GV chiếu video giới thiệu về một số sự kiện văn hóa/lễ hội ở Việt Nam và yêu cầu HS viết tên của các lễ hội được nhắc đến trong video?  <https://www.youtube.com/watch?v=LUbfeFcyFeo>  3. GV chiếu video về lễ hội chùa Hương ở Hà Nội, thời gian 3 phút:  https://www.youtube.com/watch?v=AhHq5qCxyE8  ? Em hãy ghi lại những điều em thu nhận được sau khi xem video về lễ hội chùa Hương  4. Nếu lựa chọn sự kiện để thuyết minh, em cần chú ý sự kiện như thế nào với em? Lấy ví dụ một số sự kiện em có thể viết? Em lựa chọn sự kiện nào để tường thuật?  5. Hãy thực hiện việc tìm ý, lập dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  - GV sử dụng **Phiếu tìm ý**, hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK hoàn thiện Phiếu tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - HS đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của học sinh.  - GV yêu cầu học sinh tìm ý, lập dàn ý chi tiết chuẩn bị cho tiết thực hành viết với đề văn sau: Em đã được trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu một sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa). Hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa) đó. | **I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).  - Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **\* Phân tích bài viết tham khảo:**  ***Hội chợ xuân ở trường tôi***  \* Nội dung: Tường thuật hội chợ xuân được tổ chức ở trường  \* Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  \* Bố cục các phần:  - Đoạn 1: Giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân  - Đoạn 2,3,4 tập trung thuật lại các chi tiết sắp xếp theo trình tự:  + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết;  + Không gian: trong sân trường;  + Diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt của hội chợ xuân: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi...  - Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân.  \* Trình tự:  - Trình tự thời gian trước - sau *(8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều*  - Trình tự nguyên nhân - kết quả *(chuẩn bị -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc)*  -Trình tự không gian *(trung tâm - xung quanh)*  **II. Quy trình viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  | | --- | | Sự kiện gì? | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì? | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….Lớp

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá).

***Gợi ý***: Để nhớ lại các chi tiết, em hãy viết theo trí nhớ, kinh nghiệm của mình bằng cách trả lời vào cột bên phải các câu hỏi ở cột bên trái

| Sự kiện gì? |  |
| --- | --- |
| Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì? |  |
| Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? |  |
| Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? |  |
| Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? |  |
| Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |  |

\\\

**Hoạt động 2.2.**

**Tiết 82. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [9]. [10].

**b. Nội dung:** HS thực hiện quy trình viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) theo các bước.

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  1. Em kể tên sự kiện lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá đã từng được tham gia, chứng kiến hoặc được biết đến qua sách báo, truyền hình, truyền thanh ?  Gợi ý: Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?  2. Trước khi làm thuyết minh, em có cần thu thập dữ liệu cho bài viết không? Em thu thập bằng cách nào?  3. Hãy chọn một sự kiện, và thực hiện các bước viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện đó? (Bước tìm ý và lập dàn ý đã thực hiện ở nhà. HS viết bài văn ra giấy, trình bày bài viết trong tiết trả bài và nộp lại khi đi học trực tiếp)  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cá nhân suy nghĩ, quan sát video để trả lời câu hỏi.  - Thực hiện các bước tìm ý, lập dàn ý (ra nháp), viết bài ra giấy và chỉnh sửa bài viết với đề văn đã cho.  - GV hướng dẫn HS có thể chọn một số sự kiện gần gũi với mình. VD:  + Hội chợ sách  + Hội chợ hoa xuân ở thành phố, làng quê em  + Lễ hội dân gian  + Hội khỏe Phù Đổng ở trường hoặc địa phương  + Một buổi biểu diễn văn nghệ của trường chào mững ngày lễ trong năm …  - GV quan sát hỗ trợ (nếu cần)  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS chia sẻ, trả lời câu hỏi (1), (2)  - HS khác nhận xét, bổ sung  - HS hoàn thiện bài viết theo yêu cầu (3)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét nội dung câu trả lời và thái độ làm bài của học sinh.  (Việc đánh giá cụ thể về bài viết sẽ được thực hiện ở giờ Trả bài) | **III. Thực hành viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)**  **Đề bài:** Em đã được trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu một sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa). Hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa) đó.  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn sự kiện**:  - Sự kiện mà em được tham gia, chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin.  - Sự kiện đó em có hứng thú, hoặc đã để lại dấu ấn trong em.  - Sự kiện thuận lợi cho em tham gia, chứng kiến, hoặc tìm hiểu.  - Thu thập thông tin về sự kiện:  + Quan sát trực tiếp, chọn lọc, ghi chép kiến thức về sự kiện.  + Sưu tầm kiến thức từ sách, báo, mạng...  **b. Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  **+** Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện  + Hoạt động chính (trình tự, kết quả của hoạt động)  + Ý nghĩa của sự kiện  **\* Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)  **- Thân bài:** Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tựthời gian.  + Nhân vật tham gia sự kiện  + Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.  **- Kết bài:** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Hoạt động 2.3.**

**Tiết 83. TRẢ BÀI THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**a. Mục tiêu:**

- [4], [6], [7], [8], [9]. [10].

- HS thấy được những ưu điểm và khắc phục những hạn chế mắc phải trong bài viết, củng cố kĩ năng viết bài thuyết minh thuật lại một sự kiện.

**b. Nội dung:** - GV trả bài, yêu cầu HS nhận xét, đánh giá bài viết văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) đã viết. Trao đổi, thảo luận sửa chữa những sai sót trong bài.

**c. Sản phẩm:** Bài thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) của học sinh sau khi được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trả lời câu hỏi:  + Yêu cầu của bài văn kể thuyết minh về một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)?  + Nêu dàn ý cho đề văn trên?  - Gọi HS trình bày bài viết  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân về nội dung câu hỏi  - GV hỗ trợ nếu cần  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi và trình bày bài viết  - GV đưa ra yêu cầu của bài làm và **Bảng kiểm** để HS nhận xét đánh giá và sửa chữa  *+ Yêu cầu về hình thức*: Viết đúng bố cục bài văn gồm 3 phần: MB, TB, KB. Trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dấu câu....  *+ Về nội dung:* Đúng kiểu bài văn bản thông tin: thuyết minh về một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) đảm bảo về ngôi kể, nội dung tường thuật sự kiện theo trình tự, chú ý các chi tiết tiêu biểu; bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc của bản thân …  - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào yêu cầu và **Bảng kiểm** (bên dưới)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  \* Đánh giá chung về bài làm của HS:  a. Ưu điểm:  - Nhìn chung HS viết đúng thể loại, bài văn có bố cục 3 phần rõ ràng.  - HS lựa chọn đúng đề tài về sự kiện sinh hoạt văn hóa, tường thuật sự kiện theo trình tự.  - Có một số bài kể chân thực, hấp dẫn (VD bài của Thanh Huyền 6A: Lễ hội Lồng Tồng ở Định Hóa, bài của Thu 6B: lễ hội Đền Hùng …)  - Kết bài đã biết rút ra ý nghĩa của lễ hội và bày tỏ cảm xúc cá nhân  b. Tồn tại:  - Một số em làm bài chưa trọn vẹn.  - Diễn đạt còn lủng củng lủng củng, thiếu mạch lạc (sử dụng nhiều từ lặp lại: *thì, và, sau khi …*)  - Sai chính tả còn nhiều  \* GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết yêu cầu học sinh chỉnh sửa.  \* Cho HS tham khảo dàn ý và đọc một số bài viết tốt.  **(Hướng dẫn HS chuẩn bị tiết Nói và nghe)** | **I. Yêu cầu**  **Đề bài:** Em đã được trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu một sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa). Hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa) đó.  **Dàn ý**  *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện  *Thân bài*:  - Không khí chung  - Diễn biến chính của sự kiện theo trình tự phù hợp  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.  **II. Đánh giá bài viết** |

HỒ SƠ DẠY HỌC:

BẢNG KIỂM TRA BÀI VIẾT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần kiểm tra** | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Người thuyết minh | - Là ai? (được tham gia trực tiếp hay chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin)  - Chọn ngôi tường thuật phù hợp | - Nếu chưa đúng yêu cầu thì chỉnh lại. |
| Mở bài | - Tên sự kiện, thời gian, địa điểm, mục đích. | - Nếu thiếu thì bổ sung |
| Thân bài | - Không khí chung của sự kiện  - Diễn biến chính của sự kiện  + Có những hoạt động nào?  + Hoạt động nào hấp dẫn nhất?  + Các hình ảnh, hoạt động cần chân thực khách quan.  + Sắp xếp theo một trình tự hợp lí chưa? | - Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung, điều chỉnh. |
| Kết bài | - Cảm nghĩ, đánh giá, bộc lộ cảm xúc về sự kiện | - Nếu thiếu thì bổ sung |
| Cách thức trình bày | - Bố cục, chính tả, diễn đạt | - Nếu mắc lỗi thì sửa lại |

\* **Tham khảo:****Dàn ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng**

(Lễ hội đền Hùng là lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc Việt Nam, để ghi nhớ công ơn dựng nước của 18 vị vua Hùng).

**a. Mở bài:** Giới thiệu về lễ hội đền Hùng.

(Gợi ý: Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng khi có công to lớn trong việc dựng nước và giữ nước từ hàng nghìn năm trước. Đây cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng- một trong những lễ hội lớn nhất của nước ta diễn ra và dù có đi đâu, ở đâu

con cháu Việt Nam đều muốn đến đây để thể hiện lòng biết ơn của mình)

**b. Thân bài:**

***\* Lịch sử lễ hội***

+ Đây là lễ hội đã có từ lâu đời

+ Từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần, người dân cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng.

+ Thời gian diễn ra mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm

***\* Quy mô:***  Đây được xem là quốc lễ vì vậy có quy mô cực kỳ lớn.

***\* Hình thức***

- Về phần lễ: Bao gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương

+ Lễ rước kiệu được diễn ra trong không khí đầy long trọng với cờ, lộng, hoa đầy màu sắc. Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh và thành phố tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiểu binh rước hoa long trọng tới chân núi Hùng. Sau khi rước hoa đến đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung. Đại biểu đại diện bộ Văn hoá thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trịnh trọng đọc chúc căn lễ tổ.

+ Lễ dâng hương là nghi thức mà mỗi người con đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên.

- Về phần hội:

+ Các trò chơi dân gian được diễn ra nhiều chọi gà, đu quay, đấu vật.

+ Dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được thi tài giữa các làng, các thôn.

**Kết bài**

- Khái quát lại về lễ hội đền Hùng

- Nếu cảm nghĩ của em về lễ hội

Gợi ý: Lễ hội đền Hùng là một lễ hội lớn, là một trong những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta. Đây cũng là một cơ hội để chúng ta bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với công lao của 18 đời vua Hùng. Chúng ta - những thế hệ sau phài có trách nhiệm gìn giữ nét đẹp truyền thống này, gìn giữ cội nguồn của chúng ta.

**(GV hướng dẫn học sinh tự tìm đọc các truyền thuyết chuẩn bị cho**

**tiết *Nói và nghe* ở giờ học sau)**

**Hoạt động 3. Tiết 84. NÓI VÀ NGHE:**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

**Hoạt động 3.1. Kết nối vào bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** GV gợi dẫn, HS chia sẻ hiểu biết, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Em được nghe những câu chuyện cổ dân gian từ khi nào? Ai là người kể?

- Em có biết, truyện truyền thuyết cũng như các truyện dân gian khác được lưu truyền đến ngày nay bằng cách nào không?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS chia sẻ

- Dự kiến câu trả lời:

+ HS được nghe những câu chuyện cổ dân gian từ khi còn bé, hoặc không biết từ khi nào. Người kể cho HS nghe: ông bà, bố mẹ,...

+ Truyện truyền thuyết cũng như các truyện dân gian khác được lưu truyền đến ngày nay bằng cách ông bà, cha mẹ kể cho con cháu nghe, từ đời này qua đời khác...

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV kết nối vào tiết học: Văn học dân gian nói chung và truyện truyền thuyết nói riêng được lưu truyền đến ngày nay bằng phương thức truyền miệng. Hay nói cách khác là kho tàng VHDG lưu truyền nhờ lời kể, bằng lời kể. Vậy nếu muốn kể một truyền thuyết em đã học thì em cần thực hiện những gì? Tiết nói- nghe hôm nay các em thực hành điều đó.

**Hoạt động 3.2. Nói và nghe: Kể lại một truyền thuyết**

**a**. **Mục tiêu**: [1], [5],[6], [7], [8], [9], [10].

**b. Nội dung hoạt động:** HS trình bày bài nói, nghe và đánh giá

**c. Sản phẩm:** Bài nói kể lại một truyền thuyết và kết quả đánh giá của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Chuẩn bị bài nói**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  1. Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  2. Về nội dung nói, em cần chuẩn bị:  - Chọn một truyền thuyết cụ thể để thực hiện  - Hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài nói của mình  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  3. Tập luyện trước khi nói.  Hãy tự tập luyện bằng cách:  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  4. Trình bày bài nói: kể lại một truyền thuyết trước lớp.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chuẩn bị bài nói.  + GV quan sát, khuyến khích  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày bài nói,  - Các HS khác lắng nghe để có ý kiến phản hồi  + Các nhóm nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Đề bài: Kể lại một truyền thuyết**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **B1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói**  - Mục đích: kể lại một truyền thuyết, giúp người hiểu được cốt truyện và ý nghĩa của câu chuyện.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân...  - Chuẩn bị nội dung nói:  + Chọn truyền thuyết mà em yêu thích, nắm vững các sự việc.  + Ngôi kể: thứ ba  + Tóm tắt câu chuyện:  + Xác định từ ngữ then chốt, giọng kể thích hợp  **B2: Tìm ý, lập dàn ý.**  \* Tìm ý  + Truyền thuyết kể về chuyện gì?  + Truyện có những sự kiện và nhân vật chính nào?  + Diễn biến của câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao?  + Có thể thêm, bớt những chỉ tiết, hình ảnh,... của truyện này như thế nào?  + Truyện gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?  \* Lập dàn ý  **+** Mở bài:Giới thiệu truyện truyền thuyết tên truyện, lí do kể.  + Thân bài:Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.  + Kết bài:Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.  **2. Trình bày bài nói**  - Giọng kể phù hợp với nội dung câu chuyện  - Kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ: động tác, điệu bộ, nét mặt … để tạo sự sinh động, hấp dẫn  - Tập trung vào các sự việc quan trọng, chú ý tính liền mạch của câu chuyện  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, đoạn phim về địa danh, sự việc liên quan đến nội dung câu chuyện… |

**Hoạt động 3.3. Trao đổi về bài nói**

**a**. **Mục tiêu**: [6], [7], [8], [9], [10].

Nắm được cách đánh giá bài nói.

**b. Nội dung:** HS trao đổi về bài nói, sử dụng bảng đánh giá theo tiêu chí để đánh giá.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trap đổi về bài nói, đánh giá bài nói của bạn theo **Phiếu đánh giá theo tiêu chí**;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  \* Người nghe:  - Yêu cầu người kể làm rõ những chi tiết liên quan đến các sự việc được kể;  - Góp ý về bài kể (giọng kể, độ chính xác, sự tương tác …  \* Người nói:  - Lắng nghe và phản hồi tích cực;  - Bổ sung các chi tiết và những điều người nghe cần làm rõ;  - Cảm ơn và tiếp thu những góp ý xác đáng.  \* HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết. | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

1. Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyêt và hoàn thiện bảng theo mẫu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Các yếu tố | Đặc điểm |
| 1 | Chủ đề |  |
| 2 | Nhân vật |  |
| 3 | Cốt truyện |  |
| 4 | Lời kể |  |
| 5 | Yếu tố kỳ ảo |  |

2. Sưu tầm một số bản kể khác của truyền thuyết đã học. So sánh và nêu nhận xét về sự giống nhau và khác nhau (sự kiện, chi tiết…) giữa các bản kể.

3. Theo em, vì sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông thường đặt tên là Hội khỏe Phù Đổng.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào tri thức ngữ văn đã học và các truyền thuyết đã biết để hoàn thành bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày

- HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng tri thức ngữ văn đã học vào việc đọc văn bản, thực hành tiếng Việt và viết đoạn văn.

**b. Nội dung:** HS làm bài tập đọc hiểu và thực hành viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS thực hiện bài tập

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngẫm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy, đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, chàng đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn”*

(SGK Ngữ văn 6 tập 2)

**Câu 1**. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào?

**Câu 2**. Văn bản ấy thuộc thể loại nào? Trình bày khái niệm của thể loại đó.

**Câu 3**. Từ ***ngẫm nghĩ*** trong đoạn văn trên thuộc kiểu từ nào theo cấu tạo?

**Câu 4**. Đoạn văn trên kể về sự việc gì?

**Câu 5**. Viết đoạn văn tường thuật việc làm bánh chưng ngày tết mà em đã có dịp quan sát.

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh đọc kĩ đoạn văn

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để trả lời câu hỏi

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và B4. đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**(thực hiện ở giờ học sau)**

- GV hướng dẫn HS tự thực hành đọc văn bản *Bánh chưng, bánh giầy* ở nhà, gợi ý HS chú ý những đặc điểm của truyền thuyết thể hiện trong văn bản.

- Chuẩn bị **Bài 7:** **Thế giới cổ tích**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 14 tháng 01 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 7**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A2 (**45 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A6** (46 hs) |
| **22** | 85 | 22/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 86 | 22/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 87 | 23/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 88 | 24/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **23** | 89 | 25/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 90 | 25/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 91 | 27/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 92 | 28/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **24** | 93 | 29/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 94 | 30/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 95 | 31/01/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 96 | 02/02/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **25** | 97 | 03/02/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

**Bài 7. THẾ GIỚI CỔ TÍCH**

**Số tiết: 13 tiết (Từ tiết 85 đến tiết 97)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kề chuyện và yếu tố kì ảo [1].

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm [2].

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn [3].

- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe [4].

- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích [5].

- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động [6].

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [7].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [8].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [9]

**3. Phẩm chất**

- Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn.[10]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [11].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu, biết viết bài văn kể ngắn gọn ở mức độ đơn giản một câu chuyện cổ tích. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính kết nối mạng, cài đặt ứng dụng dạy học trực tuyến (khi dạy học trực tuyến);

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số tranh ảnh liên quan đến truyện cổ tích Thạch Sanh.

+ Một số truyện cổ tích làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn.

+ Một số bài viết tham khảo kể chuyện cổ tích bằng lời nhân vật để minh học

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** Máy tính hoặc điện thoại kết nối mạng cài đặt phần mềm Zoom (khi học trực tuyến). **-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 85, 86, 87 - VĂN BẢN 1: THẠCH SANH**

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và thể loại của văn bản chính là truyện cổ tích.

**b. Nội dung hoạt động:** Tổ chức cho HS thi nhìn tranh đoán truyện

**c. Sản phẩm**: Tên các truyện cổ tích.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV sử dụng tranh vẽ liên quan đến những câu chuyện cổ tích, yêu cầu HS nhìn tranh đoán tên truyện

- HS nào có tín hiệu trước sẽ được quyền trả lời, HS thắng cuộc là học sinh trả lời nhanh, đúng và được nhiều đáp án nhất.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Nhìn tranh đoán truyện

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời theo tranh

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1.** GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** [1], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi tìm hiểu về đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và thực hiện nhiệm vụ:  ? Kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học.  ? HS tóm tắt truyện và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích yêu thích.  ? Đối chiếu với nội dung tri thức ngữ văn để nhận biết các yếu tố cơ bản của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những truyện đã biết.  ? HS chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo (lạ và không có thật) được sử dụng trong các truyện mà các em đã đề cập.  ? Khái quát lại đặc điểm của truyện cổ tích?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần tri thức ngữ văn, liên hệ với những truyện cổ tích đã biết để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung:**  - GV mở rộng thêm một số định nghĩa của các nhà nghiên cứu, học giả để hiểu rõ tính chất thể loại cồ tích, phân biệt nó với các thể loại tự sự dân gian khác như thần thoại, truyền thuyết. Ví dụ:  + Giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* của Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên (đổng Chủ biên) phân định: “Thần thoại là những truyện mà nhân vật là thần, còn truyện cồ tích thì nhân vật là người; thần thoại là sáng tác dân gian thời nguyên thuỷ, còn truyện cồ tích là sản phẩm của xã hội thị tộc tan rã, phản ánh đấu tranh xã hội; thần thoại hấp dẫn bằng những hình tượng mĩ lệ, táo bạo, còn truyện cồ tích lôi cuốn chúng ta bằng những nỗi niềm vui khổ, không khí đấu tranh chống cường quyền...”.  + Tác giả Hoàng Tiến Tựu định nghĩa: “Truyện cổ tích là loại truyện kể dân gian ra đời từ thời kì cổ đại gắn liền với quá trình tan rã của chê độ công xã nguyên thuỷ, hình thành của gia đình phụ quyền và phân hoá giai cấp trong xã hội, nó hướng vế những vấn đề cơ bản, những hiện tượng có tính phổ biến trong đời sống nhân dần, đặc biệt là những xung đột có tính chất riêng tư giữa người với người trong phạm vi gia đình, xã hội. Nó dùng một thứ tưởng tượng và hư cấu riêng”. | TRI THỨC NGỮ VĂN: THỂ LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH  **1. Khái niệm**  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện. |

Hoạt động 1.2. VĂN BẢN 1: THẠCH SANH

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[1], [2]

- Năng lực ngôn ngữ: [3], viết được đoạn văn kết nối với đọc về một dũng sĩ học sinh gặp ngời đời hoặc qua sách báo…

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9].

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu truyện Thạch Sanh.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản, Kể tóm tắt được văn bản [3], [7], [8], [9].

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB, chú ý hộp chỉ dẫn, sử dụng hai chiến lược: tưởng tượng và theo dõi, chú ý các từ ngữ được chú thích. GV đọc 1 đoạn.  - Gọi 3 HS đọc nối tiếp VB  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS sử dụng SGK đọc văn bản nối tiếp  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS đọc và giải thích nghĩa của một số từ  - Nhận xét phần đọc của HS.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thảo luận tìm hiểu chung về đặc điểm thể loại của VB:  + Thể loại, kiểu nhân vật chính, ngôi kể, chỉ rõ các tuyến nhân vật?  + Xác định bố cục của truyện?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi SGK, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập  - GV gợi ý hỗ trợ (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **GV bổ sung:**  Đây là kiểu nhân vật chúng ta thường gặp trong truyện cổ tích Việt Nam nói chung. Tuy nhiên trong số đó chưa có nhân vật nào phải đối diện nhiều kẻ thù (yêu quái, kể bất lương, quân xâm lược) lập nhiều chiến công và có nhiều tài năng, phẩm chất tốt đẹp như Thạch Sanh.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Kể những sự việc chính trong văn bản? Dựa vào những sự việc chính, hãy kể lại truyện cổ tích Thạch sanh bằng lời văn của em?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận tìm các sự việc chính  - Tập kể  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS kể lại câu chuyện  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cấu HS tiếp tục tập kể diễn cảm cho người khác nghe.  - GV giới thiệu thêm một số dị bản khác về cách kết thúc truyện đối với nhân vật mẹ con Lí Thông.  **(Kết thúc tiết 85)** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Truyện cổ tích.  - Kiểu nhân vật: Truyện Thạch Sanh kể về kiểu nhân vật dũng sĩ.  - Ngôi kể: Thứ ba  - Nhân vật: 2 tuyến  + Chính diện: Thạch Sanh, công chúa, vua  + Phản diện: Mẹ con Lý Thông  - Bố cục:Gồm 3 phần .  **+** Phần 1: Từ đầu .....“thần thông”: Giới thiệu lai lịch nguồn gốc Thạch Sanh.  + Phần 2: Tiếp …đến “hoá kiếp bọ hung”: Những chiến công của Thạch Sanh.  + Phần 3 : Còn lại : Thạch Sanh lấy công chúa và lên ngôi vua.  **3. Kể**  \* Các sự việc chính:  + Thạch Sanh là chàng trai nghèo, mồ côi, gia tài chỉ có một chiếc búa kiếm củi nuôi thân.  + Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông.  + Mẹ con Lí Thông lừa Thạch Sanh đi chết thay cho mình.  + Thạch Sanh diệt chằn tinh, giết đại bàng, bị Lí Thông cướp công.  + Thạch Sanh bị hồn chăn tinh và đại bàng trả thù, vu oan, phải vào tù.  + Thạch Sanh được giải oan lấy công chúa.  + Thạch Sanh chiến thắng quân 18 nước chư hầu.  + Thạch Sanh lên ngôi vua. |

**Hoạt động 1.2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và sản phẩm phiếu học tậpcủa HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân/nhóm:  + Nhóm 1,2. Tìm những chi tiết kểvề gia cảnh của Thạch Sanh và rút ra nhận xét? Kể về gia cảnh ấy, nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?  + Nhóm 3,4. Hoàn thành **Phiếu học tập** về những thử thách và chiến công của Thạch Sanh rồi rút ra nhận xét:   |  |  | | --- | --- | | **Thử thách** | **Chiến công** | | Lần 1: …. | … | | Lần 2: …. | … | | Lần 3: …. | … | | … | … | | Nhận xét: … | Nhận xét: … |   + Nhóm 5,6. Chỉ ra những phẩm chất của Thạch Sanh qua các sự việc cụ thể trong truyện?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi văn bản để tìm chi tiết  - HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân/nhóm để hoàn thành **Phiếu học tập số 2**  2. Từ nội dung Phiếu học tập số 1 và số 2 ở trên, hãy nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung:  Trong truyện cổ tích, nhân vật chính diện và phản diện luôn đối lập nhau về hành động và tính cách. Đây là một đặc điểm xây dựng nhân vật của thể loại truyện cổ tích. Ở đây LT là kẻ thù lâu dài và chủ yếu nhất của TS. Từ đầu đến cuối hắn đều thể hiện mình là một kẻ tham lam, xảo quyệt đại gian đại ác. Làm bất cứ việc gì hắn cũng tính toán để mình được lợi nhiều nhất. Mặc dù được hưởng sự khoan hồng của TS nhưng cuối cùng LT vẫn bị đấng tối cao trừng trị thích đáng. Sự chiến thắng của Thạch Sanh đối với Lí Thông là sự chiến thắng của cái thiện, cái tốt đối với cái ác, cái xấu....  - Chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức:  + Đây là một sự hình tượng hoá các nhân vật đang mang chịu một nỗi uất ức hay che giấu một điều bí mật nào đó chưa thể hoặc không thể tiết lộ ra. Đó cũng là một hình thức “giãn cách” thời gian tạm thời để chờ đợi sự xuất hiện của nhân vật chính.  + Nếu công chúa không bị câm thì có thể nàng sẽ nói cho nhà vua biết toàn bộ sự thật và câu chuyện sẽ đi theo một kết cục khác. Tuy nhiên, đó không phải là dụng ý của tác giả dân gian. Chức năng giải mã bí mật, phơi bày sự thật, vạch mặt kẻ giả mạo trong câu chuyện này không được đặt ở nhân vật công chúa.  **(Kết thúc tiết 86)**  **Nhiệm vụ 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  1. Truyện Thạch sanh có những con vật kì ảo nào? Sự xuất hiện của các con vật kì ảo ấy có tác dụng gì?  2. Chỉ ra các đồ vật thần kì trong truyện? Nêu đặc điểm và ý nghĩa của nó?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân,  - Trình bày ý kiến trong nhóm để hoàn thiện câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung.  - Chốt lại và khái quát kiến thức: Các chi tiết thần kì tạo nên sự hấp dẫn của truyện cổ tích, làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật chính và góp phần thể hiện ý nghĩa của truyện.  **Nhiệm vụ 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Truyện kết thúc như thế nào?  ? Qua cách kết thúc này, tác giả dân gian muốn thề hiện điều gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức - GV chuẩn kiến thức:  Gv chốt: Ở hiền gặp lành, cái thiện chiến thắng cái ác và ước mơ của nhân dân ta về một sự đổi đời. Đây là cách kết thúc phổ biến trong truyện cổ tích  **Nhiệm vụ 6**:  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Thạch Sanh**  **a. Gia cảnh**  + Chàng trai nhà nghèo, sống trong túp lều cũ dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn.  + Sống lủi thủi một mình (mồ côi, không người thân thích).  🡪 Nhân vật mồ côi, nhà nghèo là một kiểu nhân vật điển hình trong những câu chuyện cổ tích Việt Nam. Truyện cổ tích thường quan tâm đến số phận của họ, thể hiện ước mơ về sự đồi thay cho những số phận mồ côi, nghèo khổ trong xã hội.  **b. Những thử thách và chiến công của Thạch Sanh**   |  |  | | --- | --- | | **Thử thách** | **Chiến công** | | Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng. | - Thạch Sanh diệt chằn tinh, được bộ cung tên bằng vàng | | - Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lí thông lấp của hang. | - Diệt đại bàng, cứu công chúa, cứu con vưa Thuỷ Tề, được tặng đàn thần. | | - Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, Thạch Sanh bị bắt vào ngục. | - Thạch Sanh minh oan, lấy công chúa. | | - 18 nước chư hầu kéo quân sang đánh. | - Chiến thắng 18 nước chư hầu, lên ngôi vua. | | Nhận xét: Thử thách ngày càng khó khăn, chiến công ngày càng lớn. | |   **c. Phẩm chất**  - Sự thật thà chất phác  - Sự dũng cảm và tài năng  - Nhân hậu, cao thượng, yêu hoà bình.  **2. Nhân vật Lý Thông**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự việc** | **Mục đích của Lý Thông** | **Bản chất** | | *- Thấy Thạch Sanh gánh một gánh củi lớn về hắn nghĩ bụng...* | - Kết nghĩa anh em anh em với Thạch Sanh là để mưu lợi. | Bản chất cuả Lý Thông: là kẻ lừa lọc, nham hiểm, xảo quyệt, bất nhân, bất nghĩa... | | *- Lý Thông dọn một mâm thịt rượu ê hề mời ăn, rồi bảo...* | - Lừa Thạch Sanh đi nộp mạng thay cho mình. | | *- Nhưng Lý Thông nói* | - Cướp công giết chằn tinh | | *- Lý Thông lệnh cho quân sĩ vần những tảng đá lớn lấp kín cửa hang...* | - Cướp công cứu công chúa và hãm hại Thạch Sạnh |   => Hình tượng nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông đại diện cho hai thái cực thiện và ác. Đó là sự đối lập giữa chính nghĩa và gian tà.  **3. Nhân vật công chúa**  - Nàng công chúa không nói, không cười thuộc mô-típ *người câm* quen thuộc trong truyện cổ tích.  - Nàng công chúa không nói gì như một hình thức từ chối kẻ giả mạo Lý Thông. Khi nghe tiếng đàn của Thạch Sanh, công chúa mới lên tiếng để trao cho Thạch Sanh cơ hội vạch mặt kẻ giả mạo.  **4. Các yếu tố hoang đường kì ảo**  **\* Con vật kì ảo:** Con trăn tinh, đại bàng: Đại diện cho cái ác, gieo rắc nỗi kinh hoàng và gây tai họa cho người dân. Con vật này là thử thách để Thạch Sanh thể hiện phẩm chất của người dũng sĩ.  **\* Các đồ vật kì ảo**  - Tiếng đàn:  + Tiếng đàn giúp cho nhân vật Thạch Sanh được giải thoát, giải oan, Lí Thông bị vạch mặt. Đó là tiếng đàn của công lí.  + Tiếng đàn làm cho quân 18 nước chư hầu phải cuốn giáp xin hàng. Nó là vũ khí đặc biệt để cảm hoá kẻ thù. Tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta.  - Niêu cơm:  + Niêu cơm ăn hết lại đầy, làm cho quân 18 nước chư hầu phải từ chỗ coi thường, chế giễu, phải ngạc nhiên, khâm phục.  + Niêu cơm thần kì là tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân.  🡪 Các yếu tố hoang đường kì ảo góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu của truyện, góp sức cho chiến công của chàng dũng sĩ Thạch Sanh.  **5. Kết thúc truyện**  - Mẹ con Lí Thông bị trừng phạt  - Thạch sanh kết hôn với công chúa và lên ngôi vua. Đây là là phần thưởng cho những nhân vật tốt bụng, tài năng.  -> Cách kết thúc có hậu thể hiện công lí XH: Ở hiền gặp lành, cái thiện chiến thắng cái ác và ước mơ của nhân dân ta về một sự đổi đời.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung - Ý nghĩa**  - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược  - Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân ta về công lý xã hội, về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa lương thiện.  **2. Nghệ thuật.**  - Kết cấu cốt truyện mạch lạc, sắp xếp các tình tiết khéo léo, tạo sức hấp dẫn.  - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản.  - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa |

**Hoạt động 1.2.3: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** [7], [8], [9], [10], [11].

Học sinh viết được đoạn văn đảm bảo nội dung kết nối với đọc.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn dựa trên những kiến thức đã học và trải nghiệm thực tế.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

? Viết đoạn văn (5-7 câu) về người dũng sĩ mà em gặp trong thực tế hoặc biết qua sách báo, chuyện kể.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:

- HS viết đoạn văn

- GV gợi ý, hướng dẫn:

\* Nội dung đoạn văn

- Xác định một dũng sĩ mà em gặp ở ngoài đời hoặc biết qua sách báo để lại ấn tượng sâu sắc nhất.

- Đó là ai? (Thu thập thông tin liên quan đến người dũng sĩ mà em ấn tượng)

- Những việc làm, hành động cụ thể của họ là gì, những chiến công nào phi thường tạo nên niềm cảm kích với mọi người.

- Cảm xúc của em trước tấm gương người dũng sĩ đó.

\* Hình thức là một đoạn văn gồm 5 đến 7 câu (có câu mở đoạn, các câu thân đoạn, câu kết đoạn)

**B4. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**:

- Trình bày đoạn văn

- Các HS khác nhận xét

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

*(Hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung Thực hành tiếng Việt học ở giờ sau)*

**Tiết 88: Hoạt động 1.3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Nghĩa của từ)**

**a. Mục tiêu**: [4],[7], [8], [9], [10], [11]

- HS hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong VB (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán).

- HS thấy được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã biết để trả lời câu hỏi, hoàn thành Phiếu bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm phiếu bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.3.1. Ôn tập kiến thức về cách giải thích nghĩa của từ.**

**a. Mục tiêu:** Biết cách suy đoán nghĩa của từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã biết để giải thích nghĩa của một số từ ngữ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Em hiểu nghĩa của từ là gì?  ? ta có thể hiểu nghĩa của từ bằng cách nào?  **B2: HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã biết để tìm câu trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3. HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Nghĩa của từ:**  **1. Khái niệm:**  Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.  **2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách:**  - Tra từ điển;  - Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó.  **VD: gia tài.**  + gia: nhà  + tài: của cải.  **-** Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa. |

**Hoạt động 1.3.2. Thực hành luyện tập.**

**a. Mục tiêu:** [4],[7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã biết để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung BT 1, chú ý cách giải thích từng yếu tố trong từ để hiểu nghĩa của cả từ, sau đó hoàn thành Phiếu Bài tập 1:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố Hán Việt A | Nghĩa của yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt  (*gia* + A) | Nghĩa của từ Hán Việt (*gia* + A) | | 1 | *tiên* |  | *gia tiên* |  | | 2 | *truyền* |  | *gia truyền* |  | | 3 | *cảnh* |  | *gia cảnh* |  | | 4 | *sản* |  | *gia sản* |  | | 5 | *súc* |  | *gia súc* |  |   **B2. HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành phiếu bài tập  - GV gợi ý hướng dẫn nếu cần  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bài phiếu bài tập  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **Mở rộng:** GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: gia quy gia pháp, gia phả, gia bảo…  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung BT 2, chú ý cách giải thích dựa vào các từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của các từ in đậm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập  - GV gợi ý hướng dẫn nếu cần: Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh.  VD: “Cô chị rất khéo léo, còn cô em thì rất hậu đậu.” Nhiều em hiểu nghĩa của từ “khéo léo” nhưng không hiểu nghĩa của từ “hậu đậu”, nhờ sự xuất hiện 2 từ này trong câu là đối lập nhau về nghĩa. Nên chúng ta suy đoán: “hậu đậu” là không khéo léo, là vụng về.  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bài kết quả làm bài  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc yêu cầu bài tập 3  - Giải thích nghĩa của từ ngữ in đậm trong bài tập 3.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi để thực hiện nhiệm vụ  - GV gợi ý nếu cần  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động.**  - GV mời từng cá nhân HS trình bày kết quả  - Các HS khác nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 4**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc yêu cầu bài tập 4  - Thảo luận nhóm giải thích nghĩa của các thành ngữ.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi thảo luận  - GV gợi ý nếu cần (Kể cho HS nghe câu chuyện *Sự tích con thạch sùng* để HS rút ra nghĩa của thành ngữ *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*)  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động.**  - GV mời từng cá nhân HS trình bày kết quả  - Các HS khác nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1** - gia tiên: Tổ tiên của gia đình; những người thuộc thế hệ đầu, qua đời đã lâu của gia đình.- gia truyền: Được chuyển giao, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình. - gia cảnh: hoàn cảnh gia đình - gia sản: Tài sản của một gia đình - gia súc: thú nuôi trong nhà  **2. Bài tập 2**  a. Hiện nguyên hình: trở về hình ảnh của mình vốn có.  b. Vu vạ: đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm)  c. Rộng lượng: tha thứ, cảm thông với những sai lầm, tội lỗi,... của người khác  d. Bủn rủn: không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra.  **3. Bài tập 3:**  a. khỏe như voi: rất khoẻ, khoẻ khác thường  - lân la: từ từ đến gần, tiếp cận ai đó  - gạ: chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó  b. hí hửng: vui mừng thái quá  c. khôi ngô tuấn tú: diện mạo đẹp đẽ, sáng láng  d. bất hạnh:không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. - buồn rười rượi: rất buồn, buồn lặng lẽ **4. Bài tập 4:**  - *Niêu cơm Thạch Sanh*: niêu cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn.  - *Hiền như cô Tấm (Truyện Tấm Cám)*: rất hiền.  - *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho (truyện Thạch Sùng)*: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ. |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị *văn bản 2: Cây Khế* cho tiết học tiếp theo)**

**Tiết 89, 90: Hoạt động 1.4. Văn bản 2. CÂY KHẾ**

**(Truyện cổ tích)**

**Hoạt động 1.4.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [8], [9], [11].

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, tìm hiểu nhân vật, cốt truyện, bố cục truyện.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc, yêu cầu học sinh tự đọc, tìm hiểu các chú thích, và chỉ rõ:  + Ngôi kể ?  + Các kiểu nhân vật?  + Cốt truyện?  + Bố cục?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ*..*  **B2:** **HS thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc VB, tìm hiểu chú thích.  - Thảo luận nhóm xác định nhân vật, sự việc chính làm nên cốt truyện, bố cục truyện  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi và trình bày  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét kết luận | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Truyện cổ tích   * Ngôi kể: ngôi thứ ba   - Nhận vật  + Nhân vật chính diện: Người em  + Nhân vật phản diện: người anh  + Nhân vật kì ảo: chim phượng hoàngđại diện cho lực lượng siêu nhiên bảo vệ những điều tốt đẹp  - Cốt truyện:  + Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  + Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn, chim hẹn trả ơn.  + Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ đó người em trở nên giàu có.  + Người anh biết chuyện, đổi gia tài lấy cây khế, người em bằng lòng.  + Chim lại đến ăn, rồi lại chở người anh ra đảo.  + Người anh may túi quá to nên chim không bay nổi, người anh bị rơi xuống biển chết.  **- Bố cục:** 3 phần  + P1: Từ đầu -> *không đi lại với em nữa*: giới thiệu về hai anh em và việc chia gia tài.  + P2: Tiếp theo -> *đâm bổ xuống biển:* Cuộc sống của hai anh em khi ra ở riêng.  + P3: Còn lại: Kết thúc truyện. |

**Hoạt động 1.4.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS tự đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh tự đọc và trả lời câu hỏi:  1. Hoàn cảnh của hai anh em trong truyện có gì đặc biệt?  2. Những tính cách tốt đẹp nào của hai anh em mà em thấy được?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Hai anh em mồ côi cha mẹ từ sớm (là điều rất bất hạnh của những đứa trẻ)  2. Hai anh em đã nương tựa vào nhau, yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng đủ ăn.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, chốt lại kiến thức  **(Kết thúc tiết 89)**  **Nhiệm vụ 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi, HS tự đọc văn bản, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi:  1. Người em được chia gia tài như thế nào?  2. Người em trong câu chuyện là một người như thế nào? Sau khi chia gia tài, người em có cuộc sống ra sao?  3. Nếu là em, em có đồng ý với cách chia gia tài của người anh hay không?  4. Khi chim đến ăn khế, vợ chồng người em đã phản ứng như thế nào? Em có nhận xét gì về cách phản ứng đó?  5. Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện mình là một người như thế nào?  6. Khi đã trở nên giàu có, người em có thay đổi mình không?  7. Qua đó, em có nhận xét gì về người em trong truyện?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, thảo luận để tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung -.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 3**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  1. Em thấy người anh trong câu chuyện có tính cách như thế nào? Hãy dẫn chứng cụ thể những hành động, việc làm thể hiện cho tính cách đó.  2. Theo em, kết cục câu chuyện vậy là có hợp lí hay không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  1. Người anh trong câu chuyện là người lười biếng, ích kỉ, tham lam đến trơ trẽn, bạc tình bạc nghĩa đến cạn tàu ráo máng khi chia tài sản cho em và cắt đứt quan hệ với em, khi thấy em giàu có thì quay lại muốn chiếm đoạt, và kết cục là phải bỏ mạng nơi biển xa…  2. HS tự nêu quan điểm của cá nhân. GV hướng đến thành ngữ “tham thì thâm”.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 4**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  ? Con chim đến ăn khế có phải con vật kì ảo không? Vì sao?  ? Hòn đảo xa có điều gì kì diệu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời  + Con chim đến ăn khế và nói “ăn một quả ….”  + Đó là con vật kì ảo trong truyện cổ tích vì có đặc điểm biết nói tiếng người, có phép thần kì: biết chỗ cất giấu của cải…  + Vợ chồng người em trở nên giàu có  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xétchốt lại kiến thức:  Truyện cổ tích *Cây khế* thuộc kiểu truyện có nhân vật bất hạnh người em út hiền lành, lương thiện, chịu nhiều thiệt thòi. Con chim thần và hòn đảo xa đã giúp người em thay đổi cuộc sống của mình, và đó chính là món quà xứng đáng mà người em nhận được cho sự hiền lành, chăm chỉ, thật thà và những nỗ lực trong cuộc sống của mình.  Con chim thần xuất hiện là chi tiết kì ảo, tưởng tượng, đã mang đến điều kì diệu, thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật. Đồng thời cũng trừng phạt nhân vật người anh vì tham lam vật chất mà độc ác, vô nhân tính, quay lưng với chính người em của mình.  Đảo xa cũng là một không gian thần kì, kì ảo mang lại cho nhân vật những điều may mắn. Chi tiết này giúp cho truyện mang màu sắc thần bí, huyền diệu.  **Nhiệm vụ 5**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tự khái quát bằng việc trả lời câu hỏi:  ? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?  ? Truyện có ý nghĩa gì?  ? Bài học em rút ra được từ truyện là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Khắc sâu bài học về tình cảm anh em ruột thịt thiêng liêng, đừng vì đồng tiền mà làm mất đi tình thân; tham lam chính là con dao giết chết chính mình; bài học về đền ơn đáp nghĩa... | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Hai anh em trước khi chia gia tài**  - Hoàn cảnh: cha mẹ mất sớm  - Tính cách: yêu thương nhau, chăm chỉ làm lụng.  **2. Hai anh em khi chia gia tài**  a. Người em:  - Hiền lành, chăm chỉ, hạnh phúc với những gì mình đang có (túp lều, cây khế)  - Khi chim đến ăn khế: yêu cầu một cách kính trọng.  - Khi được chim ưu đãi: lấy một ít.  - Khi giàu có: không kiêu ngạo, tự phụ, thật thà kể mọi chuyện cho anh.  🡪 Ở hiền gặp lành  b. Người anh  - Lười biếng  - Lấy hết tài sản quý giá, cắt đứt quan hệ với em 🡪 bạc tình  - Khi thấy em giàu có: muốn hoán đổi  - Khi chim thần ưu đãi: cố lấy cho thật nhiều 🡪 tham lam, trơ trẽn  - Kết cục: bị rơi xuống biển  🡪 Tham thì thâm, gieo nhân nào gặp quả ấy  **3. Những điều kì diệu**  - Con chim thần  - Hòn đảo  🡪 Giúp người em thay đổi cuộc sống nghèo khổ.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.  - Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.  **2. Nội dung – Ý nghĩa:**  \* *Nội dung*: Truyện kể về người anh tham lam, độc ác đã phải trả giá và người em chăm chỉ, hiền lành, lương thiện đã được đền đáp xứng đáng.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về công bằng trong xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác. |

**Hoạt động 1.4.3. Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) về một kết thúc khác cho truyện Cây khế.

GV đưa ra yêu cầu: không phá vỡ tính chỉnh thể của thế giới cổ tích.

- HS viết đoạn văn và trình bày

- GV nhận xét, đánh giá, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh.

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị bài *Thực hành tiếng Việt* tiếp theo)**

**Tiết 91: Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Nghĩa của từ, Biện pháp tu từ)**

**a. Mục tiêu**:[4],[7], [8], [9], [10], [11].

- HS hiểu nghĩa của từ ngữ trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp của văn bản hay biểu đạt dụng ý của người dùng (1).

- Củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ (2).

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đã biết để trả lời câu hỏi, hoàn thành Phiếu bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm phiếu bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.5.1. Củng cố kiến thức về nghĩa của từ, phép tu từ điệp ngữ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định nghĩa của từ, phép điệp ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Em hãy nêu hiểu biết của mình về cách xác định nghĩa của từ  ? Nhắc lại phép điệp ngữ? Công dụng của phép điệp ngữ?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện Nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Ôn tập lí thuyết** |

**Hoạt động 1.5.2. Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [6], [7], [8], [9], [10], (1), (2)

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. Vận dụng cách suy đoán nghĩa đã học hoặc tra từ điển để giải thích nghĩa các từ in đậm:  *a. Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh* ***mơn mởn,*** *quả* ***lúc lỉu*** *sát đất, trẻ lên ba cũng với tay được.*  *b. Từ đó* ***ròng rã*** *một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả* ***vợi hẳn*** *đi.*  Tìm những từ ngữ phù hợp để thay thế cho các từ ngữ in đậm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần ngữ liệu đã cho ở bài tập 2, thảo luận nhóm:  a. Hoàn thành bài tập 2a theo **Phiếu học tập số 1**.  b. Giải thích nghĩa của những động từ, cụm động từ vừa tìm ở ý a.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - GV gợi ý hướng dẫn nếu cần:  a. GV hướng dẫn HS: tìm động từ hoặc cụm động từ thể hiện sự khác biệt về ngôn ngữ, ứng xử giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh trong cùng một hoàn cảnh, từ đó chỉ ra sự khác biệt giữa các nhân vật.  b. GV hướng dẫn HS tra cứu, suy nghĩ và giải thích nghĩa của những động từ, cụm động từ đã tìm được, tập trung vào những từ, cụm từ khó, hay.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK trang 35)**  - (xanh) mơn mởn: xanh non, tươi  - Lúc lỉu: nhiều quả trên khắp các cành.  - Ròng rã: kéo dài, liên tục  - Vợi hẳn: giảm đi đáng kể  **Bài 2 (SGK trang 35)**  a. Các động từ và cụm động từ (theo sản phẩm dự kiến bên dưới)  b. Giải thích nghĩa của các động từ, cụm động từ:  - *tót:* di chuyên lên một nơi khác bằng động tác rất nhanh, gọn và đột ngột;  - *cuống quýt:* vội vã, rối rít do bị cuống, không bình tĩnh;  - *mê mẩn tâm thần:* tâm trí, tinh thần không còn tỉnh táo hoặc quá say mê đến mất bình tĩnh;  - *nghe lời:* lắng nghe và làm theo,... |

**Sản phẩm dự kiến Phiếu học tập số 1:**

**a.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sự kiện** | **Vợ chồng người em** | | **Vợ chồng người anh** | |
| **Động từ, cụm động từ** | **Đặc điểm** | **Động từ, cụm động từ** | **Đặc điểm** |
| Chuẩn bị theo chim ra đảo | *nghe lời chim, may một túi* | từ tốn, biết điểm dừng | *cuống quýt bàn cãi may túi, định may nhiểu túi* | tham lam, nôn nóng, |
| Lên lưng chim để ra đảo | *trèo, trèo lên lưng* | ôn tổn, bình tĩnh | *tót, tót ngay lên lưng* | vội vã, sỗ sàng, thô lỗ |
| Lấy vàng bạc trên đảo | *không dám vào, chỉ dám nhặt ít* | cần trọng, từ tốn, không tham lam | *hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm, cố nhặt vàng và kim cương* | tham lam vô độ, mất hết lí trí |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 3:**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm và nêu các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu văn sau và nêu tác dụng:  *a. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đẩy.*  *b. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 4:**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và thực hiện bài tập 4: Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ được chỉ ra ở bài tập 3.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv gợi ý HS nghĩ đến một sự vật, hoạt động, đặc điểm nào đó mà em muốn nói đến và nhấn mạnh, từ đó viết 1 câu theo yêu cầu của bài tập.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 3 (SGK trang 36 )**  a. Điệp ngữ: *ăn mãi... ăn mãi*  🡪 Tác dụng: nhấn mạnh ăn rất lâu và rất nhiều, như thể không bao giờ dừng.  b. Điệp ngữ: *bay mãi... bay mãi, hết.... đến, hết... đến*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh hoạt động bay, diễn tả hoạt động bay rất lâu và xa.  + Điệp ngữ *hết...đến* là các khoảng không gian cứ nối tiếp nhau, tưởng chừng như vô tận, không có kết thúc.  **Bài 4 (SGK trang 36)**  - HS tự đặt câu |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị *Văn bản 3: vua chích chòe* cho giờ học sau)**

**Tiết 92: Hoạt động 1.6. Văn bản 3. VUA CHÍCH CHÒE**

**(Truyện cổ tích)**

**Hoạt động 1.6.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [8], [9], [11].

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, tìm hiểu nhân vật, cốt truyện, bố cục truyện.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc, yêu cầu HS tựđọc văn bảnvà giải nghĩa những từ khó và kể tóm tắt truyện  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và theo dõi các từ khó, kể tóm tắt chuyện.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS kể tóm tắt  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Giải thích từ ngữ**  - Phò mã  - Thịnh nộ  - Thượng vàng hạ cám  **3. Kể tóm tắt** |

**Hoạt động 1.6.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [7], [8], [9], [10]. [11]

**b. Nội dung:** HS tự đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi câu hỏi 1,2 sách giáo khoa.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  **1. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?**  **2. Nhà vua đã dùng hình phạt nào cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến sự thay đổi gì trong cuộc đời công chúa?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **GV**  **Nhiệm vụ 2**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh tự đọc và trả lời câu 3:  **? Ai đã đóng giả thành người hát rong? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những việc yêu cầu đó?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 3**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 2(phần phụ lục)  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn theo phiếu:  **Câu 5 SGK. Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao?**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 4**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **? Trong nhiều chuyện kể, chủ đề chính của truyện chính là bài học cuộc sống mà nhân vật nhận ra từ câu chuyện của cuộc đời mình. Theo em chủ đề của truyện này là gì?**  **-** HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 6**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh khái quát đặc sắc nghệ thuật, rút ra nội dung ý nghĩa và bài học từ văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nàng Công Chúa kiêu ngạo, chế giễu mọi người**  - Thân phận: Công chúa, con gái duy nhất của một nhà vua. → Cao quý, được cưng chiều.  - Hình dáng: Xinh đẹp tuyệt trần.  - Tính cách: Kiêu ngạo và ngông cuồng, không ai vừa mắt nàng. Không những từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ.  **2. Công chúa trải qua thử thách**  - Hoàn cảnh:  + Lời ban truyền của nhà vua. → Hành động dứt khoát, muốn trừng trị con gái.  - Những thử thách mà công chúa phải trải qua:  + Công chúa luôn thể hiện sự tiếc nuối khi biết được khu rừng, thảo nguyên, thành phố mĩ lệ,... khi biết nó là của vua chích chòe. → Nghệ thuật: Điệp cấu trúc.  + Công chúa không thể chấp nhận sự thật: "Người hầu của anh đâu?".  + Công chúa không biết làm gì cả: không biết nhóm bếp, không biết đan sọt, không biết dệt sợi, bán sành sứ lại bán đầu chợ. Công chúa thiếu kĩ năng sinh sống do được cưng chiều từ nhỏ.  **→ Mục đích những yêu cầu này:** Trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng của công chúa, để công chúa nhận ra những điều sai trái của mình và biết sửa sai.  → Công chúa đã có những thay đổi tích cực về thái độ  **3. Kết thúc có hậu cho công chúa**  - Kết thúc truyện hợp lý.  - Tác giả tưởng tưởng tác giả và mọi người đều sẽ chứng kiến câu chuyện và rút ra cho mình được bài học về thói kiêu căng, ngông cuồng sẽ bị trừng phạt. Người nhận ra được sai lầm và sửa sai không bao giờ là muộn, sẽ được trân trọng. Giống như công chúa, khi nhận ra được lỗi sai của mình sẽ được kết hôn cùng Vua chích chòe.  **4. Chủ đề của Truyện**  Chủ đề chính của truyện là thói kiêu căng, ngông cuồng sẽ nhận được những bài học thích đáng.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc.  **2. Nội dung ý nghĩa**  Vua chích chòe khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương. |

**(Hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động *Viết* trong giờ học tiếp theo)**

**Hoạt động 2. VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:** [4], [5]

**\* Năng lực chung:** [6], [7], [8].

**\* Phẩm chất:** [10].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc SGK, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Tiết 93, 94: Hoạt động 2.1.** **HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VIẾT BÀI VĂN**

**ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**Hoạt động 2.1.1. Khởi động, kết nối**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  - GV nêu câu hỏi:  ? Em đã được học, được đọc nhiều truyện cổ tích, hãy kể tên những câu chuyện em yêu thích? Vì sao em yêu thích câu chuyện đó?  ? Em thấy các truyện cổ tích được kể ở ngôi thứ mấy?  ? Em thử hình dung, nếu em đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện thì điều gì sẽ xảy ra?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ cá nhân  - GV hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - HS trình bày ý kiến:  + Về những câu chuyện cổ tích được học, được đọc  + Câu chuyện HS yêu thích, lí do yêu thích  + Phán đoán những đổi thay sẽ xảy ra đối với việc thay đổi từ ngôi kể thứ ba sang ngôi kể thứ nhất  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, đánh giá  - GV dẫn dắt vài bài: Một câu chuyện có thể được nhiều chứng kiến, đánh giá và kể lại theo những cách khác nhau. Nhập vai vào một nhân vật trong câu chuyện là một trong những cách làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ. | - Các truyện cổ tích “Thạc Sanh”, “Cây Khế”, “Vua chích chòe” vừa học được kể từ ngôi thứ ba. |

**Hoạt động 2.1.2. Hướng dẫn viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích**

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, trả lời câu hỏi để rút ra yêu cầu và cách viết bài văn đóng vai một nhân vật để kể lại truyện cổ tích.

**c. Sản phẩm:** HS biết đóng vai nhân vật để kể lại truyện cổ tích

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu câu hỏi:  ? Muốn viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, em cần chú ý những yêu cầu nào?  ? Để bài văn thuyết minh của em thêm sinh động, thu hút người đọc thì em có thể sử dụng thêm những yếu tố nào?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  - Chốt kiến thức về yêu cầu đối với bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích    **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS đọc bài viết tham khảo.  - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo là bài văn đóng vai nhân vật Thạch Sanh để kể lại một phần truyện (từ xuất thân của Thạch Sanh đến đoạn đánh thắng đại bàng).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (thời gian 10 phút) theo những câu hỏi sau:  ? Trong bài kể, người kể chuyện theo ngôi kể nào? là ai trong truyện?  ? Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi”, “mình”?  ? Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bài bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn… có thu hút người đọc không?  ? Bài viết kể theo trình tự nào? (tóm tắt lại diễn biến sự kiện) Diễn biến chính của câu chuyện có phù hợp với truyện gốc không?  ? Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào?  ? Những từ ngữ nào thế hiện nhận xét, đánh giá của người kể chuyện?  ? Nhận xét về cách kết thúc bài viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung dựa vào kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm  - GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS vận dụng vào bài viết của mình. Bài viết vừa trung thành với truyện gốc vừa có một số sáng tạo …  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh xác định mục đích viết bài, người đọc.  ? Em định đóng vai một nhân vật nào trong các truyện cổ tích đã học (đọc) để kể lại ?  ? Em sẽ dự kiến ai là người đọc, người nghe câu chuyện em định kể?  ? Em sẽ chọn ngôi kể, lời kể như thế nào?  ? Những sự việc chính nào em sẽ lựa chọn khi kể?  - Yêu cầu HS hoàn thiện **Phiếu tìm ý** và lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi và trình bày phiếu tìm ý  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  *(Bước thực hành viết và chỉnh sửa bài viết thực hiện ở giờ học sau)* | **I. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.  - Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.  - Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.  - Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.  **\* Phân tích bài viết tham khảo:** Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện Thạch Sanh    + Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là Thạch Sanh.  + Người kể xưng “ta” phù hợp với cách xưng hô của vị vua đứng đầu một nước.  + Đoạn đầu có vai trò như mở bài, cách chào, đặt câu hỏi…thu hút người đọc  + Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.  + Người viết có thêm vào một số lời kể, chi tiết: đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của nhân vật; lời kết;...  + Cách kết thúc truyện: nêu lí do kết thúc, tóm lược các sự kiện tiếp theo, nêu bài học.  **II. Các bước tiến hành viết bài văn**  **1. Trước khi viết**  - Lựa chọn truyện cổ tích định kể, người nghe (đọc).  - Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng.  - Chọn lời kể phù hợp.  - Ghi lại những nội dung chính của câu chuyện.  **- Lập dàn ý:**  \* Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.  \* Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện:  - Xuất thân của các nhân vật.  - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.  - Diễn biến chính:  + SV1:  + SV2:  + SV3:  \* Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện  **2. Viết bài.**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**PHIẾU TÌM Ý**

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn **đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích**

1. Câu chuyện cổ tích được chọn kể là: ............................................................

2. Đóng vai nhân vật ..............để kể về hoàn cảnh, câu chuyện của mình.

3. Ngôi kể và đại từ xưng hô................................................................................

4. Kể về xuất thân của nhân vật...........................................................................

5. Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện..........................................................................

6. Liệt kê các sự việc chính...................................................................................

7. Những sáng tạo em sẽ đưa vào chuyện............................................................

8. Câu chuyện kết thúc.......................................................................................

9. Bài học em rút ra..........................................................................................

**FB: GIÁO ÁN NGỮ VĂN THCS**

**Tiết 95:**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**a. Mục tiêu:** [4], [5], [6], [7], [8], [10].

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài văn đóng vai một nhân vật để kể lại truyện cổ tích.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Đề bài: Đóng vai một nhân vật trong truyện cổ tích Cây khế để kể lại chuyện.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân HS thực hiện các bước viết bài văn và tự chỉnh sửa bài viết.  - GV gợi ý, hỗ trợ (nếu cần). Lưu ý học sinh trung thành với nội dung câu chuyện nhưng cần sáng tạo để câu chuyện hấp dẫn và thú vị. Bổ sung nhận xét đánh giá của nhân vật người kể chuyện với các nhân vật và sự việc được kể.  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nộp bài  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét thái độ làm bài của học sinh | **III. Thực hành viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích**  Đề bài: Đóng vai một nhân vật trong truyện cổ tích Cây khế để kể lại chuyện.  **1. Trước khi viết**  VD đóng vai nhân vật người em:  - Chọn ngôi kể ngôi thứ nhất: tôi.  - Chọn lời kể phù hợp: lời kể buồn, ngậm ngùi, thương xót trong hoàn cảnh nhân vật: Người em đã có cuộc sống khá giả, người anh đã mất,  - Những nội dung chính của câu chuyện  + Giới thiệu thân phận: Gia cảnh, cuộc sống vất vả, chịu ơn giúp đỡ của chim thần.  + Kể lại câu chuyện phân chia tài sản.  + Kể lại chuyện chim đại bàng đến ăn khế trả vàng.  + Kể lại câu chuyện của người anh.  + Đưa ra ý nghĩa câu chuyện.  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Tiết 96:**

**Hoạt động 2.3.** TRẢ BÀI VIẾT ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

**a. Mục tiêu:** [4], [6], [7], [8], [10].

- HS thấy được những ưu điểm và khắc phục những hạn chế mắc phải trong bài viết, củng cố kĩ năng viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.

**b. Nội dung:** GV trả bài, yêu cầu HS nhận xét, đánh giá bài viết. Trao đổi, thảo luận sửa chữa những sai sót trong bài.

**c. Sản phẩm:**) Bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích của học sinh sau khi được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV trả bài cho học sinh, yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi: Chỉnh sửa bài viết cho bạn theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết**

- Hoạt động cặp đôi:

PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT CHO BẠN

Họ tên người chỉnh sửa: ................................................................

Họ tên tác giả bài viết: ..................................................................

**Nhiệm vụ:** **Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đã đóng vai một nhân vật để kể lại một truyện cổ tích chưa? (Nếu chưa, hãy ghi rõ căn cứ xác định.)

..................................................................................................................................

2. Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa (Nêu chưa, hãy nêu rõ ý nào chưa hợp lí.)

..................................................................................................................................

3. Bài viết có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

..................................................................................................................................

4. Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

..................................................................................................................................

5. Có nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết không? (Nếu có, hãy ghi rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

..................................................................................................................................

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không? (Nếu có, hãy ghi rõ các lỗi cần sửa.)

..................................................................................................................................

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ**

HS hoạt động cặp đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn theo phiếu chỉnh sửa bài viêt.

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày kết quả và nộp lại Phiếu chỉnh sửa bài viết

- HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV sử dụng công cụ đánh giá theo rubic:

**XÂY DỰNG RUBRIC TRONG ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT CỦA HS**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | | |
| **Mức 5**  **(Giỏi)** | **Mức 4**  **(Khá)** | **Mức 3**  **(Trung bình)** | **Mức 2**  **(Yếu)** | **Mức 1**  **(Kém)** |
| **Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự**  **(1.0 điểm)** | Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện.  (1.0 điểm) | Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối cơ bản mạch lạc, hấp dẫn câu chuyện. (0.75 điểm) | Có đủ mở bài, thân bài, kết bài. Trong các phần, HS biết cách dẫn chuyển, kết nối. Tuy nhiên chưa thực sự hấp dẫn câu chuyện. (0.5 điểm) | Không đảm bảo đủ mở bài, thân bài, kết bài.  Trong các phần, HS còn dẫn chuyển, kết nối rời rạc, chắp nối.  (0.25 điểm) | Không viết gì hoặc viết lung tung không có ý nghĩa.  (0.0 điểm) |
| **Chọn được nhân vật trong truyện cổ tích để kể**  **(1.0 điểm)** | Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình bày chính xác và có sự sáng tạo, lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (1.0 điểm) | Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Nêu, trình bày chính xác và lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể nhưng chưa có sựu sáng tạo. (0.75 điểm) | Chọn và nêu, trình bày chính xác được nhân vật trong một truyện cổ tích. Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (0.5 điểm) | Chọn được nhân vật trong một truyện cổ tích. Hoặc xác định được chỉ mình nhân vật mà không tên truyện. Phần trình bày chưa có sự sáng tạo, lôi cuốn về nhân vật trong truyện cổ tích định kể. (0.25 đ) | Diễn đạt lung tung không xác định được nhân vật cũng như tên truyện.  (0.0 điểm) |
| **Nội dung câu chuyện**  **(6.0 điểm)** | Nội dung câu chuyện có các chi tiết phong phú, hấp dẫn người đọc (người nghe). Cách kể có bám sát truyện gốc, có sự tưởng tượng, sáng tạo theo ý riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên nhưng vẫn giữ cốt truyện ban đầu.  (5.0 - 6.0 điểm) | Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, đôi chỗ đã có sự tưởng tượng, sáng tạo theo ý riêng của mình giúp cho câu chuyện thêm sinh động, tự nhiên.  (3.25-4.75 điểm) | Nội dung câu chuyện có đủ chi tiết để người nghe hiểu được câu chuyện. Cách kể có bám sát truyện gốc, Tuy nhiên chưa có sự sáng tạo, diễn đạt thuyết phúc, ấn tượng người đọc, người nghe.  (1.75-3.0 điểm) | Có viết được một vài chi tiết về nhân vật trong truyện cổ tích. Tuy nhiên còn trình bày chưa sáng tạo, hấp dẫn, thuyết phục. (0.25-1.5 điểm) | Không viết được gì.  (0.0 điểm) |
| **Diễn đạt**  **(1.0 điểm)** | Đảm bảo quy tác về chính tả, dùng từ đặt câu. Có cách diễn đạt mới mẻ có những phá cách trong dùng từ đặt câu. (1.0 điểm) | Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Có mắc song rất ít lỗi diễn đạt và chính tả. (0.75 điểm) | Cơ bản đảm bảo quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. Bài viết còn mắc một số lỗi chính tả và diễn đạt nhưng không trầm trọng. (0.5 điểm) | Bài viết còn mắc khá nhiều quy tắc về chính tả, dùng từ đặt câu. (0.25 điểm) | Bài viết diễn đạt lung tung, khó hiểu, chữ viết không đọc được. (0.0 điểm) |
| **Sáng tạo**  **(1.0 điểm)** | Bài viết có ý tưởng sáng tạo về cấu trúc, về nội dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí.  (1.0 điểm) | Bài viết có ý tưởng sáng tạo về một trong các phương diện như cấu trúc, về nội dung,... so với truyện cổ tích có sẵn. Có những khám phá, suy nghĩ mới mẻ, hợp lí.  (0.75 điểm) | Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt.  (0.5 điểm) | Bài viết có ý tưởng sáng tạo nhưng còn vụng về, mắc lỗi trong cách diễn đạt. Vì vậy gây khó hiểu.  (0.25 điểm) | Bài viết hoàn toàn không có bất kì sự sáng tạo nào.  (0.0 điểm) |

* HS tự đánh giá
* Hoạt động cặp đôi đánh giá bài viết của bạn theo rubic
* GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm bài của học sinh: những ưu điểm và hạn chế trong bài viết

**(Hướng dẫn học sinh chuẩn bị hoạt động Nói và nghe cho giờ học sau)**

**Tiết 97:**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:** [1], [5]

- HS biết đón vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích, chủ yếu tập trung vào nhân vật, nhập vai một cách thông minh, sáng tạo, biết kể lại câu chuyện vừa sát truyện gốc vừa có sáng tạo.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói đóng vai nhân vật để tự kể lại câu chuyện về mình, thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**\* Năng lực chung:** [6], [7], [8]

**\* Phẩm chất:** [9], [10]

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**b. Nội dung**: HS huy động tri thức đã có về thể loại truyện cổ tích và nội dung truyện đọc để nói và nghe: Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật

**c. Sản phẩm**: Bài nói Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật và kết quả đánh giá của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Hoạt động 3.1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, các truyện cổ tích đã biết để chuẩn bị nội dung nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý bài nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: yêu cầu HS đọc lại, nhớ lại truyện cổ tích định kể, những nội dung quan trọng của truyện cổ tích mà khi kể không thể bỏ qua.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung. | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định mục đích nói và người người nghe.  - Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện |

**Hoạt động 3.2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** [1], [5], [6], [7], [8], [9], [10]

**b. Nội dung:** HS kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật trong truyện.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài kể chuyện bằng hình thức nói trước lớp

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS trình bày bài nói  + Các học sinh khác lắng nghe tích cực chuẩn bị cho hoạt động trao đổi về bài nói. | **2. Trình bày bài nói** |

**Hoạt động 3.3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS tương tác, trao đổi đánh giá bài nói theo tiêu chí.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  - GV đặt thêm câu hỏi:  + Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?  Hãy đánh giá phần kể của bạn theo phiếu đánh giá.  + Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm đánh giá  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trao đổi về bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| **1. Nội dung truyện kể** | Trong vai nhân vật, kể chưa đầy đủ các sự việc chính, người nghe chưa hiểu được câu chuyện (1 điểm) | Trong vai nhân vật, kể đầy đủ, chính xác câu chuyện cổ tích lựa chọn, người nghe hiểu được câu chuyện (2 điểm) | Kể thu hút người nghe, có sáng tạo, làm cho câu chuyện hấp dẫn (3- 4 điểm) |
| **2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm** | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. (0 điểm) | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. (1 điểm) | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng (2 điểm) |
| **3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp** | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. (0 điểm) | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề (1 điểm) | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. (2 điểm) |
| **4. Mở đầu và kết thúc hợp lí** | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. (0 điểm) | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.(1 điểm) | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (2 điểm) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm bài tập*

**Bài tập 1:** Thảo luận về các đặc điểm của truyện cổ tích và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| **1** | Chủ đề |  |
| **2** | Nhân vật |  |
| **3** | Cốt truyện |  |
| **4** | Lời kể |  |
| **5** | Yếu tố kì ảo |  |

**Bài tập 2:** Sưu tầm một số bản kể hoặc các hình thức kể khác (truyện thơ, kịch, phim hoạt hình,...) của các truyện cổ tích *Thạch Sanh* và *Cây khế*. So sánh và nêu nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể hoặc các hình thức kể đó.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**: HS hoàn thiện phiếu bài tập

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động

- Dựkiến sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| 1 | Chủ đề | - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ thay đổi số phận của chính họ. |
| 2 | Nhân vật | - Nhân vật trong truyện cổ tích thường đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến:  Nhân vật chính diện (tốt, thiện)  Nhân vật phản diện (xấu, ác) |
| 3 | Cốt truyện | - Thường là các câu chuyện tưởng tượng xoay quanh một số nhân vật quen thuộc như nhân vật tài giỏi , nhân vật dũng sĩ, người mồ côi, người em út, người con riêng, người nghèo khổ, người có hình dạng xấu xí, người thông minh, người ngốc nghếch và cả những câu chuyện kể về các con vật nói năng và hoạt động như con người  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện |
| 4 | Lời kể | - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tùy thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau trên cùng 1 cốt truyện |
| 5 | Yếu tố kì ảo | - Các yếu tố kì ảo không được sử dụng quá nhiều, mà xuất hiện khá ít và xâm nhập vào cuộc sống trần tụt, qua hình ảnh những ông bụt, bà tiên, những con vật kì lạ có phép thuật, nhằm tạo ra tình huống hoặc giúp con người vượt qua tình huống khó khăn |

- HS nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, cốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

1. GV yêu cầu HS: HS sưu tầm, vận dụng tri thức ngữ văn đã học, kể lại một truyện cổ tích mà em thích.

2. Viết đoạn văn (5 - 7 câu) Nêu cảm nhận của em về một nhân vật cổ tích mà em yêu thích.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**: Sưu tầm, chuẩn bị nội dung kể và viết đoạn văn ở nhà

**B3,4. Báo cáo kết quả và nhận xét, đánh giá**: thực hiện ở giờ học sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 03 tháng 02 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 28/02/2024 Ngày giảng: 6A2: /3/2023 6A6: /3/2024

**Tiết 98: ĐỌC MỞ RỘNG**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 6 *Chuyện kể về những người anh hùng* và bài 7 *Thế giới cổ tích.* [1].

- Năng lực văn học [2]

+ HS thể hiện khả năng vận dụng trải nghiệm kiến thức và kĩ năng được học trong những bài đã học để tự đọc các VB mới thuộc thể loại truyền thuyết, truyện cổ tích.

+ HS nêu được nội dung cơ bản của VB đọc;

+ HS nêu được chủ đề và trình bày được một số yếu tố của truyền thuyết, truyện cổ tích được thể hiện qua VB đã đọc

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [3].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [4].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [5]

**3. Về phẩm chất**

- Giúp học sinh tự hào về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và yêu thích thể loại truyện dân gian. [6].

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [7].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy;

+ Một số văn bản truyền thuyết và truyện cổ tích liên quan đến nội dung đọc

**2. Chuẩn bị của HS:**

-SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Sưu tầm các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 6: *Chuyện kể về những người anh hùng* và bài 7: *Thế giới cổ tích .*

- Đọc văn bản, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS nhắc lại nội dung đã học và chia sẻ hiểu biết của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Nhắc lại nội dung chủ đề và thể loại các em đã học trong bài 6, bài 7?

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào có cùng thể loại và chủ đề với các VB bài 6, bài 7?

**B2. HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào nội dung đã học và nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà để trả lời câu hỏi;

**B3. HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả lựa chọn văn bản đọc mở rộng.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá.

*GV giới thiệu bài:* Trong bài 6 và bài 7, chúng ta đã được tìm hiểu các văn bản thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. Thế giới ấy thật phong phú, đa dạng và hấp dẫn. Nó không chỉ dừng lại ở trong trang sách mà chúng ta đã được học. Mà nó còn là một kho tàng vô giá, bất tận mà chúng ta chưa thể khám phá hết. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta từng bước khám phá thêm thế giới kì diệu đó thông qua tiết: Đọc mở rộng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyền thuyết và truyện cổ tích) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài 6. *Chuyện kể về người anh hùng* và bài 7. *Thế giới cổ tích* trình bày trước lớp về thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đọc thông qua phiếu học tập và phần kể của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Trao đổi kết quả tự đọc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của Truyền thuyết, truyện cổ tích.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá những truyền thuyết, truyện cổ tích mà các em đã đọc hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên văn bản** | **Thể loại** | **Chủ đề** | **Nhân vật** | **Ngôi kể** | **Yếu tố kì ảo** | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  |  |   **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe thực hiện nhiệm vụ  - HS trao đổi với nhau về những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích đó, tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.  Dự kiến sản phẩm:  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm hoạt động,  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại kiến thức.  + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách với nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc các thể loại cùng hoặc khác chủ đề. (Các đường link, các cuộc truyện, các bộ phim liên quan…)  **Nhiệm vụ 2: Kể chuyện truyền thuyết, cổ tích:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và kể câu chuyện em thích nhất cho cả lớp nghe (Kể miệng, hoặc kể bằng hình ảnh, sân khấu hóa…)  - HS lắng nghe thực hiện.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lựa chọn và chuẩn bị nội dung cho câu chuyện kể.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS kể trước lớp  + GV gọi hs khác nhận xét, đánh giá.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, đánh giá  + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt. | **1. Khám phá thế giới truyền thuyết, truyện cổ tích.**  **2. Kể chuyện Truyền thuyết, cổ tích** |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Biết cách đọc một văn bản truyền thuyết và cổ tích.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc, kể một văn bản truyền thuyết và cổ tích?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận hoàn thành nội dung yêu cầu

- GV hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động nhóm theo các yêu cầu bài tập

- Các HS khác nhận xét, bổ sung

(Dự kiến sản phẩm: Cần chú ý đọc kĩ nắm được diễn biến cốt truyện, nhân vật (sự ra đời, những khó khăn thử thách và chiến công, kết quả), những yếu tố kì ảo hoang đường, ý nghĩa của truyện. Kể lại được truyện cho người khác nghe).

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục đọc mở rộng vốn kiến thức văn học.

**b. Nội dung:** HS sưu tầm, tìm đọc các Truyền thuyết và Truyện cổ tích ở nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả sưu tầm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV yêu cầu HS tiếp tục thực hiện việc sưu tầm, đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật các văn bản thuộc thể loại Truyền thuyết và Truyện cổ tích, khám phá cái hay cái đẹp về nội dung và nghệ thuật từng văn bản.

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh sưu tầm các văn bản

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học về thể loại để phân tích, khám phá văn bản.

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và B4. đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**(thực hiện ở giờ học sau)**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị Bài 8 ***“Khác biệt và gần gũi”*** để học vào tiết sau. Yêu cầu:

+ Đọc kĩ nội dung phần tri thức ngữ văn

+ Đọc kĩ văn bản “Xem người ta kìa” và trả lời câu hỏi sau khi đọc.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** | | | |  |  | *Hương Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** | | |
| **Tuần** | **Bài 8**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | | | **Lớp 6A2 (**45 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A6** (46 hs) |
| **25** | 99 | 29/02/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 100 | 29/02/2004 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| **26** | 101 | 01/03/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 102 | 02/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 103 | 02/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 104 | 04/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |  |  |
| **27** | 105 | 05/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 106 | 05/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 106 | 06/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 108 | 07/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| **28** | 109 | 07/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 110 | 09/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 111 | 09/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 112 | 10/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| **29** | 113 | …./3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |
| 114 | 12/3/2024 |  | | | Vắng: |  | Vắng: |

# *(Bảng trên gồm 13 tiết bài 8, 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra đánh giá giữa kì II)*

# **Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI**

**(Số tiết: 13 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. [1]

- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn. [2]

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. [3]

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa. [4]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề mà em quan tâm). [5]

- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác. [6]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [7].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [8].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [9].

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. [10]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [11].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu, biết giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính;

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số đoạn văn, bài văn nghị luận làm ngữ liệu minh họa khi dạy tri thức ngữ văn.

**2. Chuẩn bị của HS:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 99, 100: Văn bản 1: XEM NGƯỜI TA KÌA**

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Theo em giữa em với bạn ngồi bên cạnh có điểm gì gần gũi và khác biệt nhau? Tại sao lại có sự khác biệt và gần gũi đó? Sự khác biệt và gần gũi như vậy có ý nghĩa gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ,

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**Hoạt động 1.1.** GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** [1], [7], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  -GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm với các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  + Vì sao em đi học?  + Tại sao em cần phải hiếu thảo với cha mẹ?  + Để trả lời các câu hỏi trên em cần làm như thế nào?  + Theo em, những yếu tố cơ bản nào cần phải có trong văn bản nghị luận?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **GV bổ sung:**  ***Khái niệm văn bản nghị luận:*** Văn bản nghị luận là loại văn bản có nội dung bàn bạc, đánh giá về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống và trong khoa học, giáo dục, nghệ thuật,... Người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm, ý kiến của mình.  ***Lí lẽ trong văn bản nghị luận:*** Lí lẽ là những lời giải thích, phân tích, biện luận thể hiện suy nghĩ của người viết/ nói về vấn đề. Những lời ấy phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhằm bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó. Khi đưa ra lí lẽ, người viết/ nói thường giải đáp các câu hỏi mà vấn đề gợi ra. Lí lẽ phải có tính khách quan, thuyết phục người đọc/ nghe bằng lẽ phải, chân lí. Không chấp nhận những lí lẽ chủ quan, áp đặt.  ***Bằng chứng trong văn bản nghị luận:*** Bên cạnh lí lẽ, văn bản nghị luận còn phải có các bằng chứng. Bằng chứng là những sự thật (nhân vật, sự kiện) hay tư liệu đảm bảo tính xác thực, có giá trị. Bằng chứng phải phù hợp với từng loại văn nghị luận. Nếu là nghị luận xã hội, phải dùng bằng chứng lấy từ thực tế đời sống, từ kết quả nghiên cứu khoa học. Nếu là nghị luận văn học thì bằng chứng chủ yếu lấy từ văn học. Bằng chứng kết hợp với lí lẽ làm cho lập luận có sức thuyết phục. | TRI THỨC NGỮ VĂN: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN  **1. Khái niệm**  - Văn bản nghị luận là văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **2. Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận**  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |

Hoạt động 1.2. VĂN BẢN 1: XEM NGƯỜI TA KÌA

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[1], [2], [3]

- Năng lực ngôn ngữ: Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về vấn đề được nêu trong văn bản

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9].

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản “Xem người ta kìa”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1. Giới thiệu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận văn bản

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ, ý kiến cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS chia sẻ ý kiến cá nhân:

1. Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì?

2. Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Dự kiến sản phẩm:**

-Đứng trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em rất ngưỡng mộ,mong muốn được như bạn bởi họ có những phẩm chất tốt đẹp: ngoan ngoãn, lễ phép, học giỏi, chăm chỉ, đoàn kết, biết yêu thương chia sẻ với mọi người.... được mọi người yêu quý quan tâm.

- Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình vì mỗi người là một cá nhân độc lập, là quyền của của mỗi người. Bởi cái riêng của mỗi người là sự hãnh diện về tính cách riêng của bản thân sẽ làm cho mỗi người không cảm thấy tự ti hay mặc cảm vì bị so sánh với người khác. Mỗi người sẽ có những điểm mạnh riêng, tạo nên bức tranh cuộc sống nhiều màu sắc.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV giới thiệu bài: Như vậy mỗi người mỗi vẻ tạo nên sự khác biệt, là một cá nhân độc lập nhưng không có nghĩa là chúng ta chọn cách sống khác thường. Giữa mọi người vẫn có sự tượng đồng, gần gũi. Bài học này chúng ta cùng tìm hiểu về những điều khác biệt và gần gũi.

**Hoạt động 1.2.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra.  - Yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi:  ? Dựa vào SGK em hãy giải thích các từ sau: *hiếu thuận, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, siêu việt, trách cứ?*  ? Văn bản “Xem người ta kìa!” thuộc kiểu văn bản nào?  ? Người viết dùng ngôi kể nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó?  ? Xác định bố cục của văn bản?  - GV yêu cầu HS: Trình bày sản phẩm câu hỏi đã được giao ở tiết học giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn.  *+ Nêu hiểu biết của em về kiểu văn bản đó?*  **B2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe  - Theo dõi văn bản để tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi: xác định kiểu văn bản, ngôi kể, bố cục văn bản  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Nhấn mạnh: Văn bản nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề. Mục đích của người tạo lập văn bản nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình qua những lí lẽ và bằng chứng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  - Kiểu văn bản: Nghị luận.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Bố cục:3 phần  Phần 1: Đoạn 1: *Từ đầu => ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.  Phần 2:  + Đoạn 2: *Tiếp => mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác  + Đoạn 3: *Tiếp => trong mỗi con người*: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.  Phần 3: Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưn cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. |

**Hoạt động 1.2.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, hoạt động nhóm chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi phần 1 và trả lời câu hỏi:  ? Khi không hài lòng điều gì đó với đứa con người mẹ thường nói với con điều gì?  ? Mỗi khi nghe mẹ nói như vậy người con có tâm trạng như thế nào?  ? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?  ? Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Người mẹ nói: “Xem người ta kìa!”  - Người con cảm thấy không thoải mái, cố sức vâng lời, cảm thấy không hề dễ chịu khi nghe mẹ nói.  - Người mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung:** Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng bạn bè. Đó là điều ước mong rất giản dị, đời thường của mỗi một người mẹ. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng vì chúng ta chưa hiểu chưa biết được mong ước của các bậc làm cha làm mẹ.  ***Chuyển ý:*** *Theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với mong ước của người mẹ? Chuẩn bị tìm hiểu câu hỏi 3,4,5,6,7 cho tiết học sau*.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Khi đã lớn, đủ nhận thức, tác giả có đồng tình với quan điểm của người mẹ không? Câu văn nào nói lên điều đó?*  *+ Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Tác giả cho rằng điều mẹ mình mong muốn là có lí, thể hiện qua câu: *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.*  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - **GV bổ sung:**  Dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, tôn trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  ? Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó?  ? Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào để chứng minh sự khác biệt?  ? Em có nhận xét gì về cách sử dụng dẫn chứng trong bài văn nghị luận?  ? Sự khác biệt của mỗi cá nhân có giá trị như thế nào trong cuộc sống?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người  - Dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao.  + Ngoại hình: cao - thấp, gầy - béo, trắng - đen  + Giọng nói: …  + Sở thích: …  + Tính cách, thói quen: …  - Giá trị sự khác biệt: Là cơ sở hình thành nhân cách, lối sống, phát triển toàn diện của con người, là động lực giúp con không ngừng hoàn thiện bản thân và nỗ lực vươn tới sự tốt đẹp để bước vào tương lai.  - Theo em điều đó hợp lý:  Trong bức tranh mỗi người nhìn về một hướng khác nhau nhưng đều có suy nghĩ về ánh trăng. Cũng giống như trong cuộc sống mỗi con người có một ý kiến, quan điểm cá nhân riêng nhưng đều đóng góp, chung sức cho tập thể, cho cộng đồng.Ý nghĩa của bức tranh trùng khớp với ý nghĩa của nội dung của văn bản.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung:** Như vậy, mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thảo luận:  ? “Biết hòa đồng gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt” – em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?  ? Dựa vào đoạn cuối của văn bản “Xem người ta kìa!” Hãy cho biết tác giả đã gửi tới người đọc thông điệp gì?  - GV hướng dẫn HS đưa ra quan điểm cần dựa trên cơ sở lập luận, có lĩ lẽ, bằng chứng, không nói cảm tính, hời hợt.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Dự kiến sản phẩm:**  - Đồng ý.  - Hòa đồng gần gũi với mọi người thể hiện cách sống chan hòa, vui vẻ, có thiện chí, xây dựng mối quan hệ với bạn bè thể hiện sự tự tin trong giao tiếp, ứng xử của mỗi người.  - Con người không ngừng tự hoàn thiện bản thân để vươn tới sự toàn vẹn.  - Biết hòa đồng gần gũi mọi người, và cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt có nghĩa là trong quá trình học tập và tiếp thu tự hoàn thiện bản thân đã có sự chọn lọc biết giữ được cái riêng cái tôi được mọi người thừa nhận và học hỏi những điều mới phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội đó chính là nét đẹp riêng và làm nên giá trị bản thân cho mỗi con người. Sự độc đáo của mỗi cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Cũng chính nhờ việc giữ những cái riêng sẽ càng làm cho con người hòa đồng, gần gũi với nhau hơn.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 5**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Qua văn bản em rút ra được bài học gì?  ? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nêu vấn đề: Mong ước của mẹ**  - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!”  - Mục đích: Để con bằng người, không làm xấu mặt gia đình, không ai phàn nàn, kêu ca.  => Mong ước: ***Mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.***  **2. Bàn luận vấn đề: Suy ngẫm của người con**  **a. Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác**  - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.  - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.  **b. Sự khác biệt trong mỗi cá nhân**    - Các dẫn chứng: Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao (SGK).  - Nghệ thuật: Dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp.  => Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người.  **3. Kết luận vấn đề**  Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung – Ý nghĩa**  - Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người.  **2. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. |

**Hoạt động 1.2.4. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:HS viết được đoạn văn nghị luận sử dụng các lí lẽ để trình bày ý kiến của mình.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Ai cũng có cái riêng của mình

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS viết đoạn văn; GV: quan sát, hỗ trợ HS nếu cần:

**Tham khảo dàn ý và cấu trúc đoạn văn:**

\* Mở đoạn: Nêu vấn đề: *Ai cũng có cái riêng của mình* là điều đúng đắn (hoặc chưa đúng hoàn toàn - tùy vào góc nhìn của em)

\* Thân đoạn: Vì sao em khẳng định *Ai cũng có cái riêng của mình.*

- Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác:

+ Mỗi người đều có điểm mạnh, ưu điểm riêng, không ai giống ai.

+ Mỗi người là một tâm hồn, một cá tính riêng gắn liền với sở thích, năng lực riêng.

+ Giá trị đó dù lớn lao hay nhỏ bé cũng cần được tôn trọng.

- Bằng chứng: ngay trong lớp, bạn có thể học không giỏi nhưng bạn luôn sống yêu thương, hay giúp đỡ bạn bè, có bạn nói năng không hoạt bát nhưng lại khéo tay, hay làm...Tức là ai cũng có giá trị riêng.

\* Kết đoạn: Khẳng định mỗi chúng ta ai cũng có giá trị riêng cần được tôn trọng.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động:**

**-** HS đọc đoạn văn

- HS khác nhận xét, bổ sung và đánh giá theo các tiêu chí

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**    **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Đoạn văn trình bày suy nghĩ về vấn đề “Ai cũng có cái riêng của mình”; | Nội dung đoạn văn trình bày được suy nghĩ nhưng còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về vấn đề sự khác biệt, không mắc lỗi chính tả (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về vấn đề sự khác biệt; diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả.  (9- 10 điểm) |

Ngày soạn: 01/3/2024

Ngày giảng: 6A2: /3/2024 6A6: /3/2024

**Tiết 101. ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

a. Năng lực văn học:

- Nhận biết đặc điểm thể loại của truyền thuyết, truyện cổ tích, các giá trị của văn bản; [1]

- Nhận biết nghĩa của từ ngữ, từ ghép, từ láy; các biện pháp tu từ; các cụm từ; dấu chấm phẩy. [2]

b. Năng lực ngôn ngữ:

- Năng lực đọc hiểu, trình bày vấn đề, ý kiến của cá nhân;[3]

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn; [4]

**2. Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm; [5]

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân; [6]

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập. [7]

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước, tự hào với lịch sử dựng nước và giữ nước qua các truyền thuyết; Nhân ái, ngợi ca, bênh vực những con người lương thiện, chính nghĩa [8]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [9].

\* Học sinh khuyết tật:

- Nhận biết đặc điểm chính của thể loại, tên văn bản đã học, nhận biết phép tu từ.

- Đọc hiểu, nói ở mức độ đơn giản; biết hợp tác với các bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học: Máy tính kết nối mạng và ứng dụng dạy học trực tuyến

- Giáo án; Phiếu học tập; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Học liệu: Một số đoạn văn tham khảo làm ngữ liệu bài tập.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Thiết bị học tập: Máy tính hoặc điện thoại kết nối mạng cài ứng dụng zoom.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại tên (chủ đề) các bài học

? Những điều em học được qua các chủ đề đã học?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: Chia sẻ những điều học sinh học được qua các nội dung đã học*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu tiết ôn tập.*

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC

**Hoạt động 1. Ôn tập phần đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [6], [7], [8], [9]

**b. Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để:  1. Hoàn thiện bảng thống kê các thể loại văn học và đặc điểm của từng thể loại:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thể loại | Đặc điểm | |  |  |  |   2. Hoàn thiện bảng thống kê các văn bản đã học theo từng chủ đề (đã thực hiện ở nhà)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên bài (chủ đề | Tên VB | Thể loại | Nghệ thuật đặc sắc | Nội dung, ý nghĩa | |  |  |  |  |  |   3. Nêu ý nghĩa của một số chi tiết kì ảo, hoang đường em thích trong các truyền thuyết và truyện cổ tích đã học?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động hoàn thành bảng thống kê  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nhóm trình bày bảng thống kê  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM  I. PHẦN ĐỌC HIỂU  **1. Tri thức ngữ văn về các thể loại văn học**  a. Thể loại truyền thuyết  b. Thể loại truyện cổ tích  **2. Đọc hiểu nội dung chủ đề**  a. Truyền thuyết kể về người anh hùng.  b. Thế giới cổ tích |

**Hoạt động 2. Ôn tập phần thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã biết để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh nhắc lại những nội dung thực hành tiếng Việt đã học:  1. Muốn giải thích nghĩa của từ, nghĩa thành ngữ ta làm thế nào?  2. Nêu đặc điểm cấu tạo của các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ? Cho VD?  3. Trình bày hiểu biết của em về các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ? Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ? Cho VD?  4. Trình bày công dụng của dấy chấm phẩy? Cho VD?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời nhớ lại kiến thức đã học để có câu trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày, cho ví dụ cụ thể  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | II. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  1. Giải thích được nghĩa của từ, nghĩa của thành ngữ  2. Nhật biết được Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ  3. Nhận biết được các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó  4. Nhận biết công dụng của một số loại dấu câu: dấu phẩy, dấu chấm phẩy |

**Hoạt động 3. Ôn tập phần Viết**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS nhắc lại yêu cầu đối với mỗi dạng bài:  1. Cấu trúc của một đoạn văn?  1. Yêu cầu của bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)  2. Yêu cầu của bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | III. PHẦN VIẾT  1. Viết đoạn văn (kết nối với đọc)  2. Viết bài văn:  a. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, một sinh hoạt văn hóa em được tham gia hoặc được tìm hiểu qua sách, báo, truyền hình…  b. Viết bài văn đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu và cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS thực hành đọc hiểu các đoạn văn theo thể loại đã học và tìm ý, lập dàn ý cho đoạn văn, bài văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập đọc hiểu:  **\* Bài tập 1:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:  **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *“Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:*  *- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!*  *Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh. Từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.”*  *(Trích “Sự tích Hồ Gươm”)*  **Câu 1.** Theo em văn bản có đoạn trích trên thuộc thể loại gì? Căn cứ vào đâu mà em biết?  **Câu 2:** Câu văn: “*Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:*  *- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!*” sử dụng biện pháp tu từ gì?  **Câu 3:** Giải thích nghĩa của thành ngữ ***“nhanh như cắt”*** trong câu “*Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước.*”  **Câu 4:** Tìm một chi tiết tưởng tượng kì ảo trong đoạn văn trên và cho biết ý nghĩa của chi tiết đó?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ (theo bàn) thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động  - Nhóm khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá  - Chốt lại cách đọc hiểu văn bản: Bám vào tri thức ngữ văn về thể loại, chú ý các từ ngữ, các biện pháp tu từ đã học trong phần thực hành tiếng Việt được vận dụng trong văn bản.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. HS đọc lại yêu cầu, xem lại nội dung hướng dẫn viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) và bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  2. Lựa chọn một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) mà em biết để lập dàn ý cho bài văn  3. Tập viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa).  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Nội dung viết bài văn, đoạn văn thực hiện ở nhà  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày dàn ý cho bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)  - HS khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận** | B. LUYỆN TẬP  **I. Bài tập đọc hiểu**  **II. Viết đoạn văn, bài văn** |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS, HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS ôn tập lại toàn bộ nội dung đã học, thực hành đọc hiểu và viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, một sinh hoạt văn hóa (thực hiện ở nhà).

- HS chuẩn bị cho bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì II (Khi quay trở lại trường học trực tiếp)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 01 tháng 03 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 02/3/2024

Ngày giảng: 6A2: /3/2024 6A3: /3/2024

**Tiết 102, 103. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**:

- Năng lực đọc hiểu, nhận biết đặc điểm thể loại, các giá trị của văn bản;

- HS vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học về truyền thuyết, truyện cổ tích, kiến thức về nghĩa của từ, biện pháp tu từ, cụm từ, cách thuyết minh về một sự kiện …, để luyện tập củng cố kĩ năng.

**b. Năng lực ngôn ngữ**: Viết đoạn văn, bài văn*.*

\* Học sinh khuyết tật:

- Nhận biết đặc điểm chính của thể loại, nhân vật, biện pháp tu từ.

- Đọc hiểu, viết ở mức độ đơn giản.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề đặt ra trong bài kiểm tra, năng lực sáng tạo trong thực hành viết đoạn văn, bài văn

- Năng lực tự học và tự chủ khi thực hiện nhiệm vụ.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trung thực, tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Ma trận đề kiểm tra, Bản đặc tả, Đề kiểm tra và Hướng dẫn đánh giá;

- Học liệu: Đoạn văn thuộc thể loại truyện cổ tích làm ngữ liệu cho phần đọc hiểu.

**2. Chuẩn bị của HS:** Ôn tập các nội dung đã học

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA

**- Bước 1**. GV giao đề.

**- Bước 2**. Học sinh làm bài độc lập

**- Bước 3**. Học sinh nộp bài

**- Bước 4**. GV nhận xét giờ làm bài.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

**\* MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\* BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích). | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ, công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa). | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện. Nêu rõ tên của sự kiện. Tái hiện lại một cách khách quan, chân thực các quá trình của sự kiện, kết quả và những tác động của sự kiện đến bản thân hoặc cộng đồng | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |  |  |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |  |  |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |  |  |  |  |

**\* ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG**

*Ngày xưa, có một gia đình nghèo gồm hai mẹ con sống nương tựa vào nhau, cuộc sống của họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con. Người con thì cũng hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành. Một ngày kia, người mẹ bỗng lâm bệnh nặng, mặc dù người con rất thương mẹ, chạy chữa biết bao thầy lang giỏi trong vùng cũng không chữa khỏi cho mẹ. Em buồn lắm, ngày ngày đều cầu phúc cho mẹ. Thương mẹ, người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh. Người con đi mãi, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.*

*Đến một hôm, khi đi ngang qua một ngôi chùa, em xin nhà sư trụ trì được vào thắp hương cầu phúc cho mẹ. Lời cầu xin của em khiến trời nghe cũng phải nhỏ lệ, đất nghe cũng cúi mình. Lời cầu xin đó đến tai Đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu thảo đó của em nên đã tự mình hóa thân thành một nhà sư. Nhà sư đi ngang qua chùa và tặng em một bông hoa trắng rồi nói:*

*- Bông hoa này là biểu tượng của sự sống, là bông hoa chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con, con hãy mang nó về chăm sóc. Nhưng phải nhớ rằng, cứ mỗi năm sẽ có một cánh hoa rụng đi và bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ con chỉ sống được bấy nhiêu năm. Nói rồi nhà sư biến mất.*

*Em nhận bông hoa, cảm tạ Đức Phật, lòng em rất đỗi vui mừng. Nhưng khi đếm những cánh hoa, lòng em bỗng buồn trở lại khi biết rằng bông hoa chỉ có năm cánh, nghĩa là mẹ em chỉ sống được thêm với em có năm năm nữa. Thương mẹ quá, em nghĩ ra một cách, em liền liều xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ, nhiều đến khi không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh nữa. Nhờ đó mà mẹ em đã khỏi bệnh và sống rất lâu bên người con hiếu thảo của mình. Bông hoa trắng với vô số cánh nhỏ đó đã trở thành biểu tượng của sự sống, là ước mơ trường tồn, là sự hiếu thảo của người con đối với mẹ, là khát vọng chữa lành mọi bệnh tật cho mẹ của người con. Ngày nay, bông hoa đó được người đời gọi là hoa cúc trắng.*

(Sách *Ngựa Gióng*)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba. D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

**Câu 2**. Nhân vật chính trong truyện *Sự tích hoa cúc trắng* là ai?

A. Em bé B. Người mẹ C. Đức phật D. Thầy lang

**Câu 3.**  Theo nhà sư, bông hoa cúc trắng biểu tượng cho điều gì?

A. Biểu tượng cho sự sống. chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

B.Biểu tượng cho sự sống, chứa đựng sự hiếu thảo, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

C. Biểu tượng cho sự sốngchứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ về lòng hiếu thảo, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con.

D. Biểu tượng cho sự sốngchứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mọi người.

**Câu 4**. Vì sao em bé lại xé nhỏ các cánh hoa?

A. Vì em vốn là đứa trẻ hiếu động

B. Vì em nghĩ bông hoa nhiều cánh sẽ đẹp hơn

C. Vì em bé muốn mẹ sống lâu bên mình

D. Vì em thích bông hoa nhiều cánh

**Câu 5**. Trong câu *“Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con”*, từ láy *tần tảo* có ý nghĩa là:

A. Làm lụng chăm chỉ công việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

B**.** Làm lụng chăm chỉ công việc đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn

C. Làm lụng chăm chỉ việc nhà và đồng áng trong hoàn cảnh khó khăn

D. Làm lụng vất vả, lo toan việc nhà trong hoàn cảnh khó khăn

**Câu 6.** Câu văn *“Bông hoa này là biểu tượng của sự sống, là bông hoa chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con, con hãy mang nó về chăm sóc”*đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

A.So sánh. B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. Điệp ngữ.

**Câu 7. Cụm từ** “*một bông hoa trắng” là:*

A. Cụm danh từ B. Cụm động từ C. Cụm tính từ D. Cụm chủ - vị

**Câu 8**. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Sự tích hoa cúc trắng*?

A. Giải thích các hiện tượng thiên nhiên.

B. Ca ngợi lòng hiếu thảo của em bé.

C. Thể hiện sự cảm thương cho số phận người phụ nữ.

D. Ca ngợi tình phụ tử.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.** Em có nhận xét gì về chi tiêt Đức Phật hóa thân thành nhà sư tặng em bông cúc trắng trong truyện?

**Câu 10.** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên. Qua câu chuyện, em thấy mình cần phải có trách nhiệm gì với cha mẹ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn thuyết minh thuật lại một một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) diễn ra tại trường hoặc tại địa phương mà em đã được tham gia.

**\* HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
|  | 9 | - Nêu lí do dẫn đến sự hóa thân của Đức Phật thành bông hoa cúc trắng  - Đánh giá ý nghĩa, giá trị tư tưởng, nghệ thuật của chi tiết này. | 1,0 |
|  | 10 | - HS nêu được bài học tâm đắc rút ra từ câu chuyện; ý nghĩa của bài học. Lí giải được lí do nêu bài học ấy. Có thể theo một trong số các gợi ý sau:  + Bài học về sức mạnh của tình yêu thương: Tình yêu thương có thể khơi dậy tình cảm trong mỗi con người; tình yêu thương có thể mang lại sức mạnh kì diệu…  + Bài học về lòng hiếu thảo…  - HS tự rút ra trách nhiệm về nhận thức và hành động của bản thân đối với cha mẹ. Có thể theo một số ý sau:  + Luôn kính yêu, ngoan ngoãn, nghe lời cha mẹ  + Làm nhiều việc tốt, chăm chỉ học hành, nỗ lực phấn đấu.  + Chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ…  *(Lưu ý: GV chấm linh hoạt, tôn trọng ý kiến riêng của HS nhưng phải phù hợp)* | 0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* thuyết minh về một một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) diễn ra tại trường hoặc địa phương. | 0,25 |
|  | *c.* Thuyết minh về một một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa).  HS triển khai đảm bảo các nội dung sau:  \* Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, địa điểm, mục đích tổ chức sự kiện)  \* Thuyết minh diễn biến sự kiện.  - Những nhân vật tham gia sự kiện.  - Các hoạt động chính trong sự kiện: đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  - Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.  **\*** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời thuyết minh sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

***Lưu ý:*** *Trên đây là một số gợi ý mang tính định hướng để tham khảo. Người chấm cần linh hoạt, khuyến khích sự sáng tạo trong lời văn và tôn trọng tính chân thực của nội dung sự kiện được tường thuật*.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 02 tháng 03 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

# **Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI - Tiếp theo**

# **(Từ tiết 104 đến tiết 114)**

**Tiết 104**

**Hoạt động 1.3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Trạng ngữ, nghĩa của từ)**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [9], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học, sử dụng SGK chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi và hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập: C**âu trả lời đúng và sản phẩm bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.3.1: Khởi động – Kết nối**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** Tổ chức cho HS tham gia thi trả lời câu hỏi *Ai nhanh ai đúng* .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia 2 nhóm, nêu luật thi và lần lượt nêu các câu hỏi có liên quan đến kiến thức về trạng ngữ mà HS đã được học ở tiểu học. Với mỗi câu hỏi, nhóm nào có tín hiệu trước sẽ trả lời:  **Câu 1**: Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu trong Tiếng Việt có mấy thành phần chính? Kể tên  **Câu 2**: Trạng ngữ là thành phần chính hay thành phần phụ của câu?  **Câu 3:** Trạng ngữ của câu: “Trên sân trường, các bạn đang nô đùa ầm ĩ” là: ...  **Câu 4:** Trạng ngữ trong câu *“Trên sân trường, các bạn đang nô đùa ầm ĩ”* nằm ở vị trí nào trong câu?  **Câu 5:** Trạng ngữ trong câu văn trên được dùng để nêu thêm thông tin về mặt nào cho sự việc được nói đến trong câu?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS huy động kiến thức đã có để trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS thi giữa 2 nhóm  - Nếu sai, nhóm kia sẽ có quyền trả lời  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đánh giá kết quả giữa 2 nhóm  **GV dẫn dắt:** Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu, giúp bổ sung thêm ý nghĩa cho câu và văn bản. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu thêm về các chức năng của trạng ngữ trong câu. |  |

**Hoạt động 1.3.2: Nhận biết trạng ngữ**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [9], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học, sử dụng SGK chắt lọc thông tin để hoàn thành Phiếu học tập và trả lời câu hỏi hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập: C**âu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV yêu cầu HS đọc mục nhận biết trạng ngữ, rồi hoàn thành vào **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Trạng ngữ** | **Vị trí** | **Chức năng** | | (1) Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố găng tự học. |  |  |  | | (2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ. |  |  |  | | (3) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt kên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. |  |  |  | | (4) Rón rén, chị Dậu bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm. |  |  |  |   2. Qua kết quả thực hiện phiếu học tập, hãy rút ra đặc điểm để nhận biết trạng ngữ (về vai trò, vị trí, chức năng của trạng ngữ trong câu)?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tinh trong sgk kết hợp với các kiến thức đã có ở bậc tiểu học để hoàn thành phiếu học tập.  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm Phiếu học tập và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:*  a. Phía chân trời, từng đám mây trôi lững lờ.  b. Sáng nay, chúng em tham gia thi văn nghệ.  c. Vì rét, những cây bàng rụng hết lá.  d. Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt.  e. Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Nhận biết trạng ngữ**  **-** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức… của sự việc được nêu trong câu, Có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn.  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu. |
| **Dự kiến sản phẩm Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **Trạng ngữ** | **Vị trí** | **Chức năng** | | (1) Để trở thành học sinh giỏi, em cần phải không ngừng cố găng tự học. | Để trở thành học sinh giỏi | Đầu câu | Chỉ mục đích | | (2) Nhiều người thường cãi nhau chỉ vì những bất đồng nhỏ. | Vì những bất đồng nhỏ | Cuối câu | Chỉ nguyên nhân | | (3) Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt kên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. | - Vì lẽ đó  - Xưa nay | Đầu câu | Chỉ nguyên nhân, liên kết với câu trước đó  Chỉ thời gian | | (4) Rón rén, chị Dậu bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm. | Rón rén | Đầu câu | Chỉ cách thức | | |

**Hoạt động 1.3.3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [9], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học, sử dụng SGK chắt lọc thông tin để hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài tậpcủa HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và hoàn thành Phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Trạng ngữ | Chức năng | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó.  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **Nhiệm vụ 2: Bài tập 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần trạng ngữ và câu giữ nguyên trạng ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày kết quả làm bài tập.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3.  - GV hướng dẫn HS, với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận  **Nhiệm vụ 4: Bài tập 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để giải thích nghĩa thành ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Nhiệm vụ 5: Bài tập 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK/trang 56)**  Các trạng ngữ trong câu:  a. Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ: Trạng ngữ chỉ thời gian  b. Giờ đây: Trạng ngữ chỉ thời gian  c. Dù có ý định tốt đẹp: Trạng ngữ chỉ điều kiện  **Bài 2 (SGK/trang 57)**  a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự về việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát.  c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.  **Bài 3 (SGK/trang 57)**  Thêm trạng ngữ cho câu. VD:  a. Hoa đã bắt đầu nở  - Thời tiết ấm dần, hoa đã bắt đầu nở.  - Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở.  - Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.  **Bài 4 (SGK/trang 57)**  a. Chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí  b. Mười phân vẹn mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.  **Bài 5 (SGK/trang 57)**  a. Thua em kém chị: nghĩa là thua kém mọi người nói chung.  b. Mỗi người một vẻ: mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không ai giống ai.  c. Nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường. |

**GV yêu cầu HS đọc Văn bản 2, trả lời câu hỏi sau khi đọc chuẩn bị cho tiết học sau**

**Tiết 105, 106**

**Hoạt động 1.4. VĂN BẢN 2: HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[1], [2], [3]

- Năng lực ngôn ngữ: Trình bày được ý kiến về vấn đề được nêu trong văn bản

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9].

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản “Hai loại khác biệt”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1. Giới thiệu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận văn bản

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ, ý kiến cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ ý kiến cá nhân:

1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp hay không? Vì sao?

2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV giới thiệu bài: Trong một tập thể, một cộng đồng, mỗi con người luôn luôn có xu hướng tạo ra sự khác biệt. Nhưng có phải sự khác biệt nào cũng có ý nghĩa không? Chúng ta phải làm thế nào để khẳng định giá trị của bản thân trong một tập thể? VB **Hai loại khác biệt** mà chúng ta tìm hiểu hôm nay sẽ phần nào trả lời các câu hỏi trên.

**Hoạt động 1.4.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra.  - Yêu cầu HS đọc và thực hiện nhiệm vụ:  1. Tìm hiểu các chú thích từ ngữ trong SGK  2. Nêu thông tin về tác giả, xuất xứ của văn bản  3. Văn bản “Hai loại khác biệt” thuộc kiểu văn bản nào?  4. Người viết dùng ngôi kể nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó?  5. Nêu vấn đề bàn luận trong văn bản?  6. Xác định bố cục của văn bản?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe  - Theo dõi văn bản để tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi: xác định kiểu văn bản, ngôi kể, vấn đề bàn luận, bố cục văn bản  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  - Tác giả: Giong-mi Mun, sinh năm 1964, người Hàn Quốc, Tiến sĩ trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt.  - Xuất xứ: Văn bản trích từ cuốn sách “*Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*”, theo Đường Ngọc Lâm dịch.  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận (kết hợp tự sự).  - Ngôi kể: thứ nhất  - Vấn đề bàn luận: Bàn về giá trị của sự khác biệt, nhưng phải là khác biệt có ý nghĩa.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Bố cục:3 phần  + Phần 1. Từ đầu đến *“hoặc vi phạm nội quy nhà trường”*: Nêu vấn đề về sự khác biệt  + Phần 2. Tiếp đến “*không một ai trong chúng tôi lại không nể phục cậu”*: Bàn luận về cách thể hiện sự khác biệt  + Phần 3. *Đoạn còn lại*: Khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa |

**Hoạt động 1.4.3. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, làm việc cá nhân, hoạt động nhóm chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  1. Người viết đã kể lại câu chuyện gì trong phần nêu vấn đề?  2. Việc nêu vấn đề bằng cách kể lại câu chuyện mình trực tiếp tham gia có tác dụng gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV có thể gợi ý:  + Câu chuyện nhân vật “tôi” kể diễn ra vào thời gian nào?  + Thầy giáo đã ra bài tập gì nhân vật “tôi” và các bạn trong lớp bài tập gì?  + Theo lời giáo viên thì mục đích và quy định của bài tập này là gì?  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  ***(Kết thúc tiết 1 của VB, HS tiếp tục tìm hiểu câu hỏi 2,4,5,6 SGK cho tiết học sau)***  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS theo dõi VB từ “Vào buổi sáng … khá là mẫu mực”; tổ chức cho HS hoạt động hoàn thành nhiệm vụ học tập dựa trên các câu hỏi:  1. Hoàn thành **Phiếu học tập**: Việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J khác nhau như thế nào? Nêu những bằng chứng cụ thể về **cách thể hiện sự khác biệt** của số đông các bạn trong lớp và của J?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tôi và số đông các bạn trong lớp | Nhân vật J | | Thể hiện sự khác biệt |  |  | | Kết quả |  |  |   Nhân vật “tôi” tỏ thái độ như thế nào đối với từng sự khác biệt được nói đến trong đoạn trích?  2. Nhân vật “tôi” đã rút ra được kết luận gì từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J?  3. Do đâu mà số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa? Theo em, muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?  4. Trong VB này, tác giả đã đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều cần bàn luận trước, sau đó mới đưa ra thực tế để chứng minh? Hãy nhận xét về cách lựa chọn kiểu triển khai này?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV gợi ý hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  + Trong đoạn trích, người viết chủ yếu nói về cách thể hiện sự khác biệt của “tôi” (chính người viết) và số đông các bạn trong lớp. Họ mặc bộ đồ quái dị đến trường, và không quan tâm tìm hiểu những điều thật sự có ý nghĩa. Cách thể hiện này trái ngược hoàn toàn với sự lựa chọn của J.  + Từ hành vi của số đông các bạn trong lớp (trong đó có bản thân mình) và hành vi của J, nhân vật “tôi” đã rút ra được kết luận: sự khác biệt chia làm hai loại: một loại khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có ý nghĩa.  + Số đông học sinh trong lớp đều chọn “sự khác biệt vô nghĩa", trong khi chỉ một bạn duy nhất chọn "sự khác biệt có ý nghĩa". Từ sự trái ngược đó, có thể thấy: khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt dễ dãi, hời hợt bề ngoài, ai cũng có thể thể hiện; trong khi khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt trong suy nghĩ, trong thái độ và cách ứng xử. Đó không phải là điều dễ dàng, vì thế, hiếm người làm được.  + Gọi sự khác biệt mà mình và số động các bạn trong lớp thể hiện là “sự khác biệt vô nghĩa”, người viết (nhân vật “tôi”) đã tỏ thái độ coi thường. Trái với điều đó, gọi sự khác biệt của J là “sự khác biệt có ý nghĩa, người viết bộc lộ thái độ nể phục. Ở câu cuối của đoạn trích, thái độ ấy đã được thể hiện rất rõ.  + Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có tư duy nhạy bén, sự quan sát lâu dài, hiểu biết sâu rộng, hứng thú khám phá kiến thức,...  + Ở văn bản này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, văn bản không mang tính chất bình giá nặng nể. Câu chuyện làm cho vần đề bàn luận trở nên gẩn gũi, nhẹ nhàng. Chẳng hạn, ngay ở đoạn mở đẩu, tác giả kể một hồi ức thuở học trò: GV đã giao một bài tập để HS tự do thể hiện sự khác biệt. Đoạn tiếp, câu chuyện xoay quanh sự lựa chọn của số đông HS trong lớp và của riêng J. Lời bàn luận chỉ xuất hiện sau những đoạn kể như vậy.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, kết luận về 2 loại khác biệt  **Nhiệm vụ 3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần cuối VB trả lời câu hỏi:  1. Tác giả muốn khẳng định và hướng mọi người đến với loại khác biệt nào?  2. Vấn đề được bàn trong đoạn trích có ý nghĩa đối với em và các bạn của em hiện nay không? Vì sao?  3. Có ý kiến cho rằng: Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có có giá trị đối với mọi lứa tuổi. Em có đồng tình ý kiến này không? Vì sao*?*  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và chắt lọc thông tin để trả lời.  - GV gợi ý hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  Dự kiến sản phẩm câu 2,3  -Hiện nay, học sinh cũng rất thích thể hiện cá tính, những nét khác biệt của mình. Chạy theo những sự khác biệt dễ dãi bề ngoài như trang phục, kiểu tóc, lời nói,... là chuyện phổ biến. Trong tình hình đó, vấn đề được bàn trong đoạn trích thật sự có ý nghĩa. Nó cảnh báo một xu hướng sai lệch, đồng thời gợi ý về cách lựa chọn đúng đắn, cần thiết.  *-* Bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản có giá trị với mọi lứa tuổi. Vì bất kì lứa tuổi nào cũng cần trở nên khác biệt có nghĩa.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung,  - Kết luận: Bài viết đúc kết những suy nghĩ của tác giả về một kỉ niệm tuổi học trò. Chỉ những người non trẻ mới tìm cách thể hiện sự khác biệt bằng những trò lố, những hành vi kì quặc, quái đản như thế. Bài học được rút ra từ đó có ý nghĩa thiết thực trước hết với các bạn HS.  + Tuy nhiên, cần lưu ý: tác giả là một người tham gia giảng dạy ở Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt, một trường đại học danh tiếng hàng đẩu của Hoa Kì. Bài này được trích từ cuốn sách *Khác biệt - thoát khỏi bẩy đàn cạnh tranh* của tác giả. Như vậy, theo tác giả, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiếu khi cũng chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có ý nghĩa, trong khi sự khác biệt là phương châm sống, là đòi hỏi bức thiết của mọi người. Vì vậy, bài học được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả có giá trị đối với bất cứ ai.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **?** Hãy nêu những đặc sắc về nghệ thuật nghị luận và khái quát nội dung ý nghĩa văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Nêu vấn đề**  - Tác giả kể lại một hồi ức khi ở độ tuổi Trung học: Bài tập mà thầy giáo giao cho học sinh là phải cố gắng trở nên khác biệt. Mục đích: để học sinh bộc lộ phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh.  => Tác giả nêu vấn đề bằng cách kể lại câu chuyện mình trực tiếp tham gia. Dùng lời kể nêu vấn đề tạo sự chân thực, tăng tính hấp dẫn.  **2. Bàn luận về hai loại khác biệt**  - **Loại khác biệt vô nghĩa**: Thể hiện bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường, làm những trò lố như: quần áo quái lạ, kiểu tóc kì quặc, trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, hoạt động ngu ngốc, gây chú ý…  🡪 Sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi, không cần huy động khả năng đặc biệt gì. Hầu như ai muốn đều có thể bắt chước.    - **Loại khác biệt có ý nghĩa**: Ăn mặc bình thường nhưng thể hiện sự khác biệt bằng phong thái tự tin, điềm tĩnh, từ tốn, dõng dạc, lễ độ, nghiêm túc, chân thành, chững chạc, dũng cảm, mẫu mực…  🡪 Cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin... Những phẩm chất ấy không phải ai muốn là cũng có được..  => Tác giả đã đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận làm tăng tính thuyết phục.  **3. Kết thúc vấn đề**  - Bỏ qua nhóm tạo sự khác biệt vô nghĩa;  - Đề cao giá trị của sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - VB có sự kết hợp chặt chẽ của hai yếu tố lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật vấn đề cần bàn.  - Trong văn bản có những đoạn kể chuyện, nhưng mục đích vẫn là bàn luận, đánh giá về hai loại khác biệt mà lớp trẻ thường thể hiện. Cách trình bày như thế làm cho bài nghị luận trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận.  **2. Nội dung – ý nghĩa**  - Văn bản đề cao sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt có giá trị riêng.  - Đề cao bản sắc của mỗi con người, giá trị của mỗi người được hình thành từ năng lực, phẩm chất bên trong, và cần sự cố gắng thật sự. |

**Hoạt động 1.4.4. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:HS viết được đoạn văn nghị luận sử dụng các lí lẽ để trình bày ý kiến của mình.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Từ một câu cho trước (Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...), em hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

- GV gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ: Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa? Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm thế nào?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn

- GV gợi ý học sinh về nội dung và cấu trúc đoạn văn:

Mở đoạn: Câu chủ đề: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa*

Thân đoạn:

- Vì sao chúng ta không muốn sự khác biệt vô nghĩa? (Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác): Ví dụ

+ Sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người.

+ Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì.

- Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?

+ Mỗi người luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng mọi người

+ Rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng.

Kết đoạn: Khẳng định mỗi chúng ta cần khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa của mình.

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày đoạn văn

- HS khác nhận xét, sửa chữa nếu có

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

- Có thể đọc cho học sinh tham khảo một số đoạn văn

**Ví dụ 1:**

*Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.*

**Ví dụ 2:**

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người. Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì. Mỗi người luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người. Chúng ta hãy rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng để tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa.

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu học tập về cách thể hiện của hai loại khác biệt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số đông các bạn trong lớp** | **Nhân vật J** |
| **Biểu hiện** |  |  |
| **Kết quả** |  |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số đông các bạn trong lớp** | **Nhân vật J** |
| ***Biểu hiện*** | - Trang phục kì dị, đồ pi-gia-ma kết hợp với áo thun dài tay.  - Các cách thể hiện khác:  + Để kiểu tóc kì quặc.  + Làm trò quái đản với trang sức và hộp phấn trang điểm.  + Tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý.  → Nhiều bạn làm tương tự: Không còn khác biệt. | J - khác biệt.  - Đứng lên trả lời câu hỏi.  - Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc, lễ độ.  - Nói với giáo viên là "Thưa thầy/cô", gọi bạn là "anh chị".  - Cuối tiết học, tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng. |
| ***Kết quả*** | - Trở nên lố bịch, kì lạ nhưng lại không khác biệt.  - Nhận ra mình chọn cách đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn, mình là khác biệt vô nghĩa. | - Ban đầu: Các bạn cười khúc khích vì cho là kì quặc.  - Về sau: Nể phục và được mọi người đặc biệt chú ý. |

**Tiết 107**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Lựa chọn từ ngữ, lựa chọn cấu trúc câu)**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [8], [9], [11]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học, sử dụng SGK chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi và hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập: C**âu trả lời đúng và sản phẩm bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.5.1: Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và lựa chon cấu trúc câu**

## **a. Mục tiêu**

- Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc trong câu để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- Nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu văn bản với mục đích viết/ nói cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1: Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhận định: Ở lớp 4, các em đã được học về tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong biểu đạt nghĩa…  *-* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Cho câu sau: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ* ***noi gương*** *những cá nhân xuất chúng.*  ? Tìm những từ đồng nghĩa với từ “Noi gương”?  ? Có thể thay thế từ “noi gương” bằng những từ đồng nghĩa vừa tìm được không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Bài tập nhanh:**  *- Mỗi khi được nghe tiếng cười tươi trẻ, hồn nhiên của bạn bè trong lớp hay của ai đó bên ngoài, tôi đểu cảm thấy ấm lòng.*  Theo em, có thể dùng từ *tự nhiên* để thay cho *hồn nhiên* được không? Vì sao?  **Nhiệm vụ 2: Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Cùng với việc lựa chọn từ ngữ trong câu thì việc lựa chọn cấu trúc câu cũng đóng vái trò không kém, nội dung này, các em cũng đã được học từ tiểu học.  - GV yêu cầu HS đọc câu: *Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.*  ? Nêu tác dụng của kiểu câu: “càng…càng”  ? Có thể thay thế cách diễn đạt bằng câu khác nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa của câu không?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung và mở rộng:  Trong viết/ nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng. Ý thức được điều này, khi viết/ nói, HS không chỉ phải biết tạo câu đúng ngữ pháp, mà còn phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.  **\* Bài tập nhanh:**  - Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm trong câu sau và cho biết, nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc.  ***Nhiều buổi trưa, khi mọi người nghỉ*** ***cả,*** *chú Nam lúi húi đẽo, gọt.* | **I. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và lựa chon cấu trúc câu**  **1. Lựa chọn từ ngữ**  a. Ví dụ: SGK/Tr61  b. Kết luận  - Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên.  - Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất.  **2. Lựa chọn cấu trúc câu**  a. Ví dụ: SGK/Tr62  b. Kết luận  - Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.  - Cách tiến hành:  + Tạo câu đúng ngữ pháp  + Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp. |

**Hoạt động 1.5.1: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [4], [7], [8], [9], [11]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng và sản phẩm bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 (b,c) và làm vào vở  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bài 2:**  HS phải vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ các bài tập trước vào việc lựa chọn từ ngữ đặt vào chỗ trống trong cấu, đảm bảo phù hợp với ý nghĩa mục đích nói. Phát huy khả năng suy nghĩ độc lập của từng HS là điều cần lưu ý khi dạy kiểu bài tập này.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất để điền vào câu**.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bài 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 3 (b,c)  - GV hướng dẫn: Bài tập 3 có 3 câu, đều tập trung vào đặc điểm cấu trúc câu, vai trò của cấu trúc trong việc thể hiện mục đích viết/ nói. Trong tiếng Việt, hễ thay đổi cấu trúc, lập tức thay đổi về ý nghĩa, bởi vì, cấu trúc nào thì sinh ra ý nghĩa ấy.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bài 4:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 4.  - GV hướng dẫn: Bài tập có mục đích giúp HS biết vận dụng tri thức đã học để thực hiện việc thay đổi, lựa chọn cấu trúc câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 3 nhóm:  + Nhóm 1: Câu a  + Nhóm 2: Câu b  + Nhóm 3: Nhận xét.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày và nhận xét lẫn nhau  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**  b. Từ nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh.  - Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ *khuất* thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, xúc động, cảm động, xúc cảm là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau.  + Xúc động biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với cảm động hay xúc cảm.  => Vì thế, từ xúc động là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu.  **Bài tập 2**  a. Phản ứng  b. Hoàn hảo  c. Quan sát  d. Nỗ lực  **Bài tập 3**  b. Câu “*Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi*.” cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên*.” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.  c. Câu “*Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng*.” miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “*tiến lên phía trước* rồi mới có thể “*bắt tay thầy giáo*”, vì thấy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “*Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước*.” thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, vậy còn “*tiến lên phía trước*” để làm gì?  **Bài tập 4**  a. Câu văn có 2 vế:vế đầu nếu băn khoăn về một điều chưa rõ, về sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên.  *-* Nếu đổi cấu trúc thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt cầu tay đổi cấu trúc vào văn bản sẽ thấy không hợp lí.  b. Quan sát hai cầu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt về nghĩa. Hai vế “điều quá nghiêm trọng” và “căn bệnh hết cách chữa” được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn về trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |

**(GV yêu cầu HS:**

- Hoàn thành các bài tập, thực hành đặt 3 câu sau đó thay đổi cấu trúc câu và nêu lên sự khác biệt của câu sau khi thay đổi đó. Qua đó rút ra kết luận câu nào là phù hợp nhất.

- Đọc VB 3 chuẩn bị cho giờ học sau.

**Tiết 108, 109**

**Hoạt động 1.6. Văn bản 3: BÀI TẬP LÀM VĂN**

**Hoạt động 1.6.1. Giới thiệu bài**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**b. Nội dung hoạt động:** Giáo viên nêu vấn đề yêu cầu học sinh chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm**:Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học **d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV trao đổi với HS:

Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy điều đó bình thường không?

Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/ kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?

**B2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động:** HS chia sẻ, trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định**

GV kết nối vào bài: Có lẽ, chúng ta ai cũng đã ít nhất một lần nhờ người thân, hay bạn bè giúp đỡ mình làm bài tập. Điều đó là rất cần thiết. Nhưng trong tình huống, em cần viết một bài văn, đặc biệt là kiểu văn miêu tả, tự sự thì chúng ta có nên nhờ không? Việc nhờ người khác viết văn hộ có giúp em phát huy được năng lực của bản thân và bộc lộ được suy nghĩ, tâm tư, tình cảm trong lòng mình không? Cô hi vọng, câu chuyện của một bạn nhỏ trong VB “*Bài tập làm văn”* sẽ giúp các em đưa ra lựa chọn cho mình.

**Hoạt động 1.6.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, nắm được cốt truyện, bố cục truyện, kể tóm tắt truyện. [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, tìm hiểu nhân vật, cốt truyện, bố cục truyện.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc rõ ràng, rành mạch, cần phân biệt lời người kể chuyện với lời nhân vật. Lời kể chuyện có phần hài hước, vui nhộn; lời đối thoại giữa các nhân vật có nhiều sắc thái. Yêu cầu học sinh tự đọc, tìm hiểu các chú thích và thảo luận trả lời các câu hỏi:  1. Thông tin về tác giả và xuất xứ văn bản?  2. Xác định thể loại? Ngôi kể?  3. Kể tên các nhân vật và sự việc (cốt truyện)?  4. Bố cục của truyện?  **B2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản, thảo luận nhóm để tìm câu trả lời  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:**  - Rơ–nê Gô–xi–nhi (1926 -1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,viết kịch, làm phim.  - Giăng-giắc Xăng–pê (Sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa.  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: VB “Bài tập làm văn” trích trong truyện “Nhóc Ni - cô - la: những chuyện chưa kể”, xuất bản lần đầu năm 2004.  - Thể loại: Truyện ngắn;  - PTBĐ: tự sự  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Nhân vật: Cậu bé Ni-cô-la , bố của cậu và ông Blê-đúc;  - Cốt truyện:  + Ni-cô-la nhờ bố mình làm hộ bài tập làm văn miêu tả người bạn thân và bố cậu vui vẻ nhận lời.  + Bố Ni-cô-la hỏi cậu về đề bài, rồi yêu cầu cậu làm bố cục và hỏi xem ai là bạn thân của cậu.  + Ni-cô-la kể ra 6 người bạn của mình, nhưng bố cậu vẫn thấy rất khó.  + Ông Blê-đúc, một hàng xóm sang rủ bố em chơi cờ, ông hiểu được câu chuyện của hai bố con và ông rất muốn giúp đỡ cậu. Ông cũng hỏi cậu những câu như bố cậu đã hỏi. Họ mâu thuẫn vì chuyện bài tập làm văn của Ni-cô-la.  + Ni-cô-la nhận ra, bài văn mình phải tự viết thì mới có cá tính và độc đáo được.  - Bố cục: Văn bản chia làm 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến *“Bố tôi í à, rất là tuyệt”* Giới thiệu tình huống câu chuyện.  + Phần 2: Diễn biến câu chuyện *Ni-cô-la* nhờ bố làm bài tập làm văn và kết cục.  + Tiếp theo …. *“Thế thì sẽ khó hơn bố tưởng rồi đấy, bố nói”:* Cuộc trò chuyện giữa Ni-cô-la và bố về bài tập làm văn.  + Tiếp theo đến *“Ông Blê-đúc rất tức giận”:* Cuộc trò chuyện với ông Blê-đúc và bố Ni-cô-la về làm bài tập làm văn và mâu thuẫn nảy sinh  + Phần 3: Còn lại: Ni–cô–la tự làm bài tập làm văn của mình. |

**Hoạt động 1.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [3], [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS tự đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1: HS hoạt động cá nhân**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần đầu VB và trả lời câu hỏi:  ? Ni-cô-la nhờ bố việc gì? Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?  ? Em nghĩ sao về việc Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS theo dõi VB phần 1, tìm thông tin  + GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm:  ? Vì sao bố của Ni-cô-la tỏ ra sốt sắng muốn giúp cậu con trai làm bào tập làm văn?  ? Bố cho Ni-cô-la cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?  ? Bố cho Ni-cô-la biết rằng, bố sẵn sàng làm bài văn giúp con, trong khi bố của bố trước đây, không bao giờ làm như vậy cả. Việc so sánh ấy nói lên điều gì?  ? Việc làm bài chỉ là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?  ? Giọng kể chuyện ở đây nghiêm trang hay hài hước?  **B2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trình bày suy nghĩ  - HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận theo nhóm:  ? Ai là người bạn thân nhất của cậu bé? Điều đó khiến cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi làm tập làm văn. Vì sao vậy?  ? Vì sao Ni–cô–la sau khi đã kể ra nhiều người bạn thân của mình mà bố của cậu ấy vẫn thấy khó viết?  **B2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận nhanh  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung.  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Kĩ thuật trình bày 01 phút  ? Câu chuyện kết thúc như thế nào?  ? “Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”- nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua qua những gì đã xẩy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS bày tỏ quan điểm  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét và chỉnh sửa, chốt nội dung | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tình huống của câu chuyện**  - Ni-cô-la nhờ bố giúp làm bài tập làm văn vì:  + Có thể *Ni-cô-la* vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.  + Do đề văn hơi khó, *Ni-cô-la* cảm thấy chật vật.  + Có thể trong học tập, *Ni-cô-la* thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực….  => Cho dù là lí do nào đi nữa thì việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được.  **2. Diễn biến câu chuyện Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn**  a. Thái độ của bố Ni-cô-la khi con nhờ giúp làm bài tập làm văn:  - Sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn vì:  + Đó là một điều cần thiết “bố sẵn sàng làm bài văn giúp con”  + Đây sẽ là lần cuối cùng bố giúp cậu.  + Bố còn muốn cậu thấy bố rất giỏi văn.  + Bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con.  - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn.  b. Việc Ni-cô-la nhờ bố là rất khó  - Ai là người bạn thân thiết nhất của Ni-cô-la. Điều này cả bố và ông Blê-đúc cần phải biết khi làm tập làm văn , vì:  + Nếu không biết ai là người bạn thân của Ni-cô-la mà bố và ông Blê-đúc vẫn làm bài thì sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu của đề.  + Bài văn ấy nói về người khác chứ không phải bạn của Ni-cô-la.  + Cô giáo nhận ra bài văn đã viết về một nhân vật tưởng tượng nào đó, chứ không phải nói về người bạn thân nhất của Ni-cô-la.  - Bố vẫn thấy khó dù Ni-cô-la giới thiệu cho bố về rất nhiều người bạn thân của mình: Vì  + Bố không phải là bạn của họ,  + Bố không hiểu biết gì về sở thích, tính tình, sở trường, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ của họ  + Bố không thể viết về người hoàn toàn xa lạ  => Không thể làm bài văn hộ con.  **3. Kết thúc và bài học rút ra**  a. Kết thúc: Ni-cô-la đã tự làm được bài văn ra trò, được cô giáo khen là cá tính và độc đáo.  - Ni-cô-la tự rút ra: “bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tự tôi làm”  b. Bài học:  + Bài học về sự nỗ lực, cố gắng vượt qua giới hạn của bản thân.  + Bài học về sự trung thực, sự sáng tạo, biết thể hiện suy nghĩ riêng của bản thân.  + Đặc trưng của các bài tập làm văn là sáng tạo mang tính độc đáo, riêng biệt của mỗi học sinh. |

**(Hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động viết ở giờ học sau)**

**Hoạt động 2: VIẾT**

**Tiết 110, 111**

**Hoạt động 2.1. HƯỚNG DẪN VIẾT TRÌNH BÀY Ý KIẾN**

**VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM**

**a**. **Mục tiêu**: [5], [7], [8], [9], [10], [11],

**b. Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫnHS đọc SGK, trả lời câu hỏi tìm hiểu yêu cầu và cách làm bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. GV khuyến khích học sinh tự đọc lại nội dung bài học trong SGK và trả lời:  ? Hãy nhắc lại những yếu tố cơ bản của kiểu văn bản nghị luận?  ? Chỉ ra hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn trong 2 VB: *Xem người ta kìa*! và *Hai loại khác biệt.*  ? Người viết tỏ thái độ gì trước vấn đề VB đặt ra?  ? Người viết đã đưa ra những lí lẽ gì? Những bằng chứng nào được sử dụng?  2. Vậy, theo em viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) cần có những yêu cầu gì?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức thảo luận theo câu hỏi.  - GV quan sát, khuyến khích  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày  - Học sinh khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần ngữ liệu trong SGK  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  ? Hiện tượng (vấn đề) mà bài văn nêu lên là gì? Nhờ đâu em nhận ra điều đó?  ? Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?  ? Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?  ? Em hãy xác định bố cục của văn bản “Câu chuyện đồng phục” và cho biết Nhiệm vụ của mỗi phần?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3**  - GV yêu cầu học sinh tự đọc và trả lời:  1. Nêu các bước khi viết bài văntrình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm?  2. Trình bày các việc cụ thể cần làm trong mỗi bước:  a. Lựa chọn đề tài:  ? Nên chọn những đề tài như thế nào? Hiện tượng (vấn đề) có gần gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em hay không? Em có hiểu biết về hiện tượng (vấn đề) đó không?  ? Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) ấy?  b. Tìm ý  Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này?   * Những khía cạnh cần bàn bạc? * Bài học rút ra từ vấn đề?   c. Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý:  - Mở bài em sẽ làm gì?  - Thân bài: Em sẽ chọn lí lẽ cơ bản nào? Dẫn chứng nào sẽ phù hợp và tiêu biểu cho lí lẽ ấy? Sắp xếp các ý ra sao cho tăng độ thuyết phục?  - Kết bài có nhiệm vụ như thế nào?  ? Khi viết bài, cần chú ý điều gì?  **B2: HS trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ: HS viết ra giấy phần tìm ý, lập dàn ý đề tài đã chọn. Trao đổi với bạn  - GV quan sát  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi và trình bày ý tưởng. - HS khác và GV nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV chốt lại kiến thức cơ bản | **I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm**  **1. Dẫn chứng về VB nghị luận:**  **a.** VB *Xem người ta kìa*!:  + Bàn về vấn đề: : Ý nghĩa về những cái chung của mọi người và cái riêng biệt của mỗi ngừời.  + Thái độ của người viết: trân trọng, khẳng định sự đáng quý trong nét riêng của mỗi người.  **b.** VB *Hai loại khác biệt:*  + Bàn về vấn đề: Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi người.  + Thái độ của người viết: phủ nhận sự khác biệt vô nghĩa, trân trọng, khẳng định giá trị của khác biệt có nghĩa.  **2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):**  - Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thể hiện được ý kiến của người viết.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.  **3. Phân tích bài tham khảo**   * - Bài văn nêu vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường. * - Người viết đồng tình với quy định mặc đồng phục học sinh. * - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường; đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người*.*   - Bố cục 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  + Thân bài: Đưa ra các ý kiến bàn luận (Lí lẽ + dẫn chứng)  + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  **II. Các bước viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm**  **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài: Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì?  b. Tìm ý  - Hiểu biết cơ bản về hiện tượng (vấn đề) cần bàn.  - Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó (đúng/sai; lợi/hại; cần thiết/không cần thiết; tích cực/tiêu cực)  - Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn:  + Lí lẽ để bàn luận vấn đề:  + Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng  - Mở rộng vấn đề/Tìm ra nguyên nhân  - Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)  - Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi  c. Lập dàn ý  - Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thân bài: Ðưa ra ý kiến bàn luận.  + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng) …  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  **2. Viết bài: Chú ý:**  - Mở bài: Chọn một trong hai cách:  + Trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng  + Gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).   * Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể. * Thể hiện rõ quan điểm của người viết.   Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**(Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những vấn đề trong cuộc sống mà học sinh quan tâm để chuẩn bị cho tiết thực hành viết ở giờ học sau)**

**Tiết 112**

**Hoạt động 2.2. THỰC HÀNH VIẾT TRÌNH BÀY Ý KIẾN**

**VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM**

**a. Mục tiêu:** [5], [8], [9], [10]. [11].

**b. Nội dung:** HS viết bài văn về hiện tượng vấn đề mình quan tâm, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục người đọc, bài viết được viết theo các bước của bài văn nghị luận.

**c. Sản phẩm:** Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng, vấn đề của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng, vấn đề mà em quan tâm.  - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  1. Em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn thể hiện ý kiến?  2. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về vấn đề *Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng*Theo **Phiếu tìm ý** sau:  Gợi ý: HS trả lời phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | - Vẫn đề bàn luận ở đây là gì? Ý kiến của bản thân em về vấn đề này như thế nào? | ............ | | - Tôn trọng người khác là gì?  - Được người khác tôn trọng là gì? | ............ | | - Vì sao phải tôn trọng người khác? | ............ | | - Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào? | ............ | | - Ngược lại với những người biết tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào? | ……….  ………. | | - Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? ( Bản thân em cần phải làm gì?) | ............ |   3. Lập dàn ý và viết thành bài văn hoàn chỉnh với vấn đề trên?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận phần tìm ý, lập dàn ý.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày phiếu tìm ý.  - GV gọi HS nhận xét, chỉnh sửa bổ sung Phiếu tìm ý (Sản phẩm bài viết sẽ được trình bày trong tiết trả bài)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung theo *Dự kiến sản phẩm của Phiếu tìm ý*.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành việc viết bài văn ở nhà, tự chỉnh sửa bài viết theo *Phiếu chỉnh sửa bài viết.* | **1. Trước khi viết**  \* Lựa chọn đề tài: Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì  \* Tìm ý  - Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng (vấn đề) đó (đúng/sai; lợi/hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/tiêu cực)  - Lí giải nguyên nhân tại sao … (Dùng lí lẽ để bàn luận vấn đề)  - Bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề  - Mở rộng vấn đề  - Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)  - Bài học (thông điệp) muốn nhắn gửi  \* Lập dàn ý  - Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thân bài: Ðưa ra ý kiến bàn luận.  + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)  +…  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  **2. Viết bài**:Chú ý:  - Mở bài: Chọn một trong hai cách:  + Trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng  + Gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).  - Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể.  - Thể hiện rõ quan điểm của người viết.  - Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**:

**1. Dự kiến sản phẩm Phiếu tìm ý**

|  |  |
| --- | --- |
| - Vấn đề bàn luận | -  Tôn trọng người khác |
| - Tôn trọng người khác là gì? | -  Tôn trọng người khác là: sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người. |
| - Vì sao phải tôn trọng người khác? | - Nếu biết tôn trọng người khác thì bản thân cũng nhận lại được sự tôn trọng của họ và luôn được mọi người tin tưởng và yêu quý.  - Tôn trọng người khác thể hiện chúng ta là người có văn hóa, có lòng tự trọng và giàu lòng trắc ẩn.  - Sống trong một tập thể, nếu biết tôn trọng những người xung quanh sẽ làm cho mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và cuộc sống. |
| - Tôn trọng người khác được biểu hiện như thế nào? | - Trong thái độ, lời nói  + Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh: không phân biệt độ tuổi, trình độ hay giàu nghèo. Mỗi người trong xã hội đều đáng được tôn trọng.  + Lời nói luôn giữ đúng chuẩn mực: lễ phép chào hỏi những người lớn tuổi, nói chuyện nhẹ nhàng lịch sử nơi công cộng…  - Trong cử chỉ, hành động:  + Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung: nhường ghế trên xe buýt cho người già, trẻ em và phụ nữ có thai, vứt rác đúng nơi quy định…  + Chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung… |
| - Ngược lại với tôn trọng người khác là những người có thái độ như thế nào? | - Không biết tôn trọng: Bạn bè coi thường nhau; Con cái vô lễ với cha mẹ … |
| - Bài học rút ra từ vấn đề bàn luận trên là gì? (Bản thân em phải làm gì?) | - Với gia đình: chào hỏi bố mẹ trước và sau khi đi học, nói chuyện với người lớn trong gia đình thưa hỏi lễ phép không được cãi lại, với các em nhỏ thì đối xử nhẹ nhàng không nên đánh mắng…  - Với nhà trường: lễ phép với thầy cô, giúp đỡ bạn bè trong học tập, không coi thường hoàn cảnh gia đình bạn… |

**2. Phiếu chỉnh sửa bài viết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | **Nội dung nhận xét/chỉnh sửa** |
| Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận | Ðọc lại phần MB, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ. |  |
| Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,…) của người viết về hiện tượng (vấn đề) | Bổ sung những câu tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu. |  |
| Ðưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. | Kiểm tra các lí lẽ bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa, thay thế, bổ sung. |  |
| Ðảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Phát hiện lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp |  |

**GV hướng dẫn HS hoàn thành viết bài ở nhà** **và trả bài viết vào giờ học sau.**

**Tiết 113**

**Hoạt động 2.3. TRẢ BÀI VIẾT TRÌNH BÀY Ý KIẾN**

**VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM**

**a. Mục tiêu:** [5], [8], [9], [10]. [11].

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà học sinh quan tâm

**c. Sản phẩm**: Kết quả hoạt động nhóm đánh giá theo tiêu chí; Bài viết của học sinh sau khi được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm 4 thành viên để trả lời câu hỏi:  + Yêu cầu của bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm (về nội dung và hình thức)?  + Lí lẽ và bằng chứng có thể sử dụng để thuyết phục mọi người biết tôn trọng người khác?  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân về nội dung câu hỏi  - Thảo luận nhóm thống nhất ý kiến  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4. GV đánh giá, kết luận**  **\* Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, đọc bài văn của bạn và đánh giá dựa vào bảng tiêu chí. | **I. Nội dung yêu cầu**  \* Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.  (Vấn đề tôn trọng người khác)  **1. Nội dung**  - Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Thể hiện được ý kiến của người viết.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.  **2. Hình thức**  - Đảm bảo bố cục của bài văn  - Bảo đảm yêu cầu về chính tả, diễn đạt. |

**Tiêu chí đánh giá**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận |  |  |
| Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,…) của người viết về hiện tượng (vấn đề) |  |  |
| Ðưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. |  |  |
| Ðảm bảo bố cục, biết chia các đoạn văn trong phần thân bài. |  |  |
| Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **B2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc lại bài viết, đối chiếu với các yêu cầu cần đạt;  - Phát hiện những thiếu sót trong bài viết của bạn để góp ý cho bạn chỉnh sửa bài văn;  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS nêu những mặt được, mặt hạn chế trong bài viết của bạn.  - Học sinh được nhận xét đề ra cách khắc phục hạn chế. Chỉnh sửa lại những chỗ mắc lỗi trong bài văn, bổ sung những chi tiết còn thiếu (nếu có) và viết lại cho hoàn chỉnh.  **B4. GV đánh giá, kết luận:**  - Nhận xét dựa trên kết quả hoạt động của học sinh.  - Gọi HS đọc bài văn sau khi đã chỉnh sửa. |  |

**(GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động Nói và nghe ở tiết học sau)**

**Tiết 114**

**Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ (HIỆN TƯỢNG) ĐỜI SỐNG**

**Hoạt động 3.1: Kết nối - Giới thiệu bài**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS kể ra những vấn đề mà em thấy trong cuộc sống hàng ngày*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong sinh hoạt, học tập hằng ngày, có nhiều hiện tượng (vấn đề) nảy sinh, chẳng hạn: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để đọc, hiện tượng ăn quà, vấn đề bảo vệ môi trường,... Những hiện tượng (vấn đề) đó tác động đến đời sống của em, đòi hỏi em phải tìm hiểu và phát biểu ý kiến. Tuy nhiên, trước một hiện tượng (vấn đề), các ý kiến được nêu ra có thể rất khác nhau. Vì thế, trao đổi, thảo luận là điều cần thiết. Khi trao đổi, thảo luận, mỗi người cần biết cách trình bày ý kiến của mình và phản hồi về ý kiến cùa người khác.

**Hoạt động 3.2: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, vận dụng kiến thức đã có và thực tế cuộc sống để chuẩn bị cho việc trình bày ý kiến về một hiện tượng, vấn đề đời sống.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. Lựa chọn hiện tượng, vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hang ngày đòi hỏi phải tìm hiểu và phát biểu ý kiến: Ví dụ như: về quan hệ bạn bè, về vấn đề môi trường, về vấn đề trong đời sống gia đình …  2. Xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  3. Chuẩn bị trình bày ý kiến cùng những lí lẽ bà bằng chứng thuyết phục.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lựa chọn đề tài, chuẩn bị nội dung nói.  - Các nhóm luyện nói. | **1. Trước khi nói**  a. Chuẩn bị nội dung  - Tóm lược nội dung bài viết thành đề cương  - Chú ý trình bày các nội dung bằng ngôn ngữ nói phù hợp.  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, các bằng chứng,...  b. Tập luyện |

**Hoạt động 3.3: Nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** [6], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS trình bày ý kiến về hiện tượng, vấn đề trong đời sống bằng hình thức nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của học sinh của HS và kết quả đánh giá theo tiêu chí

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp,  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày ý kiến theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng, nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân. Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói phù hợp. Ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp, thể hiện sự tương tác với người nghe.  - Các HS còn lại lắng nghe: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Người nói và người nghe tương tác: trao đổi, có thể đưa ra các ý kiến khác nhau trong một hiện tượng, một vấn đề và dùng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để tranh biện, bảo vệ ý kiến của mình.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung, đánh giá bài nói theo tiêu chí.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá nội dung vấn đề mà học sinh đưa ra và ý thức tham gia hoạt động. | **2. Nói và nghe**  \* Người nói  - Phải bám sát đề cương.  - Cách thức nói:  + Ngôn ngữ nói phải mạch lạc, các ý rõ ràng, chặt chẽ.  + Phải phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để bài nói có sức thuyết phục.  \* Người nghe: tương tác, trao đổi, tranh luận, nhận xét, đánh giá. |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| **1. Vấn đề đưa ra hay, mang tính thời sự** | Không đưa ra được  vấn đề mang tính thời sự | Vấn đề mang tính thời sự | Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay |
| **2. Nội dung** | ND sơ sài, không nêu được ý kiến, thiếu lí lẽ và bằng chứng thuyết phục | Trình bày được ý kiến cá nhân, đưa ra lí lẽ, bằng chứng nhưng chưa toàn diện | Ý kiến qua điểm rõ ràng, sử dụng lí lẽ sắc bén và bằng chứng chân thực từ đời sống, có sức thuyết phục cao. |
| **3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm** | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| **4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp** | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| **5. Mở đầu và kết thúc hợp lí** | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.(1 điểm) | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ***:*

GV yêu cầu HS làm bài tập trong SGK trang 72

**Bài tập 1.**Qua việc học các văn bản trong bài, hãy trả lời các câu hỏi sau: (Hình thức cá nhân)

a) Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết?

b) Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ?

**Bài tập 2.** Đọc 2 đoạn văn trong SGK trang 71, 72. Đây là hai đoạn văn có mục đích giao tiếp khác nhau. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin thể hiện sự khác nhau giữa hai đoạn văn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Những vấn đề cần xác định | Đoạn (a) | Đoạn (b) |
| Nội dung của đoạn văn |  |  |
| Mục đích của đoạn văn |  |  |
| Kiểu văn bản có chứa đoạn văn |  |  |

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:

* HS trả lời câu hỏi bài tập 1 và hoàn thiện Phiếu học tập bài tập 2

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động

- Dự kiến sản phẩm

**Bài tập 1.** a. Việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết vì:

- Cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết bởi vì chính cái riêng, sự độc đáo trong mỗi một con người sẽ làm cho một tập thể, cộng đồng trở nên phong phú, đóng góp được cho tập thể cái là của chính mình.

b. Trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ vì:

- Trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ vì chính những sự thấu hiểu, chia sẻ đó làm cho người trở nên gần gũi với nhau hơn, sát lại gần nhau hơn, và càng làm cho mỗi con người tự hoàn thiện mình hơn.

**Bài tập 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Những vấn đề cần xác định | Đoạn (a) | Đoạn (b) |
| Nội dung của đoạn văn | Bố Ni-cô-la cho rằng không cần sự giúp đỡ gì từ người hàng xóm, nên đã ngắt lời câu trả lời của cậu bé. | Quan điểm của tác giả về sự phân chia hai loại khác biệt trên cơ sở chứng kiến những gì đã diễn ra. |
| Mục đích của đoạn văn | Kể chuyện | Thuyết phục |
| Kiểu văn bản có chứa đoạn văn | Văn bản truyện (tự sự) | Văn bản nghị luận |

- HS nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để làm bài tập đọc hiểu

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi:

*“Cuộc sống vốn là thế giới đa dạng, phong phú, đầy màu sắc và mỗi người là một cá thể độc lập với những quan điểm sống khác nhau. Vậy khó có thể bắt người khác giống mình về sở thích, thói quen, tính cách… Điều quan trọng là mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác.*

*Muốn có được suy nghĩ và hành xử đúng đắn, chúng ta cần biết chấp nhận sự khác biệt, hướng đến một cách sống bao dung, rộng lượng. Điều đó giúp bạn có được cuộc sống chan hòa với mọi người và có thêm nhiều cơ hội tốt trong cuộc sống. Chấp nhận cuộc sống như nó vốn có, điều đó có nghĩa là bạn đang tiến dần đến sự chín chắn, trưởng thành. Nếu bạn biết tôn trọng sự khác biệt của người khác, tôn trọng quyền tự do cá nhân của mỗi người, bạn sẽ nhận được sự tôn trọng của mọi người, cuộc sống rồi sẽ mỉm cười với bạn. Tôn trọng sự khác biệt không phải là bạn đã tự đánh mất mình, mà đó là văn hóa ứng xử cần phải có của mỗi người. Tôn trọng sự khác biệt, bạn sẽ hạn chế làm người khác tổn thương chỉ vì những định kiến và nông nổi của mình...*

*Nếu chúng ta biết đón nhận sự khác biệt trong cuộc sống, mối quan hệ của chúng ta ngày càng được mở rộng và gần gũi nhau hơn. Mỗi người với một quan điểm sống, một trạng thái cảm xúc riêng sẽ điểm xuyết thêm nhiều sắc màu cho cuộc sống "*

*(Minh Uyên, báo Ninh Thuận, Thứ sáu, 09/10/2020)*

**Câu 1**: Phần trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

**Câu 2**: Theo tác giả, biết chấp nhận sự khác biệt có ý nghĩa thế nào với chúng ta?

**Câu 3**: Em có đồng ý với quan điểm: “Tôn trọng sự khác biệt không phải là bạn đã tự đánh mất mình, mà đó là văn hóa ứng xử cần phải có của mỗi người” không? Vì sao?

**Câu 4**: Bài học em rút ra từ phần trích trên?

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:

- HS đọc phần trích và trả lời câu hỏi

- GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung

Dự kiến sản phẩm:

**Câu 1**: Kiểu văn bản: Nghị luận

**Câu 2**: Theo tác giả, biết chấp nhận sự khác biệt có ý nghĩa:

+ Giúp bạn có được cuộc sống chan hòa với mọi người và có thêm nhiều cơ hội tốt trong cuộc sống

+ Bạn đang tiến dần đến sự chín chắn, trưởng thành.

+ Cuộc sống rồi sẽ mỉm cười với bạn

+ Sẽ hạn chế làm người khác tổn thương chỉ vì những định kiến và nông nổi của mình

**Câu 3:** Em đồng ý với quan điểm: “Tôn trọng sự khác biệt không phải là bạn đã tự đánh mất mình, mà đó là văn hóa ứng xử cần phải có của mỗi người”

Vì: (HS đưa ra lí giải phù hợp là được) Ví dụ như:

* Vì mỗi người có sở thích, thói quen, tính cách, suy nghĩ,...khác nhau nên sự khác biết là điều tất yếu. Chính sự khác biệt làm cho cuộc sống đa dạng, phong phú hơn.
* Tôn trọng sự khác biệt thể hiện lối sống nhân ái, yêu thương; từ đó được mọi người tôn trọng.
* Tạo ra sự hài hòa, gắn kết mọi người.
* Tạo động lực cho mọi người cùng cố gắng hoàn thiện mình, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

**Câu 4**: HS rút ra bài học cho riêng mình (cần tôn trọng sự khác biệt, đó là văn hóa ứng xử cần phải có của mỗi người)

**B4. Đánh giá kết quả hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**GV hướng dẫn HS tự học:**

Học bài, tiếp tục sưu tầm tìm hiểu về các VB nghị luận có nội dung gần gũi với nội dung của các VB trong chủ đề Gần gũi và sự khác biệt, làm bài tập 3, 4 (SGK/Tr72) Chuẩn bị bài 9: *Trái Đất- ngôi nhà chung*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  | *Hương Sơn, ngày 12 tháng 3 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 9**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A2 (**45 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A6** (46 hs) |
| **29** | 115 | 28/3/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 116 | 28/3/2004 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **30** | 117 | 28/3/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 118 | 30/3/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 119 | 01/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 120 | 01/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |  |  |
| **31** | 121 | 02/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 122 | 03/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 123 | 04/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 124 | 05/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **32** | 125 | 06/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 126 | 07/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 127 | 08/4/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

# **Bài 9. TRÁI ĐẤT - NGÔI NHÀ CHUNG**

**Số tiết: 13 (Từ tiết 115 đến tiết 127)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Nhận biết đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn. [1]

- Nhận biết các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. Nhận biết các chi tiết trong văn bản thông tin, chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, hiểu tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu, văn bản đa phương thức. [2]

- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân nói về sự sống trên Trái Đất, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung. [3]

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. [4]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; [5]

- Tóm tắt được bằng sơ đổ nội dung chính của một số VB đơn giản đã đọc. [6]

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. [7]

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [8].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [9].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [10].

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh có những phẩm chất tốt đẹp: có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất. [11]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [12].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu, biết giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, ti vi

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập cho học sinh;

+ Các phiếu học tập sử dụng trong các hoạt động đọc văn bản và thực hành tiếng Việt, Phiếu tìm ý trong hoạt động viết, Phiếu đánh giá trong hoạt động nói và nghe.

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV;

+ Một số đoạn văn, bài văn thuộc văn bản thông tin, biên bản làm ngữ liệu minh họa.

+ Tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... nói về Trái Đất, về đời sống muôn loài.

**2. Chuẩn bị của HS:**

-SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

- HS tìm trước các tư liệu phù hợp với nội dung các văn bản thông tin trong giờ học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 115, 116, 117: Văn bản 1. TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ hiểu biết của bản thân có liên quan đến chủ đề bài học.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

**1.** Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin hay loại tài liệu nào khác?

**2.** Người ta thường nói: “Sự sống muôn màu”. Em hiểu điều này như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ,

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

* HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết, cảm xúc của bản thân.

- Dự kiến sản phẩm;

**1.** Những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất: Bài hát Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bài thơ Trái đất còn quay (Huy Cận). Những bài thơ, bài hát này đã gợi lên hình ảnh Trái Đất là một hành tinh xanh rộng lớn, quay mãi.

- Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin nghiên cứu khoa học về Trái Đất, lịch sử hình thành Trái Đất,...

**2.** Sự sống muôn màu: sự sống trên Trái Đất đa dạng, phong phú với nhiều loài thực vật, động vật và cả con người. Ví dụ: Thế giới hữu sinh thật muôn màu muôn vẻ. Có loài chỉ có thể quan sát được bằng kính hiển vi, có loài mang kích thước khổng lồ. Có vô số loài thực vật, động vật sinh sôi, tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học riêng.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt động 1.1.** GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [8], [9], [11], [12].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Em hày đọc tên bài học, lời đề từ và phần giới thiệu bài học, nêu chủ đề và thể loại chính sẽ được học trong bài?  2. GV yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9.  GV: Tổ chức HS theo nhóm  Nhóm 1: Phân biệt văn bản và đoạn văn trong văn bản? | GIỚI THIỆU BÀI HỌC  - Chủ đề của bài học: Sự sống trên Trái Đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất.  - Thể loại trọng tâm của bài học: văn bản thông tin  TRI THỨC NGỮ VĂN: |
| Nhóm 2: Hãy chỉ ra các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin?  Nhóm 3: Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Văn bản**  Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn trong văn bản**  Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đổi về ý nghĩa và hình thức.  **3. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**  - Các yếu tố như: nhan đề, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh,...  - Cách triển khai: theo trật tự thời gian hoặc theo quan hệ nhân quả  **4. Văn bản đa phương thức**:  Là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh... |
| Một số hình ảnh minh họa về văn bản đa phương thức | |

**Hoạt động 1.2. VĂN BẢN 1: TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[2], [3]

- Năng lực ngôn ngữ: Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về vấn đề được nêu trong văn bản, viết được đoạn văn kết nối với nội dung đọc.

**\* Năng lực chung:** [8], [9], [10].

**\* Phẩm chất:** [11], [12].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản “Trái đất - cái nôi của sự sống”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.2.1. Giới thiệu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận văn bản

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ, ý kiến cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV cho HS quan sát tranh về trái đất và trả lời câu hỏi:



Từ các hình ảnh trên em hãy nêu những suy nghĩ của bản thân về ngôi nhà chung của chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS quan sát để đưa ra nhận thức và suy nghĩ của bản thân về vấn đề.

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày.

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả

**B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập**

- GV chốt nội dung và giới thiệu bài về trái đất – ngôi nhà chung của muôn vật muôn loài nhưng hiện nay đang đứng trước những thách thức vô cùng to lớn.

**Hoạt động 1.2.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn đọc và yêu cầu học sinh:  1. Đọc văn bản và tìm hiểu các chú thích từ ngữ.  2. Xác định kiểu văn bản?  3. Văn bản chia làm mấy phần? Ý chính của từng phần?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe  - Theo dõi văn bản để tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi: xác định kiểu văn bản, bố cục văn bản  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **(Kết thúc tiết 115)** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản thông tin  Phương thức biểu đạt: thuyết minh  - Bố cục: 3 phần  + Mở đầu (Từ đầu đến “365,25 ngày”): Giới thiệu về Trái Đất.  + Thông tin chính (Tiếp đến “sự sống trên Trái Đất”): Trái Đất ngôi nhà chung của muôn vật muôn loài  + Kết thúc (Phần còn lại): Thực trạng của Trái Đất. |

**Tiết 116**

**Hoạt động 1.2.3: Đọc hiêu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [2], [3], [8], [9], [10], [11], [12].

**b. Nội dung**: HS đọc hiểu đặc điểm hình thức và nội dung của văn bản thông qua việc trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu HT, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d. Tổ chức hoạt động học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Tổ chức cho học sinh hoạt động 4 nhóm: Chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố hình thức trong văn bản:  + Nhan đề  + Sa-pô  + Đề mục  + Tranh minh họa  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi thảo luận tìm câu trả lời  - GV theo dõi hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS đại diện từng nhóm trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm theo từng mục:  Nhóm 1: Nêu những thông tin về trái đất trong hệ mặt trời?  Nhóm 2: Tác giả đã nói như thế nào về nước và vai trò của nước trên Trái Đất?  Nhóm 3: Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào?  Nhóm 4: Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên trái đất?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản  - HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Lần lượt các nhóm trình bày theo thứ tự - Các thành viên nghe và xây dựng bằng những nhận xét, đánh giá  - GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các phần trình bày  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV chốt nội dung kiến thức  - GV tuyên dương các nhóm hoạt động tích cực  **(Kết thúc tiết 116)**  **Tiết 117**  **Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Trình bày những hiểu biết của em về tình trạng trái đất hiện nay?  ? Văn bản đã chỉ ra tình trạng trái đất hiện ra sao? Câu hỏi cuối đoạn gợi lên trong em những suy nghĩ gì?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS liên hệ thực tế và tìm chi tiết trong VB.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời  - Nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV chốt nội dung kiến thức  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  1. Khái quát những nét chính về nghệ thuật và nội dung văn bản cùng thông điệp mà văn bản đem lại?  2. Từ việc đọc hiểu văn bản “Trái đất - cái nôi của sự sống”, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc hiểu một văn bản thông tin?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi thảo luận tìm câu trả lời  - GV theo dõi hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức.  - Khắc sâu cách đọc hiểu văn bản thông tin:  + Chú ý các bộ phận của văn bản thông tin: Nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn văn, hình ảnh minh họa…  + Xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa trên nhan đề, sa-pô, đề mục; Đánh giá cách triển khai VB thông tin, tính chính xác của VB thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Các yếu tố hình thức của văn bản**  a. Nhan đề: “Trái Đất- cái nôi của sự sống”: Thông tin về nội dung chính của văn bản: Trái Đất và sự sống trên Trái Đất.  b. Sa-pô: Thâu tóm, giới thiệu nội dung của VB: Giới thiệu, trình bày về sự sống trên Trái Đất và gợi nhắc đến ý thức trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ Trái Đất.  c. Đề mục: Báo hiệu, nhận biết thông tin chủ yếu của từng đoạn văn  d. Bức tranh: Làm nổi bật ý ở mục “Trái Đất- nơi ngụ cư của muôn vật, muôn loài  **2. Trái Đất và sự sống trên Trái Đất**  **a.** **Trái Đất trong hệ Mặt Trời**  - Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời.  - Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-lip (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày).  **b. Nước và sự sống trên Trái Đất**  - Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.  - Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất.  - Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi.  - Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú.  **c. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài**  - Hình dạng, kích thước đa dạng: Có loài bé nhỏ chỉ nhìn được bằng kính hiển vi (vi sinh vật) >< Có loài to lớn không lồ (cây bao bát, cá voi xanh, khủng long  - Chúng sống ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.  - Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn.  **d. Con người trên Trái Đất**  - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, cải tạo tự nhiên.  - Con người cũng gây ảnh hưởng xấu đến sự tồn tại và phát triển của sự sống trên trái đất.  **e. Tình trạng Trái Đất**  - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.  - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muốn loài.  - Câu hỏi: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?  🡪 Trái đất đang đứng trước thách thức lớn.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thông tin chính xác, khoa học về Trái Đất.  - Trình tự trình bày thông tin: vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nảy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau  **2. Nội dung**  - Trái Đất là vốn là cái nôi của sự sống với sự phong phú của vạn vật. Tuy nhiên, con người đã có nhiều hành động làm tổn thương Trái Đất.  - Chung tay bảo vệ Trái Đất là trách nhiệm của mỗi người |

**Hoạt động 1.2.4: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn kết nối với nội dung đọc theo yêu cầu

**b. Nội dung**: HS viết đoạn văn kết nối với đọc

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn học sinh viết

**c. Tổ chức thực hiện:**

**B1.** **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV: yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề: “*Để hành tinh xanh mãi xanh.”*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2.** **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS viết đoạn văn

- GV có thể gợi ý cấu trúc đoạn văn:

+ Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu chủ đề: *Để hành tinh xanh mãi xanh.*

+Thân đoạn*:* Dùng lí lẽ thuyết phục người khác thực hiện *những việc cần làm để Trái Đất luôn tươi đẹp và sự sống không ngừng tiếp diễn.*

VD: Trồng cây xanh, chăm sóc động vật, sống gắn bó với thiên nhiên, tham gia hoạt động thu gom rác, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường…

*-* Kết đoạn*:* Khẳng định mỗi con người “học cách” có mặt trên Trái Đất bằng những chia sẻ, lo lắng, vui buồn cùng Trái Đất để giữ màu xanh cho Trái Đất.

**B3.** **Báo cáo kết quả hoạt động**

- 2 HS trình bày

- HS khác nhận xét, đánh giá

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét đánh giá nội dung đoạn văn và ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Có thể cho HS tham khảo đoạn văn:

Trái Đất của chúng ta đang đứng trước nguy cơ tổn thương nặng nề mà chủ yếu là do hành vi của con người gây ra, vì vậy mỗi chúng ta phải hành động để Trái Đất là hành tinh xanh xanh mãi. Điều này trước hết đòi hỏi con người cần có sự thay đổi trong nhận thức và cần được thể hiện bằng việc làm cụ thể. Mỗi chúng ta hãy nâng cao hiểu biết về sự sống trên Trái Đất, hãy sống thân thiện với thiên nhiên thiên nhiên, vạn vật trên trái đất này. Mỗi chúng ta hãy trồng cây xanh nơi mình ở, chăm sóc động vật, sống gắn bó với thiên nhiên, tham gia hoạt động thu gom rác, hạn chế sử dụng túi ni lông và chai lọ nhựa… Mỗi con người học cách có mặt trên Trái Đất bằng những chia sẻ, lo lắng, vui buồn cùng Trái Đất để giữ màu xanh cho ngôi nhà chung của chúng ta.

**GV hướng dẫn học sinh tự học**:

Tìm hiểu thêm những thông tin về trái đất và sự sống muôn loài;

Chuẩn bị nội dung thực hành tiếng Việt về văn bản và đoạn văn cho giờ học sau)

**Tiết 118**

**Hoạt động 1.3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (VĂN BẢN VÀ ĐOẠN VĂN)**

**Hoạt động 1.3.1. Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** [1], [8], [9], [10], [12].

**b. Nội dung**: HS đọc sách giáo khoa kết hợp với kiến thức đã có trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu HT

**d. Tổ chức hoạt động học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung tri thức ngữ văn và mục nhận biết đặc điểm và loại văn bản để trả lời câu hỏi;  1. Nêu đặc điểm của văn bản?  2. Em đã được học những loại văn bản nào? Kể tên một số văn bản em biết thuộc mỗi loại?  3. Mỗi văn bản em học được tạo thành từ rất nhiều đoạn văn. Quan sát các văn bản, em thấy các đoạn văn có đặc điểm gì?  4. Đoạn văn có những chức năng gì trong văn bản?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, chắt lọc thông tin kết hợp với kiến thức đã có để tìm câu trả lời.  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức về văn bản và đoạn văn trong văn bản | **I. Nhận biết đặc điểm và loại văn bản**  **1. Đặc điểm của văn bản:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức;  - Tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói;  - Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc, chứa thông điệp ý nghĩa.  **2. Loại văn bản**: Có nhiều cách phân loại VB:  - Dựa vào chức năng giao tiếp có: VB nghị luận, VB văn học, VB thông tin.  - Dựa vào tình đa dạng của phương tiện, phương thức truyền tải thông tin có: VB thông thường, VB đa phương thức.  - Dựa vào hình thức xuất hiện có: VB viết, VB nói.  **II. Nhận biết đặc điểm, chức năng đoạn văn trong văn bản**  a. Đặc điểm  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đổi về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ có một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.  - Đoạn văn bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng một dấu chấm câu.  **b. Chức năng đoạn văn trong văn bản**  - Mở đầu văn bản  - Trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính.  - Kết thúc văn bản hoặc mở rộng liên kết vấn đề. |

**Hoạt động 1.3.2. Thực hành luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [1], [8], [9], [10], [12].

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu HT

**d. Tổ chức hoạt động học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS làm bài tập theo cá nhân/nhóm:  + Nhóm 1. Bài tập 1 (câu trả lời)  + Nhóm 2. Bài tập 2 (sơ đồ tư duy)  + Nhóm 3. Bài tập 3 (sơ đồ tư duy)  + Nhóm 4. Bài tập 4 (phiếu học tập)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc yêu cầu bài tập, xem lại văn bản *Trái Đất - cái nôi của sự sống,* suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cầu  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết luận: *Trái Đất - cái nôi của sự sống* thực sự là một văn bản hoàn chỉnh, trọn vẹn. Văn bản gồm: nhan đề, sa-po, đề mục, các đoạn văn, hình ảnh, số liệu... Văn bản nhằm cung cấp thông tin tập trung vào vấn đề chính: Trái Đất - cái nôi của sự sống và chứa đựng thông điệp rõ ràng.  - Chốt lại nội dung yêu cầu | **III. Thực hành luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK trang 81)**  Các bằng chứng khẳng định “*Trái Đất - cái nôi của sự sống”* là một văn bản:  - Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức  - Tồn tại ở dạng viết  - VB dùng để trao đổi thông tin và mang thông điệp ý nghĩa  **Bài tập 2 (SGK trang 81).** Các bộ phận cấu tạo của văn bản “Trái đất - cái nôi của sự sống”  + Nhan đề  + Sa-pô  + Đề mục  + Các đoạn văn  + Tranh minh họa  **Bài tập 3 (SGK trang 81).**  \* Những thông tin từ văn bản *Trái Đất - cái nôi của sự sống*  - Trái Đất là hành tinh duy nhất trong hệ mặt trời có sự sống  - Nhờ có nguồn nước trên Trái Đất, sự sống trên Trái Đất mới bắt đầu.  - Sinh vật, con người chung sống phát triển trên Trái Đất  - Trái Đất hiện đang đối mặt với những vấn đề và thách thức khác nhau bắt nguồn từ con người.  \* Thông điệp từ văn bản *Trái Đất - cái nôi của sự sống*: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cần thiết và cấp bách.  **Bài tập 4 (SGK trang 82).** |

**Ví dụ về sản phẩm bài tập 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự đoạn văn trong VB** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** |
| VD: Đoạn 4 (Con người trên Trái đất) | - Điểm mở đầu: Đỉnh cao kì diệu của sự sống …;  - Điểm kết thúc: Nhưng đáng buồn … của mọi sự sống trên Trái Đất | Tác động tích cực và cả tiêu cực của con người vừa cải tạo, vừa gây tổn thương Trái Đất. | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái Đất là cái nôi của sự sống, và cần được bảo vệ. |

**Hướng dẫn HS tự học:**

1. Làm bài tập vận dụng: Giả định VB *Trái Đất - cái nôi của sự sống* vừa học cẩn được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó sẽ được đặt trong VB.

2. Đọc văn bản 2: Các loài chung sống với nhau như thế nào. Trả lời các câu hỏi sau khi đọc để chuẩn bị cho giờ học sau.

**Tiết 119, 120**

**Hoạt động 1.4.** **VĂN BẢN 2 : CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU**

**NHƯ THẾ NÀO** (**Ngọc Phú)**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Năng lực văn học:[2], [3]

- Năng lực ngôn ngữ: Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về vấn đề được nêu trong văn bản, viết được đoạn văn kết nối với nội dung đọc.

**\* Năng lực chung:** [ [8], [9], [10],

**\* Phẩm chất:** [11], [12].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập đọc hiểu văn bản “Các loài sống chung với nhau như thế nào”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.4.1. Giới thiệu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận văn bản

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ, ý kiến cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi:

? Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất?

? Bộ phim nào về các loài sinh vật đã để lại cho em ấn tượng sâu đậm nhất? Vì sao?

? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS dựa vào vốn sống, vốn hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày.

- GV tổ chức cho học sinh nhận xét, đánh giá kết quả

**B4: Đánh giá kết quả và nhiệm vụ học tập**

- GV chốt nội dung và giới thiệu một số chương trình trên các phương tiện truyền thông cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất:

+ Chương trình Thế giới động vật (kênh VTV2)

+ Animal Plnet (kênh 45): đây là kênh duy nhất dành toàn bộ thời gian để nói về những loài động vật. Thông qua những thước phim tài liệu về thiên nhiên và cuộc sống hoang dã thế giới động vật muôn màu hiện lên đầy chân thực và sống động.

- Giới thiệu bài học về sự chung sống của các loài.

**Hoạt động 1.4.2: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tiếp cận văn bản, nắm được thông tin chính về văn bản.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, sử dụng SGK chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc văn bản, Đọc to, rõ ràng, chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc... chú ý đọc đúng tên riêng tiếng nước ngoài, từ mượn. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB.  + Gv hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi (các hộp chỉ dẫn)  + Gv tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật/ HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ. Mỗi ô chữ là một chú thích ( *quần xã, biome, ký sinh, yếu tố vô sinh của môi trường*). Chọn đúng từ khóa nào HS sẽ giải thích từ khóa đó  - HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ/  2. Xác định kiểu văn bản?  3. Văn bản chia làm mấy phần? Ý chính của từng phần?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe  - Theo dõi văn bản để tìm câu trả lời  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi: xác định kiểu văn bản, bố cục văn bản  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản thông tin  - Bố cục:  + Phần 1: Phần mở đầu (Từ đầu đến *“rất dễ bị tổn thương của nó*”)  + Phần 2: Thông tin chính (tiếp theo đến “*thế giới đẹp đẽ này.”)*  - Sự đa dạng của các loài  - Tính trật tự trong đời sống của muôn loài  - Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất  + Phần 3: Kết thúc (phần còn lại) |

**Hoạt động 1.4.3: Đọc hiêu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [2], [3], [8], [9], [10], [11], [12].

**b. Nội dung**: HS đọc hiểu đặc điểm hình thức và nội dung của văn bản thông qua việc trả lời các câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu HT, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d. Tổ chức hoạt động học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại phần mở đầu của VB và thảo luận trả lời câu hỏi: Cách mở đầu văn bản có gì đáng chú ý? Việc mở đầu như vậy có tác dụng gì?  - HS tiệp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đoạn mở đầu  - Đưa ra ý kiến cá nhân rồi thảo luận thống nhất câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi  1. Những con số, dữ liệu nào trong đoạn 2 thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất?  2. Em có nhận xét gì về vai trò của số liệu, hình ảnh trong văn bản thông tin?  3. Đoạn (3) đã nói gì về sự đa dạng của quần xã sinh vật?  4. Em hãy quan sát bức tranh minh họa về quần xã sinh vật trong SGK trang 84. Từ đó, hãy kể tên một khu sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó, em đã thấy những loài sinh vật nào và chúng chung sống với nhau ra sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi đoạn 2, 3 của VB, chắt lọc thông tin và trả lời câu hỏi 1, 2, 3. Vận dụng vốn sống, vốn hiểu biết để trả lời câu hỏi 4.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, kết luận  - Nhấn mạnh vai trò của số liệu trong VB thông tin: Trong văn bản thông tin các số liệu là cơ sở quan trọng để người viết trình bày rõ vấn đề. Việc dùng số liệu, hình ảnh làm thông tin được rõ ràng, chính xác, sinh động, hấp dẫn hơn.  - GV giới thiệu [Vườn quốc gia Cúc Phương](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%BB%91c_gia_C%C3%BAc_Ph%C6%B0%C6%A1ng)  là một quần xã rừng nhiệt đới, có nhiều sinh vật cùng sinh sống (Có trong Hồ sơ dạy học)  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Em hiểu thế nào về tính “trật tự”?  (là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định)  ? Tính “trật tự” trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào?  ? Tính trật tự trong đời sống muôn loài có ý nghĩa gì?  ? Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong từng quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi văn bản, chắt lọc thông tin và trả lời từng câu hỏi.  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhẫn xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  - Nhấn mạnh về tính trật tự:  + Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong đời sống của các loài sinh vật trong một quần xã sẽ bị phá vỡ.  + Nếu quan hệ hỗ trợ luôn tồn tại bên cạnh quan hệ đối kháng thì mọi thứ đạt đến sự cân bằng, vạn vật đều có cơ hội sống  + Hậu quả khi tính trật tự bị phá vỡ: Làm giảm hoặc thậm chí tuyệt chủng các thành phần trong hệ, làm mất đi sự đa dạng sinh học. Con người sẽ phải đối mặt với nhiều hiểm họa hơn trong cuộc sống như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh…  **Kết thúc tiết 119, chuyển tiết 120**  **Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Con người có tác động như thế nào đến đời sống muôn loài? Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống muôn loài không?  ? Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Nhấn mạnh những việc con người có thể làm để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật: Trồng cây gây rừng, bảo vệ các loài động vật quý hiếm và hoang dã, các loại sinh vật biển, cải thiện hồ chứa nước,...  **Nhiệm vụ 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Đọc đoạn cuối, em có nhận xét gì về cách kết thúc văn bản? Tác dụng của cách kết thúc này?  ? Nếu bỏ đi đoạn mở đầu và đoạn kết thúc, chất lượng của văn bản thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và tìm câu trả lời  - GV gợi ý nếu cần (đặt trong mối quan hệ với phần mở đầu văn bản)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 6**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm:  1. Những nét đặc sắc trong cách cung cấp thông tin trong văn bản.  2. Thông tin chính mà văn bản cung cấp cho người đọc?  3. Qua văn bản, người viết muốn gửi gắm thông điệp gì?  4. Là một học sinh, em có thể làm những việc gì để góp phần bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS khái quát lại kiến thức trong bài  - GV gợi ý về nghệ thuật nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Phần mở đầu**  - Cách mở đầu VB: kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng *Vua sư tử*.  - Tác dụng  + Giới thiệu vấn đề đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó  + Tạo hấp dẫn, tránh sự khô khan thường có của VB thông tin, gợi nhiều suy nghĩ liên tưởng.  **2. Thông tin về loài vật sống chung với nhau trên Trái Đất**  **a. Sự đa dạng của các loài**  **-** Những con số, dữ liệu về các loài trên Trái đất:  + Thực tế có trên 10.000.000 loài sinh vật.  + Con người mới nhận biết khoảng trên 1.400.000 loài (trên 300.000 loài thực vật và hơn 1.000.000 loài động vật)  ->  Các số liệu cho thấy sự đa dạng, phong phú của các loài trên Trái Đất màcon người chưa khám phá hết  **-** Sự đa dạng của quần xã sinh vật.  + Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã, trong những biome khác nhau.  + Những nhân tố ảnh hưởng đến sự đa dạng ở từng quần xã: sự cạnh tranh giữa các loài, mức độ thay đổi các yếu tố vật lý, hóa học của môi trường...  **b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài.**  + Dựa vào tính chất của loài trong quần xã: loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt, loài đặc trưng  + Dựa vào sự phân bố các loài theo không gian sống chung (theo chiều thẳng đứng hoặc theo chiều ngang)  + Dựa vào mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng (chia sẻ cơ hội sống hoặc cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau).  -> Tính trật tự trong đời sống muôn loài giúp cân bằng sinh thái, đảm bảo cho loài nào cũng có một “chỗ đứng dưới mặt trời”.  **c. Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất**  - Con người cũng là một loài sinh vật, có khả năng sáng tạo;  - Con người tự kiêu, coi mình là chúa tể thế giới tùy ý xếp đặt trật tự của tạo hóa có tác động xấu đến muôn loài khiến đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ.  - Hiện nay, con người bắt đầu tỉnh ngộ, biết tìm cách chung sống hài hoà với muôn loài.  **3. Phần kết thúc**  - Tác giả trích dẫn lại lời vua sư tử với Xim-ba trong phim *Vua sư tử*  - Tác dụng:  + Tạo ra sự kết nối với phần mở đầu của văn bản  + Gợi suy ngẫm: Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên trái đất.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động.  - Thông tin chính xác, khoa học về các loài vật trên Trái Đất thông qua các số liệu.  - Trình tự trình bày thông tin  theo trình tự nhân quả.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.  **2. Nội dung**  - Văn bản đề cập đến sự đa dạng của các loài vật trên Trái Đất và trật tự trong đời sống muôn loài.  - VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên Trái Đất. |

**Hoạt động 1.4.4: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu:** Liên hệ được kiến thưc bài học vào thực tế cuộc sống. HS viết được đoạn văn đảm bảo các yêu cầu của đề bài.

**b. Nội dung:** Hs viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) về chủ đề: Trên hành tinh đẹp đẽ này muôn loài luôn cần thiết cho nhau.

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn

- GV gợi ý về nội dung và cấu trúc đoạn văn:

\* Mở đoạn: Nêu chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau*

\* Thân đoạn: Hệ thống lí lẽ em dùng để làm rõ ý kiến muôn loài đều cần thiết cho nhau:

+ Các nhà khoa học đều khẳng định tồn tại sự phụ thuộc giữa muôn vật, muôn loài, dù chúng là những quần xã riêng, có đặc điểm riêng.

+ Muôn vật muôn loài đều cùng sinh sống, cùng phát triển, ràng buộc lẫn nhau dù trong quan hệ đối kháng hay hỗ trợ theo một trật tự.

+ Mối quan hệ giữa các loài giúp cân bằng sinh thái …

\* Kết đoạn: Mỗi người cần nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên, biết cách chung sống với muôn vật, muôn loài.

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động**

- HS đọc đoạn văn đã viết

- Gv gọi HS khác nhận xét

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn dựa trên các tiêu chí:

|  |
| --- |
| + Đảm bảo đúng chủ đề *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau.* |
| + Lí lẽ, dẫn chứng có đủ sức thuyết phục về sự cần thiết sống phải hòa hợp với muôn loài. |
| + Có thông điệp về việc bảo vệ các loài vật trên Trái Đất. |
| + Câu văn diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, có cảm xúc. |
| + Có hình thức đoạn văn, độ dài là 5-7 câu. |

- Hướng dẫn HS sưu tầm những văn bản thông tin về sự đa dạng sinh học; có những hành động cụ thể để bảo vệ sự sống muôn loài. Chuẩn bị bài Thực hành tiếng Việt (Tr 86)

**HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**Giới thiệu về vườn quốc gia Cúc Phương**

Vườn Quốc gia Cúc Phương có hệ động thực vật phong phú đa dạng mang đặc trưng rừng mưa nhiệt đới. Nhiều loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cao được phát hiện và bảo tồn tại đây.

Vườn Quốc gia Cúc Phương (hay rừng Cúc Phương) là một khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng nằm trên địa phận ranh giới 3 khu vực Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ thuộc ba tỉnh: Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa. Đây cũng là vườn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam.

Được thành lập ngày 07 tháng 07 năm 1962, vườn quốc gia Cúc Phương thuộc địa phận ba tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Thanh Hoá với tổng diện tích là 22.200 ha. Với nhiều giá trị về cảnh quan thiên nhiên, sự đa dạng về hệ sinh thái, các giá trị văn hoá, lịch sử nên từ lâu Cúc Phương đã trở thành điểm du lịch sinh thái nổi tiếng và hấp dẫn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Với hệ sinh thái vô cùng đa dạng | Nhiều loài động vật quý hiếm | Hệ thống hang động đẹp lạ vô cùng độc đáo |

Với đặc trưng là rừng mưa nhiệt đới, xanh quanh năm, Cúc Phương có quần hệ động thực vật vô cùng phong phú và đa dạng. Theo số liệu điều tra gần đây Cúc Phương có 1983 loài thực vật bậc cao, trong đó có 433 loài cây làm thuốc, 229 loài cây ăn được, nhiều loài được ghi trong sách đỏ của Việt Nam.

Về động vật, Cúc Phương có 110 loài bò sát và lưỡng cư, 65 loài cá, gần 2000 loài côn trùng, 117 loài thú (trong đó có loài voọc đen mong trắng là loài thú linh trưởng rất đẹp và quý hiếm được chọn làm biểu tượng của VQG Cúc Phương). Với hơn 300 loài chim cư trú, đặc biệt có nhiều loài đặc hữu của Việt Nam và Đông Dương, vì vậy Cúc Phương từ lâu đã trở thành điểm lý tưởng đối với các nhà xem chim.Thuộc địa hình Caxtơ nửa che phủ, Cúc Phương có nhiều hang động đẹp với những cái tên gợi cảm như: động Sơn cung, động Phò mã giáng…Đặc biệt có một số hang động còn lưu giữ những dấu tích của người tiền sử, sống cáchngày nay từ 7.500 năm đến 12.000 năm, đó là hang Đắng (động người xưa), hang con Moong. Năm 2000 Cúc Phương đã phát hiện một hoá thạch của một loài động vật có xương sống, theo kết luận ban đầu của Viện cổ sinh học Việt Nam đây là hoá thạch của loài bò sát răng phiến, sống cách ngày nay chừng 200 đến 230 triệu năm

Nếu có dịp, bạn không nên bỏ qua một chuyến du lịch tham quan Vườn quốc gia Cúc Phương để có thể hít thở không khí núi rừng nơi đây, để hòa mình vào thiên nhiên trong lành, tươi đẹp và ngắm nhìn cảnh sắc hùng vĩ tạo hóa đã ban tặng cho mảnh đất này.

**Tiết 121**

**Hoạt động 1.5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (Từ mượn)**

**a. Mục tiêu:** [4], [8], [9], [10], [12]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học, sử dụng SGK chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi và hoàn thành Phiếu bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng và sản phẩm bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 1.5.1: Nhận biết từ mượn và lưu ý về sử dụng từ mượn**

## **a. Mục tiêu:** Nhận biết nguồn gốc, hình thức, cách sử dụng từ mượn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và Phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1: Nhận biết từ mượn và lưu ý về sử dụng từ mượn**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn vể Từ mượn (SGK/Tr77) và mục Nhận biết từ mượn và lưu ý về sử dụng từ mượn (SGK/Tr86). Hoạt động nhóm theo các yêu cầu:  1. Em hiểu từ mượn là gì? Từ tiếng Việt có hiện tượng vay mượn từ những nguồn nào? Cho VD?  2. Tìm hiểu hình thức cấu tạo, cách đọc và hình thức viết từ mượn?  3. Khi sử dụng từ mượn ta cần lưu ý điều gì?  4. Cho các từ: *radio, vô tuyến, ti vi, gia đình, facebook, ma-ket-ting, gia tộc, hải quân, hải đăng, cao tốc.* Hãy điền các từ vào phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Từ mượn tiếng Hán** | **Từ mượn ngôn ngữ châu Âu** | | … | … |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, chắt lọc thông tin, thảo luận tìm câu trả lời.  - GV theo dõi hỗ trượ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Nhấn mạnh về việc sử dụng từ mượn. | **I. Nhận biết từ mượn và lưu ý về sử dụng từ mượn**  **1. Nhận biết từ mượn**  a. Nguồn gốc từ mượn  - Từ mượn tiếng Hán  VD: văn học, sứ giả, hòa bình …  - Từ mượn các ngôn ngữ châu Âu  + Từ mượn tiếng Anh  VD: video, internet …  + Từ mượn tiếng Pháp  VD: áp phích, xà phòng, mùi xoa…  b. Hình thức từ mượn  - Hình thức cấu tạo từ mượn tiếng Hán: từ đơn, từ phức  - Hình thức đọc, viết:  + Từ mượn tiếng Hán và một số từ mượn ngôn nhữ châu Âu được Việt hóa có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần việt.  VD: nhi đồng, phụ huynh, bom, mét, xà phòng  + Một số từ mượn tiếng Anh, tiếng Pháp được viết nguyên dạng như trong ngôn ngữ gốc hoặc tách từng âm tiết, giữa các âm tiết có dấu gạch nối.  VD: smartphone, ra-đi-ô …  **2. Lưu ý về sử dụng từ mượn**  - Mượn từ là một cách để phát triển vốn từ làm giàu tiếng Việt.  - Sử dụng từ mượn trong những hoàn cảnh giao tiếp phù hợp.  - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu và để không mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. |

**Hoạt động 1.5.2: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** [4], [8], [9], [10], [12]

**b. Nội dung:** HS dựa vào những kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng và sản phẩm bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  1. HS đọc Bài tập 1 (SGK/Tr86) và trả lời các câu hỏi a, b, c  2. Qua việc thực hiện yêu cầu bài tập 1, em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ tiếng việt (BT2)?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi thực hiện bài tập  - GV gợi ý hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời theo yêu cầu bài tập  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu Bài tập 3 (SGK/Tr87) và thực hiện nhiệm vụ:  1. Tìm các từ mượn và từ thuần việt tương ứng điền vào phiếu học tập sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Từ mượn | Từ quen thuộc trong TV | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | … |  |  |   2. Diễn đạt lại câu văn theo cách thay thế từ mượn bằng từ thuần Việt quen thuộc và rút ra nhận xét?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm bài tập theo yêu cầu  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời theo yêu cầu bài tập  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 (SGK/Tr86)**  **a.** - Các từ vay mượn tiếng Hán: *kế hoạch, phát triển, công nghiệp, không khí, ô nhiễm.*  Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.  - Các từ vay mượn tiếng Anh: *băng, ô-dôn.*  *+ băng* là từ mượn đã được Việt hóa hoàn toàn  *+ ô-dôn* là từ có gạch nối giữa các âm tiết gây ấn tượng về từ mượn rõ nhất.  **b.** Từ ô-dôn cho cảm giác từ mượn rõ nhất.  Vì từ ngữ này có phần gạch nối rất dễ nhận biết.  **c.** Một số từ có yếu tố *không:*  *- Không trung*: Chỉ khoảng không gian ở trên cao  *- Không gian*: hình thức tồn tại cơ bản của vật chất (cùng với thời gian), trong đó các vật thể có độ dài và độ rộng, chiều cao  *- Không phận*: Khoảng không gian bao trùm thuộc chủ quyền của một quốc gia  *- Không quân*: Từ chỉ một quân chủng (trong quân đội) hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời của một quốc gia …  \* Một số từ có yếu tố *nhiễm*  *- Lây nhiễm*: Chỉ sự lan truyền của bệnh hoặc của một thói xấu nào đó từ người này, sang người khác.  *- Miễn nhiễm*: Chỉ trạng thái hay khả năng tránh được sự lây nhiễm  *- Truyền nhiễm*: Sự lây lan của dịch bệnh hay tính chất có thể lây lan của dịch bệnh  *- Nhiễm khuẩn*: Chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể …  **2. Bài tập 2 (SGK/Tr86)**  **Nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt**:  Tiếng Việt có vốn từ đa dạng và phong phú. Trong đó có từ mượn và từ thuần Việt. Từ mượn được vay mượn từ nhiều ngôn ngữ khác, vay mượn nhiều của tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh. Chính sự vay mượn ngôn ngữ này, làm giàu thêm vốn từ tiếng Việt.  **3. Bài tập 3 (SGK/Tr87)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Từ mượn** | **Từ quen thuộc trong tiếng Việt** | | 1 | fan (cuồng) | người hâm mộ | | 2 | Idol | thần tượng | | 3 | Chuyên cơ | máy bay | | 4 | Phi trường | sân bay |   Diễn đạt lại: *Những người hâm mộ thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy thần tượng của mình xuất hiện trên cửa chiếc máy bay vừa đáp xuống sân bay.* |

**(GV khắc sâu vai trò và cách sử dụng từ mượn;**

**Hướng dẫn HS đọc Văn bản 3: *Trái đất* chuẩn bị cho giờ học sau)**

**Tiết 122.**

**Hoạt động 1.6. Văn bản 3. TRÁI ĐẤT (Ra-xun Gam-da-tốp)**

**Hoạt động 1.6.1. Giới thiệu vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV trao đổi với HS:

GV mở video hoặc bắt nhịp cho HS cùng hát bài hát “Trái Đất này là của chúng mình” của nhạc sĩ Trương Quang Lục và đặt câu hỏi:

? Trong bài hát, Trái Đất được ví là gì? Em còn biết những cách ví von nào khác về Trái Đất không? Hãy chia sẻ?

? Vì sao có các điểm nhìn khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động:** HS chia sẻ, trả lời câu hỏi của GV

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, kết nối vào bài:

Có nhiều cách nhìn và nghĩ về Trái Đất. Dù nhìn ở góc nhìn nào chúng ta cũng đều nhận thấy: Trái Đất được chính là ngôi nhà chung của muôn vật, muôn loài, Trái Đất cần được bảo vệ, giữ gìn. Trái Đất đang bị chính con người hủy hoại, và đã gây vô vàn tổn thương nghiêm trọng. Dưới góc nhìn của một nhà thơ, Gam-da-tốp đã bộc lộ những trăn trở, cảm xúc gì trước hiện thực ấy. VB “*Trái Đất*” sẽ giúp các em hiểu được cảm xúc và cách nhìn nhân văn của nhà thơ

**Hoạt động 1.6.2. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận văn bản, [8], [9], [10], [12]

**b. Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản, tìm hiểu chung về bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Yêu cầu học sinh tự đọc, tìm hiểu các chú thích và thảo luận trả lời các câu hỏi:  1. Thông tin về tác giả và xuất xứ văn bản?  2. Xác định thể loại? Nhân vật trưc tình trong bài thơ?  3. Nêu bố cục và chủ đề bài thơ?  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc văn bản, thảo luận nhóm để tìm câu trả lời  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**: Ra-xun Gam-da-tốp (1923-2003)  - Quốc tịch: Người dân tộc Avar, nước Cộng hòa Đa-ghe-xtan, thuộc Liên Bang Nga.  - Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, sự sống và hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc.  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch tiếng Nga của Na-um Grep-nhi-ốp.  - Thể loại: thơ trữ tình  - Nhân vật trữ tình: “tôi”- tác giả  - Chủ đề:Tình yêu với Trái Đất và khẳng định sự cần thiết chung tay bảo vệ Trái Đất ngôi- nhà chung của chúng ta |

**Hoạt động 1.2. Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** [3], [8], [9], [10], [11], [12]

**b. Nội dung:** HS tự đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ thứ nhất, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ bằng **Phiếu học tập số 1**:  + Những cách hành xử nào đối với Trái Đất được nhắc tới trong khổ thơ? Chúng có điểm chung gì?  + Thái độ của tác giả đối với chúng là gì?  + Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  - HS theo dõi VB phần 1, tìm thông tin  - GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Tổ chức trao đổi; HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - Dự kiến sản phẩm:  + Cách kẻ xấu nhìn nhận Trái Đất → So sánh: "là quả dưa", "như quả bóng trên sân" tạo sự liên tưởng đến hành động xâm chiếm, mua bán, …đối với Trái Đất.  + Hành động: "bổ", "cắn", "giành giật", "lao vào", "đá" → Động từ mạnh, điệp từ nhấn mạnh tính chất thô bạo, vô nhân đạo với Trái Đất.  => Trái Đất đang bị hủy hoại và tâm trạng bực bội, thái độ căm ghét, lên án của nhà thơ với bọn người xấu.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động nhóm hoàn thành **Phiếu học tập số 2**:  ? Nhà thơ đã hình dung như thế nào về Trái Đất, đã xưng hô ra sao và đã làm gì?  ? Qua đó thể hiện tình cảm gì của nhà thơ đối với trái đất?  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận, trao đổi nội yêu cầu  GV quan sát, hỗ trợ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung để làm nổi bật tình cảm và cách cư xử nhân văn, hiểu biết của nhà thơ với Trái Đất.  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Khái quát đặc sắc về nghệ thuật trong văn bản?  ? Nội dung ý nghĩa bài thơ?  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận, trả lời câu hỏi.  GV quan sát, hỗ trợ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện các nhóm trả lời  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét và chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4. Học sinh liên hệ:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **1.** Tìm ra điểm giống nhau về ý nghĩa được đặt ra qua 3 VB đã dọc trong bài 9?  **2.** Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, chúng ta cần phải làm gì?  **B2: HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện các nhóm trả lời  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét và chốt kiến thức.  Dự kiến sản phẩm:  **1.** Dù khác nhau về thể loại nhưng cả 3 VB đều hướng tới chủ đề đều  + Thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài.  + Thực trạng về việc con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình.  + Đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ. Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta.  **2.** Những việc cần làm:  - Trồng và bảo vệ cây xanh.  - Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật.  - Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng.  - Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông.  - Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình.  - Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất**  \* Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất  - Xem là quả dưa: bổ, cắn thành muôn mảnh nhỏ.  - Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá.  🡪 Đều muốn độc chiếm Trái Đất, nghĩa là muốn phá hủy ngôi nhà chung của chúng ta. Trái Đất bị biến thành miếng mồi để bọn người xấu xâm chiếm, khai thác, giành giật.  \* Thái độ của tác giả đối với chúng:  + Tác giả gọi những người phá hủy trái đất là "bọn", "lũ".  🡪 Thái độ căm phẫn, lên án với những kẻ hủy hoại Trái Đất  **2. Hình dung của tác giả**  - Với nhà thơ, Trái Đất giống như một con người có xúc cảm (có tâm trạng, nỗi khổ đau), và là một số phận đau khổ (có gương mặt thân thương)  - Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: đau xót, lo lắng, ưu tư, vỗ về những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang gánh chịu.  🡪 Những cách hình dung và thái độ cư xử với Trái Đất cho thấy tình yêu của nhà thơ với Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc  - So sánh, miêu tả sinh động: hình ảnh Trái Đất với hình ảnh cụ thể, sinh động  Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ “lau nước mắt”, “rửa sạch máu”.  - Giọng thơ trò chuyện, đối thoại, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  - Thực trạng Trái Đất đang bị con người xâu xé, độc chiếm, hủy hoại, gây tổn thương nghiêm trọng.  - Tình yêu Trái Đất và khao khát muốn bảo vệ, nâng niu, giữ gìn vẻ đẹp và sự bình yên cho ngôi nhà chung của loài người |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất | | Thái độ của tác giả đối với chúng |
| Cách nhìn nhận về Trái Đất:  …………………………  ………………………… | Hành động    ……………………….  ………………………. | - Cách xưng hô: ……………..  ……………………………….  - Thái độ:  ……………………………….  ………………………………. |
| Điểm chung: ………………………………….. | |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhà thơ đã hình dung Trái Đất | Xưng hô | Hành động |
| Trái Đất chẳng là......  ................................... | ............................  ............................ | ................................................  ................................................ |
| => Thái độ của nhà thơ với Trái Đất ................................................................................ | | |

**(GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động Viết ở giờ học sau)**

**Hoạt động 2. VIẾT:**

**Tiết 123, 124**

**Hoạt động 2.1. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:** [5]

**\* Năng lực chung:** [8], [9], [10].

**\* Phẩm chất:** [12].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc SGK, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập, viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh, biên bản học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 2.1.1.** GIỚI THIỆU - KẾT NỐI

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS chia sẻ hiểu biết của bản thân về biên bản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu câu hỏi:

? Em đã từng được đọc (nghe) biên bản hay chưa? Em đã gặp các biên bản ghi lại những sự việc gì?

? Em hiểu biên bản là loại văn bản như thế nào? Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào sự hiểu biết của cá nhân để tìm câu trả lời

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS chia sẻ hiểu biết của bản thân về biên bản

- HS khác bổ sung

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu nội dung bài:

Biên bản là một loại nhỏ của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác về điều đã diễn ra. Nó có thể được lưu lại như một hồ sơ quan trọng, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó.

**Hoạt động 2.1.2.** **HƯỚNG DẪN VIẾT BIÊN BẢN**

**a. Mục tiêu:** [5], [8], [9], [10], [12].

**b. Nội dung:** HS đọc sgk, chắt lọc kiến thức để nhận biết thể thức của một biên bản thông thường và cách viết biên bản theo các bước.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần “Thể thức của biên bản thông thường” và nêu câu hỏi:  ? Em hãy nêu những tiêu chuẩn cần phải đảm bảo của biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần “Thể thức của biên bản thông thường”  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với đề mục sau “Phân tích biên bản tham khảo”  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 HS đọc biên bản cuộc họp  - GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho các nhóm  1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên?  2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?  3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?  4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?  5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:  + Đọc biên bản và trả lời câu hỏi  + Thảo luận nhóm 5 phút để hoàn thành nhiệm vụ GV giao  - Giáo viên:  + Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi  + Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Học sinh:  + Trả lời câu hỏi của GV  + Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm của nhóm, những HS còn lại quan sát sản phẩm của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày rồi nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần)  - Giáo viên: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm nhóm trước tập thể lớp  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, thái độ làm việc nhóm của HS, sản phẩm của các nhóm  - GV chốt kiến thức  **Kết thúc tiết 123, chuyển tiết 124**  Hướng dẫn HS chuẩn bị thực hành viết | **I. Thể thức của biên bản thông thường**  - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng đứng ra xử lí vụ việc hay tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận,...  - Dưới từ “biên bản”, ghi khái quát nội dung của vụ việc cần xử lí hay vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết, làm thành tên gọi của biên bản.  - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,...  - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí,...  - Ghi diễn biến của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận,... với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).  - Ghi thời gian kết thúc cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận…  - Người chủ trì và thư kí (tùy trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên  \* **Phân tích biên bản tham khảo**  1. Văn bản trên tuân thủ đúng theo thể thức của biên bản.  2. Tên gọi: khái quát toàn bộ nội dung của biên bản.  + Biên bản ghi đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan.  3. Nội dung: ghi chi tiết, cụ thể, là diễn biễn của cuộc xử lí vụ việc hay cuộc họp, cuộc thảo luận.  4. Cuối biên bản có chữ kí của người chủ trì, người thư kí để xác nhận vai trò của những người tham dự sự việc và trách nhiệm của họ đối với nội dung của biên bản.  5. Ngôn ngữ của biên bản: rõ ràng, ngắn gọn, chính xác. |

**Hoạt động 2.1.3. THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN**

**a. Mục tiêu:** [5], [9], [10], [12].

**b. Nội dung:** HS viết được biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Biên bản học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  ? Nêu các bước khi viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận?  ? Hình dung lại các buổi họp, thảo luận cần được ghi biên bản, xác định tên gọi của biên bản và nôi dung của biên bản cần viết. Hình dung ra thành phần tham dự, người chủ trì cuộc họp, thành viên. Và những ý kiến trong buổi họp.  ? Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận theo đúng thể thức và chỉnh sửa biên bản nếu cần.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:  + Đọc các gợi ý trong SHS và lựa chọn biên bản viết.  + Thực hiện nhiệm vụ viết biên bản.  + Sau khi viết xong, hãy chỉnh sửa lại biên bản (nếu cần).  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày biên bản  - Lớp nhận xét, đánh giá theo **Phiếu đánh giá các tiêu chí**  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét biên bản học sinh viết và thái độ học tập của học sinh. | **II. Thực hành viết biên bản**  **1. Trước khi viết**  a) Tìm hiểu nội dung, mục đích cuộc thảo luận/cuộc họp:  - Cuộc họp tiến hành ở lớp em, vào thời gian nào?  - Thành phần tham dự là ai? (cô giáo chủ nhiệm và các thành viên trong lớp  Ai điều hành cuộc thảo luận/cuộc họp?  - Diễn biến cuộc thảo luận, nội dung sẽ lớp sẽ bàn luận là gì? (VD: giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa)  - Dự kiến biên bản sẽ có các phần nào  b) Chuẩn bị viết biên bản: người viết biên bản có thể ghi trước các mục, các phần cơ bản của một biên bản.  **2. Viết biên bản.**  - Lắng nghe các ý kiến trong cuộc thảo luận và ghi lại trung thực các ý kiến ấy theo trình tự thời gian.  - Nội dung, diễn biến của cuộc thảo luận/ cuộc họp thuộc phần chính của biên bản, cho nên cần chú ý ghi kĩ những ý dưới đây:  + Chủ tọa phát biểu về mục đích, nội dung chính cuộc thảo luận/ cuộc họp (Ví dụ bạn lớp trưởng đứng lên tổ chức thảo luận  + Các thành viên tham dự phát biểu, trao đổi ý kiến (cụ thể ra sao)  + Chủ tọa phát biểu tổng kết.  **3. Chỉnh sửa biên bản.**  - Đọc lại biên bản.  - Chỉnh sửa lại biên bản (nếu cần). |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**1. Phiếu đánh giá theo tiêu chí**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu đối với biên bản** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Biên bản có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan chức năng tổ chức cuộc họp. |  |
| Biên bản có tên phù hợp với nội dung cuộc họp |  |
| Ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự. |  |
| Ghi lần lượt diễn biến chính của cuộc họp, các ý kiến phát biểu của từng người theo đúng trình tự diễn ra. |  |
| Phần cuối ghi rõ thời gian kết thúc cuộc họp, họ tên, chữ kí của thư kí và chủ tọa. |  |
| Ngôn ngữ của biên bản chính xác, ngắn gọn, không làm cho người đọc hiểu lầm ý người nói. |  |
| Biên bản có được trình bày khoa học, hài hòa, rõ ràng. |  |

**2. Bài tham khảo**

**Đề bài:** *Giả sử trong một cuộc họp lớp thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa. Em được giao nhiệm vụ làm thư kí. Hãy viết biên bản cuộc thảo luận (hoặc cuộc họp) ấy.*

|  |
| --- |
| CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN**

**Thảo luận về giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa**

**Thời gian**: bắt đầu: ….giờ ngày…tháng…năm….

**Địa điểm**: Lớp….trường THCS….

**Thành phần tham gia**:

- Giáo viên chủ nhiệm, …đội viên chi đội…và bạn…- Liên đội trưởng.

- Chủ trì:… - Lớp trưởng.

- Thư kí: … - Lớp phó học tập.

**Nội dung sinh hoạt**

**1. Lớp trưởng … tổ chức cho cả lớp thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa”.**

Các tổ thảo luận, tổ trưởng các tổ đưa ra ý kiến về các giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa. Tổng hợp các giải pháp như sau:

- Hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa, túi nilon tại đơn vị, thay bằng sản phẩm hữu cơ, sử dụng nhiều lần.

- Sử dụng quy trình xử lí rác thải “giảm thiểu - tái sảu dụng - tái chế”.

- Tổ chức thu hồi túi ni lông để tái chế.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Phía địa phương hỗ trợ xây dựng một hệ thống thu gom, tái chế, tái sử dụng túi ni lông.

**2. Ý kiến của một số cá nhân bổ sun**g:

- Ý kiến 1: Tổ chức các chương trình thu gom rác thải, sáng tạo, tái sử dụng những rác thải không sử dụng nữa trở thành những đồ vật hữu ích.

- Ý kiến 2: Bổ sung thùng chứa rác tại các vị trí sản xuất, phân loại rác có thể tái chế với rác thải hữu cơ, dễ phân hủy tại nguồn phát thải.

- Ý kiến 3: Tổ chức ra quân thu gom rác thải nói chung và rác thải nhựa nói riêng.

**3. Chủ tọa phát biểu tổng kết**.

Buổi sinh hoạt kết thúc lúc …. ngày… tháng… năm…

|  |  |
| --- | --- |
| THƯ KÍ  *(Chữ kí, họ tên)* | CHỦ TỌA  *(Chữ kí, họ tên)* |

(**GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài**: Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản: Đọc yêu cầu và các bước thực hiện việc tóm tắt; tập tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản em đã học).

**Tiết 125, 126. Hoạt động 2.2.** **TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ**

**NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:** [6]

**\* Năng lực chung:** [8], [9], [10].

**\* Phẩm chất:** [12].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc SGK, trả lời câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ học tập, tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập của học sinh, sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 2.2.1. Giới thiệu - Kết nối**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân khi tóm tắt văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu câu hỏi:

? Hãy kể tên một số cách tóm tắt văn bản mà em biết?

? Em thích nhất cách tóm tắt nào? Cách tóm tắt đó có gì mới lạ?

? Đã bao giờ em tóm tắt nội dung văn bản bằng một sơ đồ hay chưa? Theo em, việc tóm tắt bằng sơ đồ có tác dụng gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào sự hiểu biết, kinh nghiệm của cá nhân để tìm câu trả lời

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân về các cách tóm tắt văn bản (VD: Có thể tóm tắt văn bản bằng cách gạch ý chính; Tóm tắt bằng sơ đồ tư duy. Tác dụng: nhìn vào sẽ dễ hiểu dễ nhớ, bớt căng thẳng, áp lực …)

- HS khác bổ sung

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu nội dung bài:

Như chúng ta đã biết một văn bản thường có dung lượng tương đối lớn như vậy để nhớ được hết tất cả các ý chính của văn bản thì cần phải đọc đi đọc lại rất nhiều, đôi khi làm chúng ta chán nản hơn. Ngày nay, vấn đề đó trở nên đa dạng hơn khi chúng ta biết vận dụng sáng tạo cách trang trí, tóm tắt một văn bản làm sao cho vừa đủ ý lại khiến chúng ta nhớ lâu hơn bằng cách hệ thống hóa các kiến thức thông qua việc vẽ sơ đồ.

**Hoạt động 2.2.2.** HƯỚNG DẪN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN

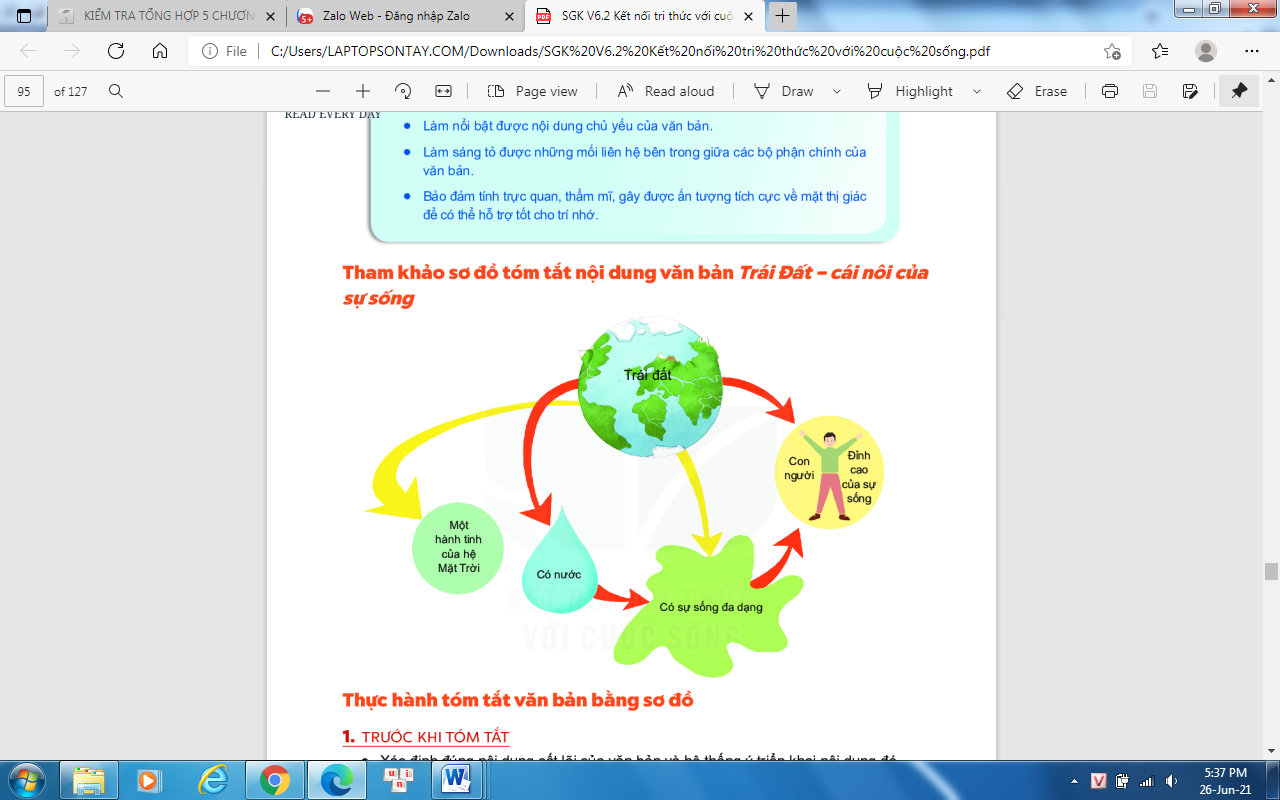
**a. Mục tiêu:** [6], [8], [9], [10]. [12].

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu nội dung bài học trong sách giáo khoa, trả lời câu hỏi, hoàn thành các nhiệm vụ học tập, tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đã học

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  1. Việc tóm tắt văn bản bằng hình thức thông thường là liệt kê các ý chính và tóm tắt bằng hình thức vẽ sơ đồ có điểm gì giống và khác nhau?  2. Nêu yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh trao đổi, thảo luận tìm câu trả lời  - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá, chốt nội dung  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản “Trái đất – cái nôi của sự sống” (SGK trang 91) và thảo luận nhóm:  ? Nhận xét ưu điểm của sơ đồ tóm tắt văn bản “Trái đất – cái nôi của sự sống”? Đối chiếu với nội dung văn bản xem sơ đồ tóm tắt này có hạn chế gì không? Nếu có hãy điều chỉnh, bổ sung?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh trao đổi, thảo luận tìm câu trả lời  - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá, chốt nội dung | **I. Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản**  - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.  - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.  - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ cho trí nhớ.  \* Phân tích sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản “Trái đất – cái nôi của sự sống”  - Ưu điểm:  + Phản ánh đúng những nội dung chính  + Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa nội dung.  + Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ.  - Hạn chế: Mỗi nội dung cần cụ thể hơn.  Ví dụ:  + “*có nước”* có thể thay bằng: *“nước- vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái đất*.  + *“Con người - đỉnh cao của sự sống*” nên thay bằng: “*Tác động của con người đến trái đất*”  + Thiếu ý *Tình trạng của Trái đất hiện nay* |



**Hoạt động 2.2.3.** THỰC HÀNH TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN

**a. Mục tiêu:** [6], [9]. [10], [12].

**b. Nội dung:** HS vận dung kiến thức để tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đã học theo các bước.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh theo dõi sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:  ? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung văn bản bằng sơ đồ, em sẽ dựa vào những yếu tố nào?  ? Trước khi tóm tắt, em cần làm gì? Minh họa bằng ví dụ từ một văn bản cụ thể?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần hướng dẫn thực hành tóm tắt, chắt lọc nội dung để trả lời câu hỏi.  - Lựa chọn một văn bản, xác định nội dung cốt lõi, từ khóa và mối liên hệ giữa chúng để chuẩn bị cho bước tóm tắt.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét, đánh giá  - Chốt nội dung kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  1. Sau khi xác định được nội dung cốt lõi, các từ khóa và mối liên hệ giữa các từ khóa, em làm thế nào để có thể tóm tắt được văn bản bằng sơ đồ?  2. Hãy thực hành bước tóm tắt một văn bản mà em lựa chọn bằng sơ đồ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần hướng dẫn thực hành tóm tắt, chắt lọc nội dung để trả lời câu hỏi 1.  - Tự chọn một văn bản để thực hành vẽ sơ đồ tóm tắt (câu 2).  - GV theo dõi, hỗ trợ học sinh hoàn thiện sơ đồ.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm: Sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản mà học sinh tự chọn.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa. Chỉnh sửa lại sơ đồ nếu chưa hợp lí.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét, đánh giá thái độ và sản phẩm học tập của học sinh.  - Khắc sâu các bước triển khai tóm tắt văn bản bằng sơ đồ:  \* Bước 1: Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt  + Xác định văn bản gồm mấy phần hoặc mấy đoạn và quan hệ giữa các phần, các đoạn.  + Tìm từ khóa và ý chính của từng phần hoặc đoạn.  + Xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ.  \* Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ  + Dựa trên số phần hoặc số đoạn, xác định số ô hoặc số bộ phần cần có trong sơ đồ.  + Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất (hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu…) để trình bày nội dung chính của văn bản cần tóm tắt.  \* Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ vẽ  + Việc thể hiện các ý chính của văn bản cần tóm tắt trên sơ đồ đã đủ và rõ chưa?  + Cách thể hiện trên sơ đồ về các phần, đoạn, ý chính và quan hệ giữa chúng trong văn bản gốc cần tóm tắt đã phù hợp chưa? | **II. Thực hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ**  **1. Trước khi tóm tắt**  - Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung.  - Lựa chọn từ khóa phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.  - Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa  **2. Tóm tắt**  - Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khóa.  - Sắp xếp các hình (chứa từ khóa) theo trật tự thích hợp.  - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khóa) với nhau.  **3. Chỉnh sửa**  ***-*** Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng nội dung văn bản chưa.  - Xóa hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.  - Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng. |
| **Hướng dẫn nhiệm vụ học tập ở nhà:**  1. Lập sơ đồ cho văn bản sau: “Các loài chung sống với nhau như thế nào?” – Ngọc Phủ  2. Chuẩn bị nội dung cho bài Nói và nghe: Thảo luận các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường. | |

**Tiết 127: Hoạt động 3. NÓI VÀ NGHE:**

**THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù:** [6]

- HS biết đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện.

- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**\* Năng lực chung:** [7], [8], [9]

**\* Phẩm chất:** [10], [11]

**b. Nội dung**: HS huy động tri thức đã có và hiểu biết của bản thân để nói và nghe: Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường.

**c. Sản phẩm**: Bài nói Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường và kết quả thảo luận của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Hoạt động 3.1. Giới thiệu – kết nối**

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh hát bài “ Điều đó tùy thuộc hành động của bạn” hoặc cho HS xem video bài há và hỏi:

? Em hãy cho biết tên bài hát và tên tác giả?

? Bài hát có ý nghĩa gì? (muốn truyền tải đến mọi ng thông điệp gì?)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

Sáng tác trên của nhạc sĩ Kim Dung gửi đến chúng ta một thông điệp: Hãy chung tay bảo vệ môi trường và giữ cho trái đất màu xanh vĩnh viễn. Trong giờ học hôm nay, các em sẽ cùng tìm hiểu những giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường. Và chúng ta hãy cùng nhau lan tỏa thông điệp đó đến tất cả mọi người.

**Hoạt động 3.2: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài và xác định nội dung bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng vốn hiểu biết và liên hệ thực tế để trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm chuẩn bị nội dung nói..

**c. Sản phẩm học tập:** Dàn ý bài nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để xác định mục đích nói và người nghe:  ? Mục đích của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là gì?  ? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?  - GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm sẽ lựa chọn nội dung thảo luận (lựa chọn vấn đề cụ thể về ô nhiễm môi trường có thể đửa ra những giải pháp khắc phục có tính khả thi).  - Hướng dẫn các nhóm thảo luận dựa vào việc trả lời 3 câu hỏi:  1. Thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường mà em lựa chọn và hậu quả của nó?  2. Những nguyên nhân nào dẫn đến vấn đề ô nhiễm trên?  3. Trình bày các giải pháp giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường?  - Hướng dẫn học sinh tập nói:  + Nói một mình (nói thầm, nói to, nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...).  + Nói trước nhóm học tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - GV theo dõi, hỗ trợ hướng dẫn học sinh tìm ý và sắp xếp ý.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung:**  \* Thực trạng:  Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng ở mức báo động: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí,…  \* Nguyên nhân:  - Do sự thiếu ý thức của con người.  - Thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp.  - Những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng.  - Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế  **\* Hậu quả:** Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của con người.  Ô nhiễm không khí gây ra bệnh tim mạch, bệnh về đg hô hấp, ung thư phổi và đột quỵ. Nếu con người không có ý thức bảo vệ bầu khí quyển thì hậu quả của nó cũng khủng khiếp chẳng kém gì đại dịch covid-19 hiện nay.  75% – 80% nguyên nhân ung thư được nghiên cứu là do môi trường ô nhiễm. Khi ô nhiễm môi trường đất, nước sẽ dẫn đến rau củ, vật nuôi chịu nhiễm độc. Con người ăn phải thực phẩm chứa độc tố đó sẽ dẫn đến nguy cơ mắc ung thư.  - Ô nhiễm đất còn ảnh hưởng đến sự phát triển hệ sinh thái. Đất bị ô nhiễm, cây cối không phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều loài sinh vật.  - Sự biển đổi về khí hậu ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế.  \* Các giải pháp:  - Trước hết phải lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường vào trường học ngay từ tuổi mầm non.  - Nhà nước tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của ng dân. Trong đó cần có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm.  - Tổ chức thường xuyên các cuộc thi sáng tạo để tìm ra nhg giải pháp bảo vệ môi trường cũng như cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường.  - Áp dụng công nghệ khoa học để xử lí rác thải và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nc trong giai đoạn hiện nay.  - Chúng ta cần lên án, phê phán mạnh mẽ , đấu tranh, ngăn chặn nhg hành động pha shoaij môi trường. Và tuyên dương, ca ngợi, biết ơn những hành động bảo vệ môi trường. \* Là HS, cta cần tạo cho mình thói quen đổ rác đúng nơi quy định. Giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni long. Tham gia trồng và bảo vệ cây xanh. Không xả nước thải bẩn ra ao hồ. Có ý thức giữ gìn, vệ sinh nhà ở, đường làng, ngõ xóm, trường học cũng như nơi công cộng. | **1. Trước khi nói**  a. Xác định mục đích nói và người nghe  - Mục đích:Tìm giải pháp tối ưu, khả thi, có thể thực hiện ngay để cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường.  b. Chuẩn bị nội dung nói  - Lựa chọn vấn đề  - Tìm ý và sắp xếp ý  + Thực trạng của vấn đề ô nhiễm môi trường và hậu quả  - Nguyên nhân dẫn đến vấn đề ô nhiễm  - Giải pháp khắc phục vấn đề ô nhiễm môi trường.  c. Tập luyện |

**Hoạt động 3.3: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** [6], [7], [8], [9], [10], [11]

**b. Nội dung:** HS trình bày bài nói về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói trước lớpvà nội dung góp ý bổ sung

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện nhóm trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  GV lưu ý HS tận dụng được lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời nói như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sự hấp dẫn, sinh động cho bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + HS trình bày bài nói  + Các học sinh khác lắng nghe tích cực chuẩn bị cho hoạt động trao đổi về bài nói. | **2. Trình bày bài nói**  **a) Mở đầu**  Nêu tình trạng đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể của nó.  **b) Triển khai**  - Trình bày ý kiến theo đề cương đã chuẩn bị giúp người nghe hiểu rõ nội dung từng khía cạnh của vấn đề được đề cập.  **c) Kết luận**  Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày. |

**Hoạt động 3.4. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS tương tác, trao đổi đánh giá bài nói theo tiêu chí.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đánh giá bài nói theo tiêu chí

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi, đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo hướng sau:  **1. Về phía người nghe**  - Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy.  - Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt.  - Nêu được điều tâm đắc của em về giải pháp của bạn.  - Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn.  - Bổ sung những điều mà ý kiến của bạn chưa đề xuất đầy đủ.  **2. Về phía người nói**  - Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất.  - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc.  - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí.  - Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc nêu ý kiến khi tham gia thảo luận.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhận xét, đánh giá bài nói theo định hướng  - GV theo dõi, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS rút ra những ưu điểm, hạn chế và những điều học tập được từ bài trình bày của bạn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Đọc bài tham khảo (nếu còn thời gian) | **3. Trao đổi về bài nói** |

**Nội dung bài nói tham khảo:**

Thế giới ngày nay đang bước vào giai đoạn phát triển không ngừng, hàng loạt sản phẩm ra đời giúp cho cuộc sống con người trở nên thuận lợi, đơn giản hơn. Thế nhưng đi liền với điều đó thì những khó khăn cũng gây nên bất lợi cho con người, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường đang ngày càng trầm trọng yêu cầu chúng ta phải tìm ra biện pháp bảo vệ.

Môi trường là toàn bộ không gian mà con người sinh sống, bao gồm đất, nước, không khí, rừng. Nó là yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng tới cuộc sống của con người. Tuy nhiên hiện nay vấn đề bảo vệ môi trường đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

**Thực trạng:**

Thực trạng vấn đề MT hiện nay: Trái đất - Hành tinh của chúng ta đang bị hủy hoại trầm trọng. Tình trạng ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí…Tình trạng đó cần phải được khắc phục kịp thời bằng những hành động thiết thực của mỗi người trên trái đất. Nếu không, chúng ta và con cháu chúng ta sẽ phải hứng chịu những hậu quả tàn khốc hơn cả những trận sóng thần Tsunami ở Nhật vào năm 2011, Thái Lan vào năm 2004, những trận bão lũ kinh khủng như ở Venezuelea vào giữa tháng 12 năm 1999 giết chết khoảng 30.000 người. Không khí mà cta đang hít thở hiện nay đc ví với khí quyển ngày tận thế. Vì vậy, hiện nay vấn đề bảo vệ môi trường đang là vấn đề bức thiết, có vai trò quyết định đến sự sống còn của cả loài người.

Hiện nay, ở nước ta tình trạng quy hoạch các khu đô thị vẫn chưa được  gắn liền với vấn đề xử lý chất thải, xử lý nước thải,… Trong đó, tại các thành phố lớn như Hà Nội hay Tp. HCM, các khu công nghiệp, khu đô thị,… tình trạng ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động như: Ô nhiễm môi trường đất, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường không khí,…



**Nguyên nhân:**

Ô nhiễm MT, nguyên nhân đầu tiên chính là do sự thiếu ý thức của con người. Đã bao giờ con người tự hỏi: mình đối xử với thiên nhiên có công bằng hay chưa? Hay mình chỉ biết bòn rút kiệt quệ Đất Mẹ, bắt thiên nhiên phục vụ cho lợi ích và quyền lợi của mình mà quên đi bổn phận chăm sóc và bảo vệ TN. Đất mẹ đã che chở, nuôi dưỡng con ng, ban tặng cho con ng bao điều tốt đẹp. Thế mà con ng đã đối xử với đất ntn? Con ng đã sống vô ơn, ngược đãi với Đất mẹ, đã sả vào long đất nhg túi ni lông, nhg chất thải độc hại, gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nc, hủy hoại môi trg đất. Vì lợi nhuận kinh tế, con ng đã ra ray tàn phá, hủy hoại TN. Và thiên nhiên cũng đáp trả con ng bằng nhg hành động giận dữ. Mùa đông băng giá hơn, mùa hè nắng nóng, khắc nghiệt hơn. Những cơn bão, cơn sóng thần thường xuyên hơn, dữ dội hơn bao giờ hết. Nó cuốn trôi cả con ng và mọi thứ trên đg đi của mình. Ai cũng biết Siêu bão Haiyan tàn phá Philippines, khiến 10.000 người thiệt mạng. Cho đến nay, nhiều ng vẫn k thể quyên được lời nói xúc động của cô bé 6 tuổi trước khi buông tay mẹ và bị cơn bão Haiyan cuốn đi: “ Mẹ, mẹ hãy buông con ra. Mẹ hãy tự cứu lấy mình.” Phải chăng đã đến lúc con ng phải tự cứu lấy chính mình trc khi quá muộn.

Nguyên nhân thứ 2 gây ô nhiễm MT là do chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đc quan tâm đúng mức, chưa đủ mạnh, chưa có sức răn đe.

Việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng còn mang tính hình thức.

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường trong xã hội còn hạn chế, chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường.



**Hậu quả:**

Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của con người. Ô nhiễm không khí gây ra bệnh tim mạch, bệnh về đg hô hấp, ung thư phổi và đột quỵ. Nếu con ng k có ý thức bảo vệ bầu khí quyển thì hậu quả của nó cũng khủng khiếp chẳng kém gì đại dịch covid-19 hiện nay.

- 75% – 80% nguyên nhân ung thư được nghiên cứu là do môi trường ô nhiễm. Khi ô nhiễm môi trường đất, nước sẽ dẫn đến rau củ, vật nuôi chịu nhiễm độc. Con người ăn phải thực phẩm chứa độc tố đó sẽ dẫn đến nguy cơ mắc ung thư.

- Ô nhiễm đất còn ảnh hưởng đến sự phát triển hệ sinh thái. Đất bị ô nhiễm, cây cối không phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều loài sinh vật. Sự biển đổi về khí hậu ảnh hưởng đến mọi mặt về kinh tế.

**Biện pháp:**

Để cứu lấy Trái đất thì con người phải biết sống thân thiện, gắn bó với thiên nhiên.

- Phải lồng ghép giáo dục bảo vệ MT vào trg học ngay từ lứa tuổi mầm non.

- Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của ng dân. Trong đó cần có những chế tài xử phạt phải thực sự mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm.

- Tổ chức thường xuyên các cuộc thi sáng tạo để tìm ra những giải pháp bảo vệ môi trường cũng như cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Áp dụng công nghệ khoa học để xử lí rác thải và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước trong giai đoạn hiện nay.

- Chúng ta cần lên án, phê phán mạnh mẽ, đấu tranh, ngăn chặn những hành động phá hoại môi trường. Và tuyên dương, ca ngợi, biết ơn những hành động bảo vệ môi trường.

- Là học sinh, chúng ta cần tạo cho mình thói quen đổ rác đúng nơi quy định. Giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni lông. Tham gia trồng và bảo vệ cây xanh. Không xả nước thải, nước bẩn ra ao hồ. Có ý thức giữ gìn, vệ sinh nhà ở, đg làng, ngõ xóm, trg học cũng như nơi công cộng.



Tóm lại, trách nhiệm bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của một cá nhân hay một tập thể nào cả mà là trách nhiệm chung của tất cả mọi người sống trong ngôi nhà trái đất. Việc bảo vệ môi trường phải được thực hiện bằng việc làm thiết thực, cụ thể chứ không phải bằng lời nói suông. Hãy bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái đất vì đó là bảo vệ tương lai của chính mình.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm bài tập*

**Bài tập 1.** Kẻ bảng (SGK/Tr94) vào vở, đánh dấu x vào các ô trống thích hợp.

**Bài tập 2. Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi**

*[…] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.*

*Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. […]*

(Trích “*Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật*?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)

**Câu 1**: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 2**: Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “*Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn”.* Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

**Câu 3**: Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

**Câu 4**: Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:

- HS thảo luận hoàn thiện phiếu bài tập 1 và trả lời câu hỏi ở bài tập 2.

- GV theo dõi, hỗ trợ

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động

- HS nhận xét, bổ sung.

**Dự kiến sản phẩm Bài tập 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Nội dung** | **Loại văn bản** | | | **Hình thức văn bản** |
| Trái Đất - môi trường | Văn bản thông tin | Văn bản văn học | Văn bản chỉ có kênh chữ | Văn bản đa phương thức |
| Trái Đất - cái nôi của sự sống | x | x |  |  | x |
| Các loài chung sống với nhau như thế nào? | x | x |  |  | x |
| Trái Đất | x |  | x | x |  |

**Dự kiến câu trả lời Bài tập 2**

**Câu 1:** Nội dung chính đoạn trích: Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.

**Câu 2:** - Các từ Hán Việt: *môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.*

- Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

**Câu 3:** Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

- Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.

- Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.

- Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu sa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người) …

**Câu 4:** Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

+ Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.

+ Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lí nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.

+ Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.

+ Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.

+ Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

1. Tìm đọc một số văn bản thông tin có nội dung viết về trái đất, thế giới động thực vật..

2.Chia sẻ với các bạn về những văn bản mà em đã đọc.

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**:

Sưu tầm và chuẩn bị nội dung ở nhà

**B3,4. Báo cáo kết quả và nhận xét, đánh giá**:

Thực hiện trong tiết **Đọc mở rộng** ở giờ học sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 8 tháng 4 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

Ngày soạn: 01/5/2024

Ngày dạy: 6A2: /5/2024 - /45 6A6: /5/2023 - /46

**Tiết 128: ĐỌC MỞ RỘNG**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong Bài 8: *Khác biệt và gần gũi* và Bài 9: *Trái đất – Ngôi nhà chung.* [1].

- Năng lực văn học [2]

+ HS thể hiện khả năng vận dụng trải nghiệm kiến thức và kĩ năng được học trong những bài đã học để tự đọc các VB mới thuộc loại văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

+ Nhận diện được văn bản thông tin và văn bản nghị luận.

+ Nhận biết vai trò quan trọng của số liệu, hình ảnh, cách triển khai theo quan hệ nhân quả trong một văn bản thông tin và chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận.

+ Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của bản thân do văn bản gợi ra.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [3].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [4].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập [5]

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái trong việc nhìn nhận đánh giá con người. [6].

- Trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn trái đất – ngôi nhà chung [7]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [8].

\* HS khuyết tật: biết đọc và ghi chép theo yêu cầu. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu

+ Bảng phân công nhiệm vụ học tập; Phiếu bài tập cho học sinh

- Học liệu:

+ Kế hoạch bài dạy;

+ Một số văn bản nghị luận và và văn bản thông tin liên quan đến nội dung đọc

**2. Chuẩn bị của HS:**

-SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một;

- Sưu tầm các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong Bài 8: *Khác biệt và gần gũi* và Bài 9: *Trái đất – Ngôi nhà chung.*

- Đọc văn bản, thực hiện các hoạt động theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS nhắc lại nội dung đã học và chia sẻ hiểu biết của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Nhắc lại nội dung chủ đề và loại văn bản các em đã học trong bài 8, bài 9?

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào có cùng loại và chủ đề với các VB bài 8, bài 9?

**B2. HS trao đổi thực hiện nhiệm vụ**

- HS dựa vào nội dung đã học và nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà để trả lời câu hỏi;

**B3. HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi, trình bày kết quả lựa chọn văn bản đọc mở rộng.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu bài Đọc mở rộng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng loại (văn bản nghị luận và văn bản thông tin) có cùng chủ đề với các VB đã học trong những Bài 8 và Bài 9. Sản phẩm đọc hiểu đã làm ở nhà, chắt lọc nội dung để trao đổi lại với bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đọc thông qua nội dung, ý nghĩa của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin dưới dạng gạch ý, sơ đồ tư duy, bảng biểu, …

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Trao đổi kết quả tự đọc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại các đặc điểm của văn bản nghị luận và văn bản thông tin  - GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm (4 thành viên), chia sẻ việc đọc hiểu, khám phá những văn bản nghị luận và văn bản thông tin mà các em đã đọc và hoàn thành phiếu học tập của nhóm với từng loại văn bản:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên VB nghị luận | Vấn đề nghị luận | Ý liến của người viết | Lí lẽ và dẫn chứng | Thông điệp (bài học) | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên VB thông tin | Nội dung thông tin cơ bản | Nội dung từng đoạn văn | Cách triển khai văn bản | Thông điệp (bài học) | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |   (Mỗi nhóm hoàn thành ít nhất 1 văn bản mỗi loại)  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS chia sẻ, trao đổi về những nội dung đã đọc hiểu được trong các văn bản, tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi loại và thông điệp, bài học rút ra sau khi đọc.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm hoạt động (yêu cầu HS hoàn thành 80 -> 100% nội dung trong Phiếu học tập và tự tin trình bày sản phẩm của mình).  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại nội dung yêu cầu.  **Nhiệm vụ 2. Đánh giá kết quả tự đọc**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Các nhóm trao đổi thảo luận hoàn thành Phiếu đánh giá kết quả tự đọc của nhóm theo tiêu chí  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm Phiếu đánh giá theo tiêu chí  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại nội dung yêu cầu.  - GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách với nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc các văn bản cùng loại hoặc cùng chủ đề. | **1. Trao đổi về kết quả tự đọc các VB nghị luận và VB thông tin**  **2. Đánh giá kết quả tự đọc** |

**PHIẾU TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1. Chọn được VB hay, có ý nghĩa | Chưa có VB trình bày trước lớp | Có văn bản trình bày nhưng chưa hay. | Văn bản có nội dung hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung | Nội dung sơ sài, không trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. | Nội dung đúng, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. | Nội dung đúng, có cách ví von hấp dẫn, trình bày đầy đủ các yếu tố của VB thông tin và VB nghị luận. |
| 3. Ngôn ngữ và ngữ điệu | Nói nhỏ, thiếu tự tin, nét mặt chưa biểu cảm. | Nói to những đôi chỗ còn ngập ngừng, lặp lại, tự tin, biểu cảm phùhợp với câu chuyện. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại, tự tin, nét mặt sinh động. |
| 4. Sản phẩm | Hoàn thành dưới 50% yêu cầu trong PHT. | Hoàn thành dưới 50 - 80% yêu cầu trong PHT. | Hoàn thành dưới 90 - 100% yêu cầu trong PHT. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Biết cách đọc một văn bản nghị luận và văn bản thông tin

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc văn bản nghị luận và cách đọc văn bản thông tin

**B2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận hoàn thành nội dung yêu cầu

- GV hỗ trợ nếu cần

**B3. Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trình bày kết quả hoạt động nhóm theo các yêu cầu bài tập

- Các HS khác nhận xét, bổ sung

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

\* Cách đọc hiểu văn bản nghị luận:

+ Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

+ Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.

+ Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)

+ Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

+ Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.

\* Cách đọc hiểu văn bản thông tin:

+ Xác định đúng thông tin cơ bản của văn bản thông tin dựa trên nhan đề, sa-pô, đề mục …

+ Đánh giá hiệu quả của cách triển khai văn bản thông tin mà tác giả lựa chọn

+ Đánh giá tính chính xác, tính mới của văn bản thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh..

+ Nắm bắt thông điệp mà tác giả gửi gắm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục đọc mở rộng vốn kiến thức văn học và kiến thức đời sống.

**b. Nội dung:** HS sưu tầm, tìm đọc các văn bản nghị luận và văn bản thông tin ở nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả sưu tầm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**:

1. GV yêu cầu HS tiếp tục thực hiện việc sưu tầm, đọc hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật các văn bản thuộc văn bản nghị luận và văn bản thông tin, chỉ rõ các yếu tố trong từng văn bản.

2. Lựa chọn 01 chủ đề mà em ấn tượng trong buổi chia sẻ và viết bài văn (khoảng 01 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó

**B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ (ở nhà)**

- Học sinh sưu tầm các văn bản

- Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học về loại văn bản để phân tích, khám phá văn bản.

- Viết bài văn theo yêu cầu

**B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và B4. đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**(thực hiện ở giờ học sau)**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị Bài 10 ***“Cuốn sách tôi yêu”*** để học vào tiết sau. Yêu cầu:

+ Đọc kĩ nội dung phần tri thức ngữ văn

+ Chuẩn bị cuốn sách yêu thích, sắp xếp, trưng bày góc đọc sách của tổ và giới thiệu về cuốn sách yêu thích cho các bạn cùng đọc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 01 tháng 5 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

**Tuần 33**

Ngày soạn: 02/5/2024

Ngày dạy: 6A3: /5/2024 - /45 6A6: /5/2024 - /46

**Tiết 129, 130. ÔN TẬP HỌC KÌ II**

I. MỤC TIÊU

**1. Năng lực đặc thù**

a. Năng lực văn học:

- Nhận biết đặc điểm thể loại và cách đọc hểu truyền thuyết, truyện cổ tích, văn bản nghị luận, văn bản thông tin và các giá trị của những văn bản đã học; [1]

- Nhận biết nghĩa của từ ngữ, từ ghép, từ láy; các biện pháp tu từ; các cụm từ; dấu chấm phẩy, trạng ngữ, từ mượn, đoạn văn và văn bản. [2]

b. Năng lực ngôn ngữ:

- Năng lực đọc hiểu, trình bày vấn đề, ý kiến của cá nhân;[3]

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn; [4]

**2. Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm; [5]

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân; [6]

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập. [7]

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước, tự hào với lịch sử dựng nước và giữ nước qua các truyền thuyết; Nhân ái, ngợi ca, bênh vực những con người lương thiện, chính nghĩa; Trách nhiệm đối với việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường, bảo vệ trái đất – ngôi nhà chung; [8]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [9].

\* Học sinh khuyết tật:

- Nhận biết đặc điểm chính của thể loại, tên văn bản đã học, nhận biết phép tu từ, trạng ngữ trong câu.

- Đọc hiểu, nói ở mức độ đơn giản; biết hợp tác với các bạn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của GV**

- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu

- Giáo án; Phiếu học tập; Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Học liệu: Một số đoạn văn tham khảo làm ngữ liệu bài tập.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Thiết bị học tập: Máy tính hoặc điện thoại kết nối mạng cài ứng dụng zoom.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a. Mục tiêu:** Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu học sinh:

? Nhắc lại tên (chủ đề) các bài học

? Những điều em học được qua các chủ đề đã học?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ: Chia sẻ những điều học sinh học được qua các nội dung đã học*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu tiết ôn tập.*

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC

**Hoạt động 1. Ôn tập phần đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [6], [7], [8], [9]

**b. Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm để:  1. Hoàn thiện bảng thống kê các thể loại văn học và đặc điểm của từng thể loại:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Loại VB | Khái niệm | Các yếu tố | | Truyền thuyết |  |  | | Truyện cổ tích |  |  | | VB nghị luận |  |  | | VB thông tin |  |  |   2. Từ nội dung tri thức ngữ văn về thể loại, em rút ra cách đọc hiểu truyền thuyết, truyện cổ tích, văn bản nghị luận, văn bản thông tin?  3. Hoàn thiện bảng thống kê các văn bản đã học theo từng chủ đề (đã thực hiện ở nhà)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên bài (chủ đề | Tên VB | Loại VB | Nghệ thuật đặc sắc | Nội dung, ý nghĩa | |  |  |  |  |  |   **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động hoàn thành bảng thống kê  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nhóm trình bày bảng thống kê  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học: | A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM  I. PHẦN ĐỌC HIỂU  **1. Tri thức ngữ văn về các thể loại văn học**  a. Thể loại truyền thuyết  b. Thể loại truyện cổ tích  c. Văn bản nghị luận  d. Văn bản thông tin  **2. Đọc hiểu nội dung chủ đề**  a. Truyền thuyết kể về người anh hùng.  b. Thế giới cổ tích  c. Khác biệt và gần gũi  d. Trái đất – ngôi nhà chung |

**Đặc điểm các thể loại, loại văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại VB** | **Khái niệm** | **Các yếu tố** |
| Truyền thuyết | Loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu. | - Truyền thuyết kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương.  - Trình thự kể: Theo mạch tuyến tính (theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm 3 phần gắn với cuộc đời nhân vật chính: Hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.  - Nhân vật chính: là những người anh hùng.  - Lời kể: cô đọng, trang trọng, ngợi ca.  - Yếu tố kì ảo xuất hiện đậm nét ở các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật. |
| Truyện cổ tích | Loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động. | - Cốt truyện: Kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật đại diện cho các kiểu người khác nhau, chia thành 2 tuyến nhân vật: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu ác)  - Có các chi tiết hoang đường, kì ảo.  - Kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả.  - Lời kể mở đầu bằng từ ngữ chỉ không gian, thời gian xác định. |
| VB nghị luận | loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề. | Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục:  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |
| VB thông tin | Là văn bản chủ yếu dung để cung cấp thông tin | Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh,... |

**Các văn bản đã học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài (chủ đề** | **Tên VB** | **Loại VB** | **Nghệ thuật đặc sắc** | **Nội dung, ý nghĩa** |
| Chuyện kể về người anh hùng | Thánh Gióng | Truyền thuyết | - Chi tiết tượng tượng kì ảo.  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường).  - Lời kể cô đọng, trang trọng. | *-* Truyện ca ngợi công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng.  *-* Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, quyết tâm, tinh thần đoàn kết của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc. |
| Thế giới cổ tích | Thạch Sanh | Truyện cổ tích | - Kết cấu cốt truyện mạch lạc, sắp xếp các tình tiết khéo léo, tạo sức hấp dẫn.  - Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản.  - Nhiều chi tiết tưởng tượng thần kỳ độc đáo và giàu ý nghĩa | - Truyện kể về người dũng sĩ diệt chằn tinh, đại bàng cứu người bị hại vạch mặt kẻ vong ân, chống quân xâm lược  - Ý nghĩa: Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân ta về công lý xã hội, về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa lương thiện. |
| Khác biệt và gần gũi | Xem người ta kìa | VB nghị luận | - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục. | - Mọi người ngoài những điểm chung, còn có nét riêng biệt, độc đáo. Điều đó làm nên sự muôn màu của cuộc sống.  - Mỗi chúng ta cần biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. |
| Hai loại khác biệt | VB nghị luận | - VB có sự kết hợp chặt chẽ của hai thao tác lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật vấn đề cần bàn.  - Khéo léo kết hợp kể, tác giả làm cho vấn đề tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận. | - Văn bản đề cao sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt có giá trị riêng.  - Đề cao bản sắc của mỗi con người, giá trị của mỗi người được hình thành từ năng lực, phẩm chất bên trong, và cần sự cố gắng thật sự. |
| Trái đất – ngôi nhà chung | Trái đất – cái nôi của sự sống | VB thông tin | - Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động;  - Thông tin chính xác, khoa học về Trái Đất;  - Trình tự trình bày thông tin theo quan hệ nhân quả. | - Trái Đất là vốn là cái nôi của sự sống phong phú của vạn vật. Tuy nhiên, con người đã có nhiều hành động làm tổn thương Trái Đất.  - Chung tay bảo vệ Trái Đất là trách nhiệm của mỗi người |
| Các loài sống chung với nhau như thế nào | VB thông tin | - Thông tin chính xác, khoa học về các loài vật trên Trái Đất thông qua các số liệu.  - Trình tự trình bày thông tin  theo trình tự nhân quả.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB. | - Văn bản đề cập đến sự đa dạng của các loài vật trên Trái Đất và trật tự trong đời sống muôn loài.  - VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên Trái Đất. |

**Hoạt động 2. Ôn tập phần thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã biết để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh nhắc lại những nội dung thực hành tiếng Việt đã học:  1. Muốn giải thích nghĩa của từ, nghĩa thành ngữ ta làm thế nào?  2. Nêu đặc điểm cấu tạo của các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ? Cho VD?  3. Trình bày hiểu biết của em về các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ? Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ? Cho VD?  4. Trình bày công dụng của dấy chấm phẩy? Cho VD?  5. Trạng ngữ là gì? Chức năng của trạng ngữ?  6. Tiếng Việt mượn từ của các ngôn ngữ nào? Khi sử dụng từ mượn cần lưu ý điều gì?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời nhớ lại kiến thức đã học để có câu trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày, cho ví dụ cụ thể  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | II. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT  1. Giải thích được nghĩa của từ, nghĩa của thành ngữ  2. Nhật biết được Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ  3. Nhận biết được các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó  4. Nhận biết công dụng của một số loại dấu câu: dấu phẩy, dấu chấm phẩy  5. Nhận biết trạng ngữ, chức năng của trạng ngữ  6. Nhận biết từ mượn, cách sử dụng từ mượn. |

**Hoạt động 3. Ôn tập phần Viết**

**a. Mục tiêu:** [2], [5], [6], [7], [8]

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS nhắc lại yêu cầu đối với mỗi dạng bài:  1. Cấu trúc của một đoạn văn?  1. Yêu cầu của bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)? Dàn ý cấu trúc của bài văn thuyết minh một sự kiện?  2. Yêu cầu của bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích?  3. Yêu cầu của bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm?  4. Nêu thể thức của một biên bản thông thường?  e. Nêu yêu cầu và các bước tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | III. PHẦN VIẾT  1. Viết đoạn văn (kết nối với đọc)  2. Viết bài văn:  a. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, một sinh hoạt văn hóa em được tham gia hoặc được tìm hiểu qua sách, báo, truyền hình…  b. Viết bài văn đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích.  c. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm  d. Viết biên bản về một cuộc họp (cuộc thảo luận).  e. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản. |

**Hoạt động 4. Ôn tập phần Nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Rèn kĩ năng nói và nghe cho học sinh

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để nói và nghe: Kể truyền thuyết, truyện cổ tích; trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống mà học sinh quan tâm.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của học sinh theo yêu cầu

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  ? Nhắc lại những nội dung nói và nghe đã được thực hiện trong học kì II?  ? Những lưu ý trong nói và nghe?  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời  - GV gợi ý, hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại những nội dung cơ bản đã học. | IV. PHẦN NÓI VÀ NGHE  1. Kể truyền thuyết, truyện cổ tích;  2. Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống mà học sinh quan tâm. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu và cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS thực hành đọc hiểu các đoạn văn theo thể loại đã học và tìm ý, lập dàn ý cho đoạn văn, bài văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS làm BT đọc hiểu theo nhóm:  **\* Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *“Mẹ tôi không phải là không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn mình thông minh giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phân vẹn mười.”*  *(Xem người ta kìa! – Lạc Thanh*  **Câu 1**. Đoạn văn thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2**. Lí do nào khiến người mẹ muốn con giống người khác?  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn văn trên?  **Câu 4**. Chỉ ra và nêu chức năng của trạng ngữ trong câu văn: “*Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng”*.  **Câu 5**. Có ý kiến cho rằng: “Noi gương những người thành công là điều cần thiết”. Em có đồng ý không? Tại sao?  **\* Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  **“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất**  *Nhờ có nước, đặc biệt là nước ở dạng lỏng, Trái Đất trở thành nơi duy nhất trong hệ Mặt Trời có sự sống. Do vậy, khi khẳng định hành tinh này là cái nôi của sự sống, ta không thể không nói đến nước.*  *Hành tinh của chúng ta quả là giàu nước. Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. Nước dào dạt trong lòng các đại dương; nước đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực; nước ngự trắng loá trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới; nước tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa;… Chính nước đã tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp lộng lẫy. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la.*  *Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống, là tác nhân quan trọng thúc đẩy quá trình tiến hoá của các vật chất sống trên hành tinh này. Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú, từ vi sinh vật mang cấu tạo đơn giản đến động vật bậc cao có hệ thần kinh vô cùng phức tạp.*  (Trích *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Trang)  **Câu 1**: Đoạn văn nói về vai trò của nhân tố nào trên Trái Đất?  **Câu 2**: Dấu ngoặc kép đánh dấu cụm từ “Vị thần hộ mệnh” trong đoạn văn trên có tác dụng gì?  **Câu 3**: Câu văn “*Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la*” sử dụng phép tu từ nào?  **Câu 4**: Đoạn trích trên gồm mấy đoạn văn?  **Câu 5**: Tác giả miêu tả sự hiện diện của nước trên Trái Đất như thế nào?  **Câu 6**: Yếu tố miêu tả có tác dụng như thế nào đối với việc cung cấp thông tin của đoạn văn?  **Câu 7**: Kể những việc em cần làm để bảo vệ nguồn nước nơi em sinh sống?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ (theo bàn) thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả hoạt động  - Nhóm khác bổ sung  **B4. GV nhận xét, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá  - Chốt lại cách đọc hiểu văn bản: Bám vào tri thức ngữ văn về thể loại, chú ý các từ ngữ, các biện pháp tu từ đã học trong phần thực hành tiếng Việt được vận dụng trong văn bản.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  1. Viết đoạn văn về một chi tiết trong truyền thuyết hoặc truyện cổ tích để lại cho em nhiều ấn tượng.  2. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (sinh hoạt văn hóa).  3. Đóng vai nhân vật kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  (Nội dung viết bài văn, đoạn văn thực hiện ở nhà)  **B3. Báo cáo kết quả hoạt động**  (HS báo cáo kết quả vào giờ học sau)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét tinh thần thái độ học tập của học sinh | B. LUYỆN TẬP  **I. Bài tập đọc hiểu**  **II. Viết đoạn văn, bài văn** |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS, HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập tại nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS ôn tập lại toàn bộ nội dung đã học, thực hành đọc hiểu và viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề bảo vệ môi trường (thực hiện ở nhà).

- HS chuẩn bị cho bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì II (theo kế hoạch của PGD)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  |  | *Hương Sơn, ngày 02 tháng 5 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |

**Tiết 131, 132. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**(Đề kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo)**

Ngày kiểm tra: 09/5/2024

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài 10**  **Tiết** | **Ngày soạn** | **Ngày dạy** | **Lớp 6A2** (45 hs) | **Ngày dạy** | **Lớp 6A6** (46 hs) |
| **34** | 133 | 03/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 134 | 03/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 135 | 04/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 136 | 04/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| **35** | 137 | 05/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 138 | 06/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 139 | 06/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |
| 140 | 07/5/2024 |  | Vắng: |  | Vắng: |

**Bài 10:** **CUỐN SÁCH TÔI YÊU**

**(Số tiết: 8 tiết)**

*Thiên nhiên và sách thuộc về những đôi mắt thấy chúng.*

Ơ-mơ-sơn (R.W. Emerson)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

**a. Năng lực văn học**

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học; [1]

- Nhận ra được đặc điểm của bài văn nghị luận văn học (lí lẽ và dẫn chứng trong bài nghị luận văn học); [2].

- Xác định được đề tài, chủ đề, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản; Nhận biết được nội dung đề tài, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong cuốn sách. [3]

**b. Năng lực ngôn ngữ**

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống; [4]

- Biết kể lại tóm tắt nội dung cuốn sách; Biết giới thiệu về cuốn sách yêu thích, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ....[5]

- Đưa ra được các ý tưởng, sáng tạo được các poster giới thiệu về cuốn sách có tính thẩm mĩ. [6]

**2. Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm [7].

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc, hoàn thiện nhiệm vụ học tập cá nhân [8].

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi và tình huống học tập và sáng tạo các poster, sản phẩm nghệ thuật giới thiệu sách [9]

**3. Phẩm chất**

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách; [10]

- Chăm chỉ, tích cực trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập [11].

\* HS khuyết tật: biết đọc sách theo yêu cầu. Biết hợp tác tham gia hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Thiết bị dạy học:

+ Máy tính, máy chiếu;

+ Phiếu đọc sách;

-Học liệu:

+ SGK, SGV, Kế hoạch bài dạy

+ Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất - ngôi nhà chung.

+ Tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh và phim ngắn),...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Mang đến lớp một vài cuốn sách có liên quan đến các chủ đề đã học;

- Thiết kế góc đọc sách của lớp;

- Chuẩn bị nội dung giới thiệu cuốn sách yêu thích;

- Các đồ dùng học tập: màu vẽ, giấy vẽ ... chuẩn bị cho thiết kế poster hoặc vẽ tranh minh học cho sách.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 133. SÁCH HAY CÙNG ĐỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

**b. Nội dung:** HS tự đọc phần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày dựa tên sự hiểu biết của mình.

**c.** **Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Sách có từ bao giờ? Sách được làm bằng những chất liệu nào? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 2: Hãy nêu những kỉ lục về sách mà em biết? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 3: Thư viện nào được coi là thư viện đầu tiên trên thế giới? Vì sao trong giai đoạn đó, thư viện này được coi là thư viện lớn nhất? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 4: Nêu tên các chủ đề đã học từ bài 1 đến bài 9? Hãy kể tên 1 cuốn sách có nội dung phù hợp với mỗi chủ đề đã học.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận theo nhóm và ghi lại kết quả thảo luận (thời gian: 5 phút)

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

-GV đại diện nhóm trả lời,

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS

- Chốt thông tin cơ bản:

+ Sách đầu tiên là của người Ai Cập, xuất hiện vào khoảng thế kỉ XXV trước Công nguyên. Ban đầu sách được khắc trên đá, thân cây, xương, đất sét, gỗ hoặc viết vẽ trên lá cây, vải...

+ Những kỉ lục liên quan đến sách: cuốn sách có kích thước lớn nhất là cuốn viết về vương quốc Bu-tan do nhà khoa học Mỹ Ha-li vận động quỹ để làm ra. Cuốn sách dày 112 trang, nặng 59kg. Cuốn sách nhỏ nhất là cuốn Ti-ni Tét ở thị trấn Tơ-nip có kích thước 0,1 mm × 0,07 mm.

+ Thư viện đầu tiên là thư viện A-lếch-xan-đri-a ở Ai Cập. Thư viện này tồn tại từ thế kỉ thứ III trước Công nguyên, gồm khoảng 7 000 000 bản chép tay về các lĩnh vực khác nhau như: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, triết học. lịch sử, khoa học...

+ Kể được chính xác tên các cuốn sách và tên tác giả có nội dung ứng với mỗi chủ đề đã học.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. ĐỌC**

**Hoạt động 1.1. GIỚI THIỆU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** [2], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 10 và trả lời câu hỏi:  ? Văn bản nghị luận văn học là kiểu văn bản bàn luận về đối tượng nào?  ? Lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học có đặc điểm gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc mục Tri thức ngữ văn, chắt lọc thông tin để trả lời từng câu hỏi.  - GV hỗ trợ  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung kiến thức. | TRI THỨC NGỮ VĂN VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC  **1. Khái niệm văn bản nghị luận văn học**  Là một loại văn bản nghị luận có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại, ...  **2. Các yếu tố của văn bản nghị luận văn học**  - Lí lẽ: chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại, ...  - Bằng chứng: thường lấy từ tác phẩm văn học. |

**Hoạt động 1.2. THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH**

**Hoạt động 1.2.1. SÁCH HAY CÙNG ĐỌC**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [6], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng những cuốn sách phù hợp với các chủ đề đã học, giới thiệu về cuốn sách và thuyết phục các bạn cùng đọc

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đọc sách của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh: Với mỗi cuốn sách đã chuẩn bị, hãy thiết kế một góc đọc sách trong lớp học (thời gian 10 phút)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các tổ tập hợp sách đã chuẩn bị từ nhà.  - Phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  + Nhóm 1. Phụ trách phân loại nội dung sách theo chủ đề  + Phóm 2. Phụ trách về mặt thiết kế hình thức sắp xếp  + Nhóm 3. Xây dựng cây đọc sách (vẽ trên giấy A0)  + Nhóm 4. Chuẩn bị các phiếu đọc sách (hình thức là các bông hoa, quả có ghi tên sách có trong góc đọc sách để sau khi học sinh đọc sách đó sẽ dán phiếu lên cây đọc sách của lớp).  - GV theo dõi, hỗ trợ học sinh.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện học sinh giới thiệu chung về góc đọc sách của lớp (số lượng, các loại sách và cách sắp xếp…)  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét công việc chuẩn bị và thái độ tham gia hoạt động của học sinh.  - Nhắc học sinh tiếp tục bổ sung và hoàn thiện góc đọc sách trong những buổi tiếp theo)  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm với nội dung:  1. Với mỗi chủ đề đã học (từ Bài 1 đến Bài 9), tìm một cuốn sách có nội dung liên quan điền vào Phiếu học tập số 1.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Chủ đề** | **Tên sách (gợi ý)** | | 1 | Tôi và các bạn |  | | 2 | Gõ cửa trái tim |  | | 3 | Yêu thương và chia sẻ, |  | | 4 | Quê hương yêu dấu |  | | 5 | Những nẻo đường xứ sở |  | | 6 | Chuyện kể về những người anh hùng |  | | 7 | Thế giới cổ tích |  | | 8 | Khác biệt và gần gũi |  | | 9 | Trái Đất - ngôi nhà chung |  |   2. Chọn một cuốn sách để cùng đọc và giới thiệu về cuốn sách đó bằng pô-xtơ và hoàn thành Phiếu học tập số 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Yêu cầu** | **Nội dung** | | 1 | Nêu rõ tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản? | …………………………  …………………………  ………………………… | | 2 | Tóm tắt nội dung: đề tài, chủ đề, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết… | …………………………  …………………………  ………………………… | | 3 | Liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích dẫn từ cuốn sách hoặc những câu nhận định về cuốn sách. | …………………………  …………………………  …………………………  ………………………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thảo luận:  + Lựa chọn sách  + Cùng đọc và thiết kế pô-xtơ cho cuốn sách  + Phân công thành viên giới thiệu cuốn sách (theo gợi ý) và thuyết phụ các bạn trong lớp cùng đọc.  - GV theo dõi, hỗ trợ học sinh.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm giới thiệu chung về cuốn sách trước lớp (Bản pô-xtơ sẽ tiếp tục hoàn thiện và giới thiệu trong hoạt động cuối của dự án (phần Về đích – Ngày hội với sách).  - HS khác nhận xét, trình bày suy nghĩ và dự kiến hành động sau khi được nghe bạn giới thiệu sách.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá thái độ tham gia hoạt động và nội dung giới thiệu sách của học sinh. | I. SÁCH HAY CÙNG ĐỌC  **1. Thiết kế góc đọc sách**  **2. Giới thiệu sách cùng đọc**  - Chọn sách có liên quan đến chủ đề đã học  - Đọc và giới thiệu |

- **Hướng dẫn HS tự học**: Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện pô-xtơ giới thiệu sách. Rèn luyện thói quen đọc sách và ghi lại nhật kí đọc sách. Chọn một cuốn sách yêu thích để chia sẻ với các bạn trong hoạt động sau.

**Tiết 134**

**Hoạt động 1.2.2. CUỐN SÁCH YÊU THÍCH**

**a. Mục tiêu:** [1], [3], [5], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS ghi lại kết qua đọc sách và chia sẻ về một cuốn sách yêu thích

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả đọc sách của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS  1. Chia sẻ những điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc; Kể tên một cuốn sách em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục các bạn cùng đọc.  2. Giao phiếu học tập: Mỗi HS chọn một cuốn sách yêu thích, có thể là sách văn học hoặc sách khoa học. Đọc và ghi chép lại những điều thu hoạch được vào phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | Tên cuốn sách |  | | Tên tác giả |  | | Giải thích nhan đề |  | | Phần mở đầu của cuốn sách có gì đáng chú ý? |  | | Em đã gặp những ai, đến nơi đâu, hiểu biết thêm điều gì qua trang sách? |  | | Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này? Bài học rút ra từ cuốn sách? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS chuẩn bị nội dung hoàn thành phiếu học tập.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Gọi 3-4 học sinh giới thiệu về cuốn sách yêu thích  - HS khác lắng nghe, có thể hỏi thêm những thông tin chưa rõ trong cuốn sách, trong tác phẩm.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét đánh giá thái độ tham gia hoạt động và nội dung giới thiệu sách của học sinh.  - **Hướng dẫn HS tự học**: Ghi lại nhật kí đọc sách; tìm hiểu phần Gặp gỡ tác giả (SGK/Tr100) để chuẩn bị cho hoạt động sau. | II. CUỐN SÁCH YÊU THÍCH |

**Tiết 135**

**Hoạt động 1.2.3. GẶP GỠ TÁC GIẢ**

**a. Mục tiêu:** [2], [3], [7], [8], [9], [11].

**b. Nội dung:** HS sử dụng sách giáo khoa, chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc văn bản “Lò Ngân Sủn - người con của núi” theo nhóm, trong quá trình đọc, HS tìm kiếm các thông tin để trả lời các câu hỏi trong phần 2 sgk/102.  - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn” cho các nhóm bằng hình thức đưa ra các câu hỏi dạng trắc nghiệm, ai có câu trả lời nhanh và đúng sẽ được 1 điểm cộng.  \* Câu hỏi của trò chơi:  **Câu 1: Vì sao Lò Ngân Sủn được tác giả gọi là "người con của núi"?**  A. Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  ***B.*** *Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng.*  C. Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sun đích thực là một “người con của núi", của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  D. Vì Lò Ngân Sủn là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như Chiếu biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rộng.  **Câu 2: Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài?**  ***A****. Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt.*  B. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn.  C. Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như *Chiếu biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rộng* đều mang âm vọng của núi, mênh mang lời của núi.  D. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bói đáp nên vẻ dẹp thơ mộng và mảnh liệt ấy trong thơ ông?  **Câu 3: Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?**  A. Lí lẽ  ***B****. Bằng chứng*  **Câu 4: Câu cuối cùng của bài viết có quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu?**  A. Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận.  B. Làm bằng chứng cho vấn đề được nêu ra đề bàn luận.  C. Nêu cảm xúc của người viết về vấn đề cần bàn luận.  ***D****. Tổng hợp và kết luận về vấn để đã được nêu ra để bàn luận.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, đưa ra câu hỏi.  - HS đọc theo nhóm, tìm hiểu câu trả lời, tìm hiểu các lý lẽ dẫn chứng thông qua việc tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn" - trả lời câu hỏi trắc nghiệm.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi của GV, bạn nào xung phong nhnh nhất và trả lời đúng sẽ được 1 điểm cộng.  - HS khác nhận xét  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** Nhận xét câu trả lời của HS, tổng kết trò chơi và chốt kiến thức lên màn hình.  - GVnhấn mạnh: Tác giả đã đưa ra các lời bình luận về Lò Ngân Sủn, đó là những lí lẽ của người viết và các đoạn thơ được trích dẫn chính là các bằng chứng để làm chứng, minh hoạ cho lý lẽ.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Cách làm bài nghị luận văn học về một tác giả?  ?HS tìm kiếm thông tin về một tác giả em yêu thích và giới thiệu với các bạn.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  -HS tìm thông tin về tác giả, đưa ra nhận xét, lí lẽ và dẫn chứng  - GV hỗ trợ nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động:**  - HS trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá | III. GẶP GỠ TÁC GIẢ  **1. Tìm hiểu văn bản: “Lò Ngân Sủn - người con của núi”**  **2. Giới thiệu về tác giả yêu thích** |

(**Hướng dẫn HS chuẩn bị cho nội dung tiết học sau**: Xem một số phim chuyển thể từ sách và so sánh rút ra nhận xét)

**Tiết 136**

**Hoạt động 1.2.4. PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH**

**a. Mục tiêu:** [7], [8], [9], [11].

- HS làm quen và bước đầu thấy được mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật: văn học và nghệ thuật, văn học và hội họa; thiết kế poster hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.

**b. Nội dung:**

-HS xem một đoạn trong bộ phim hoạt hình *Cô bé bán diêm*

- Nhận thấy sự tương đồng và khác biệt giữa truyện và phim

- Thiết kế một poster hoặc vẽ lại bìa sách

- HS sử dụng sách giáo khoa, chắt lọc thông tin để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Câu trả lời của HS

- Poster giới thiệu phim hoặc tranh vẽ lại trang bìa sách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV chiếu một đoạn trong bộ phim *Cô bé bán diêm.*  - GV chia lớp thành 4 nhóm:Thảo luận và so sánh chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và sách hoàn thành vào phiếu học tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Điểm tương đồng | Điểm khác biệt | | | Phim | Sách (tác phẩm văn học) | | Nội dung | .................. | .................. | ......................... | | Hình thức | .................. | .................. | ........................ |   **B2.** **Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  -Các nhóm xem phim, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.  - Phân tích, trao đổi, so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa phim và tác phẩm văn học hoàn thành nội dung vào phiếu học tập.  **B3.** **Báo cáo kết quả hoạt động**  - Báo cáo ý kiến theo nhóm.  - HS nhận xét đánh giá theo tiêu chí  **B4.** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét.  - Chốt lại vai trò, ưu điểm của các tác phẩm văn học so với các loại hình nghệ thuật khác: Các tác phẩm văn học sử dụng nghệ thuật ngôn từ có thể diễn tả một cách sâu sắc thế giới nội tâm, diếm biến tâm lí, tình cảm sâu kín bên trong của con người.  **Nhiệm vụ 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Cá nhân học sinh thiết kế poster giới thiệu một bộ phim đã xem hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.  **B2.** **Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  -Học sinh thiết kế poster giới thiệu một bộ phim đã xem hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.  (Tiếp tục hoàn thiện sản phẩm ở nhà để trưng bày, giới thiệu trong phần Về đích: Ngày hội với sách) | **IV. Phiêu lưu cùng trang sách**  1. Xem phim chuyển thể từ sách  2. So sánh sự khác biệt giữa sách và phim chuyển thể |

HỒ SƠ DẠY HỌC

**1. Sản phẩm Phiếu học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm tương đồng** | **Điểm khác biệt** | |
| **Phim** | **Sách (tác phẩm văn học)** |
| Phim giữ nguyên cốt truyện, kể về cố bé bán diêm trong đêm giao thừa. | Phim có sử dụng âm nhạc, đầu tư hình ảnh, diễn viên,..-> hấp dẫn thu hút người xem. | Truyện: lời kể ngắn gọn, giàu ý nghĩa, giúp người đọc hiểu được suy nghĩ nội tâm của nhân vật, sự đan xen thực tại và mộng tưởng, cùng sự thái độ của nhà văn... |

**2. Phiếu đánh giá theo tiêu chí**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các mức độ đánh giá điểm tương đồng và khác biệt biệt giữa phim và tác phẩm văn học** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1 | - Chỉ ra sự tương đồng cơ bản giữa phim và tác phẩm văn học về hình thức và nội dung thể hiện. |  |  |
| 2 | - Chỉ ra một vài sự khác biệt giữa hai thể loại. |  |  |
| 3 | - Phát hiện được một số chi tiết cơ bản về nội dung, cốt truyện ...đã thay đổi trong phim so với tác phẩm văn học được học. |  |  |
| 4 | - Bày tỏ ý kiến đánh giá riêng về giá trị của từng hình thức phim và văn học. |  |  |

**(GV hướng dẫn học sinh**

Chuẩn bị cho hoạt động viết với thách thức tứ hai *Sáng tạo cùng tác giả*: sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật từ cuốn sách yêu thích như sáng tác thơ, kể chuyện sáng tạo, vẽ tranh … theo nội dung hướng dẫn SGK/Tr103)

**Hoạt động 2. VIẾT: THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ**

**Tiết 137**

**Hoạt động 2.1. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT**

**a. Mục tiêu**

**\* Năng lực đặc thù**

- Năng lực văn học: HS thể hiện kết quả thưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp. Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách yêu thích (sang tác thơ, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật, vẽ tranh, dựng hoạt cảnh…)

- Năng lực ngôn ngữ:Trình bàyđược các ý tưởng, sáng tạo từ cuốn sách yêu thích

**\* Năng lực chung**: [7], [8], [9]

**\* Phẩm chất:** [10], [11].

**b. Nội dung:** HS lựa chọn và thực hiện một trong các nội dung sáng tác thơ, kể chuyện sáng tạo, vẽ tranh… theo nội dung hướng dẫn SGK/Tr103 để trình bày trước nhóm, lớp.

**c. Sản phẩm:** Các sản phẩm nghệ thuật của được HS lấy ý tưởng từ cuốn sách

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS trình bày, giới thiệu sản phẩm nghệ thuật mà HS đã sáng tạo ở nhà trước tổ, nhóm (chia lớp thành 4-6 nhóm). Mỗi nhóm chọn một sản phẩm trong các sản phẩm sau để giới thiệu trước lớp:  + Sáng tác thơ (cảm xúc của em về nội dung, ý nghĩa, của tác phẩm văn học hoặc một cuốn sách em đã đọc)  + Kể chuyện sáng tạo (chọn một đoạn truyện)  + Dựng kịch ngắn (chọn đoạn truyện tiêu biểu)  + Thiết kế bìa minh họa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới.  + Vẽ hình ảnh nhân vật em yêu thích  + Viết lời tựa cho cuốn sách em yêu thích.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thiết kế sản phẩm của mình ở nhà đem trao đổi với bạn bè trong nhóm.  - Các nhóm chọn đại diện để giới thiệu sản phẩm.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS lớp quan sát, lắng nghe, và chọn lọc những sản phẩm đặc sắc để đánh giá, cho điểm  - GV hướng dẫn HS hiểu rõ từng yêu cầu của từng sản phẩm để đánh giá theo tiêu chí.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | 1. Nội dung: phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách) |  |  | | 2. Hình thức: Hài hòa, sáng tạo, có sức cuốn hút. Lời văn (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện. |  |  | | 3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc. |  |  | | 4. Phong cách tự tin, đĩnh đạc |  |  |   - HS trình bày kết quả đánh giá theo tiêu chí  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**.  - GV nhận xét đánh giá sản phẩm sáng tạo của HS.  - Động viên khuyến khích học sinh phát huy năng lực sang tạo của mình. | **I. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT**  1. Sáng tác thơ (cảm xúc của em về nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học hoặcmột cuốn sách em đã đọc)  2. Kể chuyện sáng tạo  3. Dựng kịch ngắn (chọn đoạn truyện tiêu biểu)  4. Thiết kế bìa minh họa cho cuốn sách em yêu thích.  5. Vẽ hình ảnh nhân vật em yêu thích  6. Viết lời tựa cho cuốn sách em yêu thích. |

**(GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc** SGK/Tr104, 105)

**Tiết 138. Hoạt động 2.2:**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

\* Năng lực đặc thù: [2], [4].

\* Năng lực chung: [7], [8], [9].

\* Phẩm chất: [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh sử dụng SGK, chắt lọc nội dung thông tin trả lời câu hỏi nhận biết yêu cầu kiểu bài, hoàn thành phiếu học tập và viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sốn được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập và bài văn học sinh viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sốn được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**

**a. Mục tiêu:** Hiểu yêu cầu bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sốn được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn học sinh sử dụng SGK, phân tích bài tham khảo để nhận biết yêu cầu bài văn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu hướng dẫn HS đọc tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc  - HS thảo luận về các yêu cầu theo cặp:  1. Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc thuộc loại VB nào?  2. Vấn đề được đề cập trong bài viết thuộc phạm vi ở đâu? Cơ sở để người viết bày tỏ ý kiến phải xuất phát từ đâu?  3. Yếu tố cơ bản của bài văn là gì?  4. Bài văn cần phải đảm bảo những yêu cầu gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS cần xác định rõ: Sự việc hiện tượng đời sống được gợi ra từ chi tiết, sự việc trong cuốn sách. Từ đó, HS biết suy nghĩ, tìm hiện tượng trong đời sống cần suy nghĩ, để bày tỏ ý kiến của mình trước hiện tượng, sau đó biết phân tích nguyên nhân, hậu quả/ lợi ích, đề xuất pháp khắc phục/ phát huy sự việc đó.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  + Đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi:  ? Hiện tượng được nói đến trong bài viết là gì? Dựa vào chi tiết nào em biết được điều đó?  ? Quan điểm của người viết trước hiện tượng đó?  ? Chỉ ra những lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong bài?  ? Bài viết có bố cục mấy phần? Nhiệm vụ từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.  - Gv theo dõi, hỗ trợ HS  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | **I. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc:**  \* Loại văn bản: Nghị luận xã hội  - Vấn đề bàn luận: hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.   * - Yếu tố cơ bản: Lí lẽ và bằng chứng  **\* Yêu cầu cơ bản:** * + Nêu được tên sách và tác giả. * + Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó. * + Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng   **\* Phân tích bài viết tham khảo: Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường**  - Hiện tượng: Tràn dầu trên biển (Ken-ga bị dính váng dầu) gợi ra suy nghĩ về trách nhiệm của con người đối với môi trường sống.  -> Vấn đề nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường  - Bày tỏ ý kiến: Là hiện tượng đáng lên án gây nhiều hậu quả xấu đối với thiên nhiên và con người.  - Lí lẽ, bằng chứng:  + Thực trạng về hiện tượng ô nhiễm môi trường. Bằng chứng: dầu tràn, rác thải nhựa, nước thải…  + Hậu quả nghiêm trọng là hủy hoại môi trường, de dọa sự sống của nhiều sinh vật  + Cần có giải pháp bảo vệ môi trường sống trên trái đất và sự sống của mọi sinh vật. Bằng chứng là những việc người viết đã làm khi đi du lịch biển, lúc ở nhà…  - Bố cục 3 phần:  + Mở bài  + Thân bài  + Kết bài. |

**Hoạt động 2.2.2. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** [2], [4], [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** HS xác định hiện tượng, tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu tìm ý và bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sốn được gợi ra từ cuốn sách mà học sinh viết.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Trước khi viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thực hiện các bước trước khi viết theo hướng dẫn:  (a) Lựa chọn đề tài: GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  (b) Tìm ý theo Phiếu tìm ý:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý**  Họ và tên: .........................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng gợi ra từ sách. Ghi vào cột bên phải. | | | - Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó? |  | | Hiện tượng đó là gì? |  | | Ý kiến của em như thế nào? |  | | Hiện tượng đó xảy ra như thế nào? |  | | Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác? |  | | Cần làm gì để khắc phục (hiện tượng xấu) hoặc phát huy (hiện tượng tốt)? |  |   (c) Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý:  - Mở bài em sẽ làm gì?  - Thân bài:  Em sẽ chọn lí lẽ cơ bản nào? Dẫn chứng nào sẽ phù hợp và tiêu biểu cho lí lẽ ấy?  Sắp xếp các ý ra sao cho tăng độ thuyết phục?  - Kết bài có nhiệm vụ như thế nào?  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày ý tưởng bài viết.  - HS khác và GV nhận xét, bổ sung  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt nội dung yêu cầu trước khi viết  **Nhiệm vụ 2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tập viết theo dàn ý đã lập  - HS hoạt động cá nhân  - Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài sau khi viết xong: Đọc lại bài văn đã viết để đảm bảo: Tính chính xác của tên sách, tên tác giả, hiện tượng đời sống được gợi ra. Kiểm tra lí lẽ, bằng chứng đủ làm rõ vấn đề. Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ.  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện việc viết bài và chỉnh sửa bài viết ở nhà  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm bài viết vào giờ học Nói và nghe.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  - Thực hiện ở giờ học Nói và nghe. | **III. Thực hành viết theo các bước**  Đề bài: Em hãy viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc  **1. Trước khi viết**  a. *Lựa chọn đề tài:* Chọn một cuốn sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.  b. *Tìm ý:*  - Tên cuốn sách? Tên tác giả?  - Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?  - Chi tiết, sự việc, nhân vật đó gợi hiện tượng đời sống nào?  - Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó?  c. *Lập dàn ý:*  - Mở bài: Giới thiệu tên sách, tác giả và hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.  - Thân bài:  + Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng.  + Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng cần bàn luận.  + Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn.  - Kết bài: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  **2. Viết bài**  - Triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý;  - Phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài;  - Tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.  **3. Chỉnh sửa bài viết*.*** |

**\* GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị cho hoạt động Nói và nghe: *Giới thiệu sản phẩm minh họa sách* ở giờ sau với các nội dung:**

- Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp;

- Nhật kí đọc sách của cá nhân;

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;

- Các poster giới thiệu sách, tranh vẽ chi tiết, nhân vật yêu thích trong cuốn sách đã đọc;

- Bài giới thiệu sách của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;

- Đóng một đoạn tiểu phẩm trong các tác phẩm văn học yêu thích (nhóm)

**Hoạt động 3. Nói và nghe**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**a. Mục tiêu:**

\* Năng lực đặc thù: [3], [5]

\* Năng lực chung: [7], [8], [9].

\* Phẩm chất: [10], [11].

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thực hiện hoạt động báo cáo kết quả trưng bày, thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách; Trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**c. Sản phẩm:** Góc đọc sách, cây đọc sách, poster tranh vẽ minh họa sách, nhật kí đọc sách, nội dung ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ cuốn sách đã đọc. Phiếu đánh giá của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Tiết 139**

**Hoạt động 3.1. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HỌA SÁCH**

**Hoạt động 3.1.1. Kết nối - giới thiệu bài**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS lắng nghe bài hát và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***

GV cho HS nghe bài hát Trang sách em yêu của Jolie Quỳnh Anh – Zing MP3 tại địa chỉ:<https://zingmp3.vn/bai-hat/Trang-sach-em-yeu-Jolie-Quynh-Anh/IW86Z80I.html>**)**

? Em nghe thấy tên những cuốn sách hoặc câu chuyện nào được nhắc đến trong bài hát? Theo bài hát, sách cho ta điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và giới thiệu bài

Các em đang thực hiện dự án đọc sách ở Bài 10. Ở Thách thức đầu tiên “Mỗi ngày một cuốn sách” các em được đọc những cuốn sách mình yêu thích, được phiêu lưu cùng trang sách khi xem những bộ phim chuyển thể từ các câu chuyện đã học trong sgk Ngữ văn 6. Với thách thức thứ hai, các em đã được sáng tạo cùng tác giả khi tập thiết kế những tấm poster (tấm áp phích hoặc tờ quảng cáo) giới thiệu sách, được vẽ những bức tranh minh họa cho những chi tiết, nhân vật mình yêu thích trong cuốn sách đã đọc. Hôm nay là chặng cuối cùng của dự án, các em sẽ báo cáo kết quả thực hiện dự án bằng việc giới thiệu sách, giới thiệu sản phẩm minh họa sách góp phần quảng bá về sách, lan tỏa tình yêu, sự đam mê đọc sách tới mọi người.

**Hoạt động 3.1.2. Giới thiệu sản phẩm minh họa sách**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết trưng bày sản phẩm của mình đẹp, khoa học. HS biết cách nói và nghe phù hợp: Biết thuyết trình về sản phẩm của nhóm/cá nhân, tạo sự lôi cuốn người nghe và tiếp thu các ý kiến đánh giá, nhận xét.

+ HS biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày và đưa ra nhận xét đúng, phản hồi tích cực.

- [7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thực hiện hoạt động báo cáo kết quả trưng bày, thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách;

**c. Sản phẩm:**

- Góc đọc sách của lớp

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;

- Cây đọc sách của nhóm, lớp;

- Nhật kí đọc sách của cá nhân;

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1. Trưng bày sản phẩm minh họa sách**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Nhóm 1. Trưng bày góc đọc sách (được tạo ra từ những cuốn sách các bạn đã đọc trong thời gian thực hiện dự án)  - Nhóm 2. Trưng bày cây đọc sách (được tạo nên từ tên cuốn sách yêu thích của mỗi bạn)  - Nhóm 3. Trưng bày sản phẩm nghệ thuật(poster, tranh vẽ giới thiệu sách, được vẽ những bức tranh minh họa cho những chi tiết, nhân vật mình yêu thích trong cuốn sách đã đọc)  **\* Yêu cầu:**  + Thời gian cho việc trưng bày (5 Phút)  + Sau khi trưng bày, đại diện nhóm sẽ thuyết trình về sản phẩm vừa hoàn thành (2 phút/nhóm).  + Lớp cử 4 bạn, mỗi tổ 1 bạn trong Ban giám khảo để đánh giá kết quả (3 bạn chấm điểm đánh giá theo tiêu chí và 1 bạn là thư kí tổng hợp kết quả chung)  **(GV chiếu tiêu chí đánh giá định hướng cho hoạt động của học sinh)**  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trưng bày (5 phút)  - BGK theo dõi  - GV hướng dẫn gợi ý:  + Sắp xếp sách vừa chú ý đến hình thức thẩm mĩ, VD khổ sách giống nhau xếp cạnh nhau, vừa chú ý phân loại nội dung cùng chủ đề xếp cùng nhau  + Cây đọc sách và tranh vẽ chú ý lựa chọn hình ảnh đảm bảo sự cân đối, hài hòa  **B3. HS báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm (thời gian 2 phút/nhóm)  - HS khác lắng nghe, góp ý hoặc hỏi những điều chưa rõ cần được giải đáp  - Ban giám khảo báo cáo kết quả chấm điểm theo tiêu chí.  - HS khác nhận xét, đánh giá.  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Đánh giá ý thức chuẩn bị, chất lượng của sản phẩm  - Khuyến khích học sinh tạo ra góc đọc sách, cây đọc sách của riêng mình ở nhà, đọc sách hàng ngày và ghi lại nhật kí đọc sách.  **Nhiệm vụ 2. Giới thiệu và chia sẻ về cuốn sách đã đọc**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Giới thiệu và chia sẻ cuốn sách mà em đã đọc?  (Tên sách, đề tài nội dung, câu văn yêu thích, bài học, thông điệp từ cuốn sách)  2. Tổ chức trò chơi *Hái hoa trên cây đọc sách*  (HS lên bảng hái hoa có tên cuốn sách để được giải đáp về nội dung cuốn sách).  3. HS đóng tiểu phẩm từ một đoạn trích trong tác phẩm truyện hoặc hát một bài được phổ nhạc từ tác phẩm thơ.  **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS chuẩn bị nội dung để trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu  **B3. HS báo cáo kết quả hoạt động**  - Cá nhân học sinh thuyết trình, giới thiệu về cuốn sách yêu thích  - HS khác lắng nghe, góp ý hoặc hỏi những điều chưa rõ cần được giải đáp  **B4. GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu thêm về các cuốn sách hay. VD:  *+ Hạt giống tâm hồn*: Gồm nhiều cuốn, nhiều tác giả với nhiều chủ đề (tình cảm gia đình, tình bạn, tình yêu thương chia sẻ...). Cuốn sách là tổng hợp những câu chuyện để nuôi dưỡng tâm hồn của mỗi người, bất cứ ai cũng có thể tìm thấy bản thân mình trong những mẩu chuyện giản dị, bình thường nhưng đầy triết lí nhân sinh.  **+** *Đắc nhân tâm* (chủ đề khác biệt và gần gũi – cách nhìn nhận và đánh giá con người): Nội dung chia sẻ những câu chuyện giúp người đọc học hỏi, rèn luyện bản thân gồm 4 phần, 30 chương. Bài học về nghệ thuật thu phục lòng người bằng sự hiểu rõ bản thân, thành thực với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi tiềm năng ở họ.  **Nhiệm vụ 3. Tổng kết**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Qua quá trình tham gia dự án đọc sách, qua các sản phẩm của dự án, em có nhân xét gì về nội dung của những cuốn sách được giới thiệu trong giờ học?  ? Theo em, việc đọc sách có tác dụng gì đối với việc học môn Ngữ văn?  ? Việc đọc sách còn có tác dụng nào khác?  ? Qua dự án này, em muốn gửi đến các bạn thông điệp gì?  **B2. Học sinh trao đổi, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, tìm câu tả lời  - GV gợi ý nếu cần  **B3. HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt vai trò của sách:  + Nội dung sách đa dạng, kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực  + Sách bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn, cách ứng xử, kĩ năng sống, …; Mở rộng kiến thức nhiều lĩnh vực … 🡪 Mở rộng cánh cửa trí tuệ và tâm hồn con người).  + Đối với môn học Ngữ văn: Mở rộng thêm về nội dung chủ đề bài học trong chương trình; học được các kĩ năng cần thiết trong việc viết các loại văn bản…  - Khuyến khích học sinh thực hiện việc đọc sách. | **I. Trưng bày và giới thiệu sản phẩm minh họa sách**  - Góc đọc sách  - Cây đọc sách  - Sản phẩm nghệ thuật (poster, tranh vẽ) từ sách.  **2. Giới thiệu sách**  - Thuyết trình sách  - Chia sẻ về cuốn sách yêu thích  - Giới thiệu sách qua một loại hình nghệ thuật. |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM CHO SẢN PHẨM NHÓM

(Sử dụng cho Ban giám khảo và học sinh trong đánh giá)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **Nhóm 1. Trưng bày góc đọc sách** | Hình thức (cân đối, bắt mắt) | 3 |  |
| Nội dung (nhiều loại sách phong phú) | 3 |  |
| Sáng tạo | 2 |  |
| Thuyết trình (tự tin, lôi cuốn) | 2 |  |
| **Tổng** | **10** |  |
| **Nhóm 2.**  **Cây đọc sách** | Hình thức (trang trí, màu sắc) | 3 |  |
| Nội dung (tên sách đa dạng) | 3 |  |
| Sáng tạo | 2 |  |
| Thuyết trình (tự tin, lôi cuốn) | 2 |  |
| **Tổng** | **10** |  |
| **Nhóm 3.**  **Pô-xtơ, Tranh vẽ minh họa sách** | Bố cục, trang trí, màu sắc | 3 |  |
| Nội dung phù hợp với sách | 3 |  |
| Sáng tạo | 2 |  |
| Thuyết trình (tự tin, lôi cuốn) | 2 |  |
| **Tổng** | **10** |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **GK 1** | **GK 2** | **GK 3** | **Tổng** |
| **1** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |

**\* Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói ý kiến của mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách mà em đã đọc cho giờ học sau.**

**Tiết 140**

**Hoạt động 3.2. Nói và nghe:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC**

**GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói - nghe khi Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc; có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

- [5],[7], [8], [9], [10], [11].

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS sử dụng SGK, nhứng kiến thức thu nhận được từ việc đọc sách và từ thực tế đời sống để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  + Bài nói nhằm mục đích gì?  + Người nghe là ai?  + Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **+** Hãy Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc: theo các bước của nội dung phần chuẩn bị nói trong SHS:  Lựa chọn vấn đề?  Tìm ý?  Sắp xếp ý?  - GV cho 1 học sinh đọc các yêu cầu phần chuẩn bị nói.  - HS rà soát lại nội dung chuẩn bị ở nhà của mình đã được chưa; cần bổ sung thêm không?  **B2: HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chuẩn bị nội dung nói theo hướng dẫn  - GV quan sát, khuyến khích  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, kết luận  **Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh tập nói:  + Cách 1: Em có thể luyện nói một mình  **+** Cách 2: Gv chia lớp thành 4,5 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để tập nói cùng các bạn trong nhóm. Nếu tập luyện theo nhóm, cần góp ý với nhau về nội dung và cách trình bày để bài nói được xây dựng hoàn chỉnh và khả năng thuyết trình của mỗi người được nâng lên  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS Trình bày nội dung định nói về vấn đề trong đời sống đã chọn theo nhóm  - Các em khác nghe, góp ý  - GV quan sát, khuyến khích  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả tập luyện.  - Các nhóm nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét thái độ tập luyện của HS  **Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  -HS trình bày bài nói  - Có thể kết hợp một số động tác, nét mặt, ánh mắt để bày tỏ quan điểm và cảm xúc.   * - HS khác lắng nghe những chia sẻ của người nói và có thể ghi lại những điểm cần trao đổi, tranh luận.   **Nhiệm vụ 4**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trao đổi sau khi nói và nghe với các nội dung sau:   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Có thể nêu ý kiến, đặt câu hỏi để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách.  - Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của bạn.  - Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn. | - Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà người nghe nêu ra.  - Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc hoặc có thể thảo luận để tìm hiểu thêm.  - Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí. |   **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi thảo luận về bài nói  - GV quan sát, khuyến khích  **B3: HS báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo kết quả đánh giá theo tiêu chí.  - Các nhóm nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét kết luận | **1. Trước khi nói**  **Đề bài:** Sau khi đọc xong một cuốn sách, có bao vấn đề đời sống được gợi lên, cần chia sẻ, trao đổi. Em hãy trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.  **a**. **Xác định mục đích người nói và người nghe**.  - Mục đích nói: Chia sẻ mối quan tâm về một vấn đề gợi ra từ cuốn sách.   * Người nghe: Thầy cô, bạn bè và những người cùng quan tâm đến vấn đề trong đời sống   **b. Chuẩn bị nội dung nói**  **- Lựa chọn vấn đề**: Trong các vấn đề đời sống mà cuốn sách đã gợi lên, em hãy chọn một vấn đề mà mình có nhiều ý kiến muốn chia sẻ nhất để chuẩn bị bài nói.  **- Tìm ý:** Để tìm ý cho bài nói, cần tự đặt ra và trả lời các câu hỏi như:  + Vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách là gì?  + Chi tiết, sự việc nào trong cuốn sách cho thấy rõ vấn đề ấy?  + Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?  + Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?  + Em muốn trao đổi gì với người nghe, với tác giả và những người đọc khác?  **- Sắp xếp ý:** Sắp xếp các ý đã tìm ở trên theo một trật tự lô-gic và bổ sung, sửa chữa nếu cần để tạo thành đề cương của bài nói với các thông tin cụ thể sau:  + Tên sách và tác giả của cuốn sách đã gợi lên vấn đề đời sống mà em muốn bày tỏ ý kiến.  + Vấn đề đời sống mà em muốn bàn.  + Ý nghĩa của cuốn sách trong việc giúp em có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các vấn đề đời sống.  **c. Tập luyện**    **2. Trình bày bài nói**  **\* Mở đầu:** Lời chào, lời giới thiệu về bản thân và vấn đề trình bày là vấn đề gì, vấn đề ấy được gợi ra từ cuốn sách nào, của ai.  **\* Triển khai**  - Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề.  - Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp  **\* Kết luận**  - Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày. Lời cảm ơn thầy/ cô và các bạn đã lắng nghe.  **3. Sau khi nói** |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Vấn đề đưa ra là vấn đề cố ý nghĩa trong đời sống | Không đưa ra được vấn đề phù hợp | Vấn đề mang tính thời sự, vấn đề phù hợp | Vấn đề nóng bỏng trong xã hội hiện nay |
| 2. Nội dung | ND sơ sài, không bám vào vấn đề đặt ra từ cuốn sách đã đọc, hoặc nêu được quan điểm của cá nhân và không biết bảo vệ quan điểm | HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục biết bảo vệ quan điểm | Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống, quan điểm rõ ràng, hướng tới hành động cụ thể của bản thân, có sức thuyết phục. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu và kĩ năng viết.

**b. Nội dung:** HS sưu tầm và thực hành đọc hiểu các văn bản theo thể loại đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm bài của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Tự ôn tập toàn bộ chương trình Ngữ văn 6: các chủ đề và thể loại đã học, các dạng bài viết.

2. Sưu tầm các văn bản có cùng thể loại và chủ đề với các văn bản đã học, đọc hiểu và trình bày ý kiến về vấn đề được gợi ra từ văn bản đọc.

**\* Học sinh thực hiện ở nhà (trong thời gian nghỉ hè)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN**  **Phạm Thị Lương** |  | *Hương Sơn, ngày 07 tháng 5 năm 2024*  **GIÁO VIÊN**  **Đỗ Thị Thuận** |